

Bản án số: 263/2023/HS-PT

Ngày 05 tháng 5 năm 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phạm Trí Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 28 tháng 4 và ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 494/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ngọc P1, Nguyễn Thị Đài T, Lê Thị Bích N, Nguyễn Văn T1, Đồng Công T2, Nguyễn Hoàng Minh T3, Trần Ngọc K, Lê Hồng H1, Trần Thị Phương T4, Ngô Đài P2, Lê Hữu H2, Phạm Thanh H3. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 10-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Các bị cáo kháng cáo:**

**1. Nguyễn Thị Thúy P**, sinh năm 1981 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: số 6/69/1 Nguyễn Văn L, khóm 1, phường 8, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Võ Thị Mai L; chồng Lê Hoàng Kh (ly hôn năm 2020) và 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2018, đến ngày 22/10/2019 được tại ngoại đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977 tại Trà Vinh. Nơi cư trú: Số 79B, đường C, Khóm 2, phường 8, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nội trợ; trình

độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Thị H5; chồng Mai Phước Đ (ly hôn năm 2018); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2018 đến ngày 22/10/2019 được tại ngoại đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**3. Trần Thị Phương T4**, sinh năm 1986 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: Số 09, Khóm 4, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Mỹ P2; chồng Nguyễn Phước B1 và 01 con sinh năm: 2015; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**4. Nguyễn Văn T1** (tên gọi khác **Nhí**), sinh năm 1987 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: số 240/40/5 khóm 5, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nguyên Kiểm sát viên sơ cấp; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Đặng Thị Kim H6; vợ Nguyễn Thị Yến P3 (là bị cáo trong vụ án) và có 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2019 đến ngày 08/11/2019 được trả tự do. Bị cáo tại ngoại. Có mặt ngày 24/4/2023, vắng mặt ngày 28/4/2023 và khi tuyên án.

**5. Đồng Công T2**, sinh năm 1987 tại Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp 6, xã An T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: 71B, Nguyễn Trung Trphường 8, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Chuyên viên ngân hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Công Tr và bà Lê Thị B1; vợ: Nguyễn Thị Kiều T4 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2019 đến ngày 21/6/2019 được trả tự do. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**6. Lê Hồng H1**, (tên gọi khác: **H**); sinh năm 1989 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: 88 Lô X3, đường số 15, Khu nhà ở H6, ấp S, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Nh và bà Đặng Thị Nh1; chồng Thái Thành Th (ly hôn năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2019 đến ngày 26/6/2019 được trả tự do. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**7. Lê Thị Bích N**; sinh năm 1975 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Tổ 4, Khu Phố, xã h7, huyện T5, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc Tr và bà Lê Thị Thu H8; chồng Bùi Thanh Nh2 và 01 con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**8. Nguyễn Thị Đài T**, sinh năm 1966 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: Số 82A, khóm V, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H8 và bà Nguyễn Thị R; chồng Nguyễn Văn N3 và 02 người con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 25/11/2022, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tại Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2022/HS-ST.

**9. Nguyễn Hoàng Minh T3**; sinh năm 1990 tại Bắc Ninh. Nơi cư trú: số 399/17, Lý Thái T, phường 9, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng T6 và bà Trần Cẩm L1; chồng không có đăng ký kết hôn và 01 con sinh năm: 2015; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**10. Ngô Đài P2**; sinh năm 1976 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: 82A/6, ấp B, xã H7, huyện H5, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Chính Kh và bà Bùi Kim T5; chồng Trần Văn A và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**11. Lê Hữu H2**; sinh năm 1989 tại Mang Thít, Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp C, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu A và bà Lê Thị Thu M1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**12. Trần Ngọc K**; sinh năm 1989 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: Số 177/10 ấp A, xã H7, huyện H5, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Q (chết) và bà Trần Ngọc L2; chồng Lê Minh Tr (ly hôn năm 2019) và 05 người con, lớn nhất sinh năm 2008 nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**13. Nguyễn Thị Ngọc P1**; sinh năm 1989 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp A, xã T5, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 09/2;

dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị L2; chồng Đỗ Văn M1, có 03 người con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2022 tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**14. Phạm Thanh H3**; sinh năm 1975 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Số 38 đường Q, phường A1, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Số 73/14F Phó Cơ Đ, khóm 4, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Ngân hàng TMCP V – CN Vĩnh Long; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T8 và bà Trần Thị Thu H8; vợ Nguyễn Thị Phương T5 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2020 đến ngày 26/4/2021 được tại ngoại cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*- Người bào chữa cho các bị cáo:*

**1/ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy P:** Luật sư Đoàn Trọng Ng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt ngày 24/4/2023, vắng mặt ngày 28/4/2023 và khi tuyên án.

Địa chỉ: 91/45 đường số 2, phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2/ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H:** Luật sư Nguyễn Văn T6 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt ngày 24/4/2023, vắng mặt ngày 28/4/2023 và khi tuyên án.

**3/ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1:** Luật sư Đoàn Trọng Ng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt ngày 24/4/2023, vắng mặt ngày 28/4/2023 và khi tuyên án.

**4/ Người bào chữa cho bị cáo Ngô Đài P2:** Luật sư Trương Ngọc S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: 67/28E Phó Cơ Đ, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt tại phiên tòa.

**5/ Người bào chữa cho bị cáo Đồng Công T2:** Luật sư Nguyễn Văn T6 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt ngày 24/4/2023, vắng mặt ngày 28/4/2023 và khi tuyên án.

**6/ Người bào chữa cho các bị cáo Trần Thị Phương T4, Nguyễn Hoàng Minh T3, Lê Thị Bích N, Nguyễn Thị Ngọc P1, Lê Hữu H2, Trần Ngọc K:** Luật sư Phan Văn H8 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: ấp Trì Ph, xã Hòa L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**7/ Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh H3:** Luật sư Đào Thanh L4 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: G12/13F ấp 7, xã Lê Minh X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**8/ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Đài T:** Luật sư Đặng Thị Bạch L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 387, Phạm Thái B1, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng H1:** Luật sư Nguyễn Thị Thùy C2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 68/10C Phạm Thái B1, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

**Bị hại:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Capital Tower. Số 109 Trần Hưng Đ, phường C3, quận K1, Hà Nội.

**Người đại diện hợp pháp:** Ông Lê Điền K2 – chức vụ: Phó Giám đốc Trung Tâm giám sát kinh doanh. Có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: số 01 Trưng Nữ V, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (LVB) tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 (V1B) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN ngày 28/03/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Năm 2011, với việc Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam (nay là Tổng Công ty V Việt Nam) góp vốn vào V1B bằng giá trị Công ty Dịch vụ Tiết kiệm V (VPSC) và bằng tiền mặt. Ngân hàng V1 đã được Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V Chi nhánh Vĩnh Long (LVB-CN Vĩnh Long) được thành lập theo Quyết định số 605/2013/QĐ-HĐQT ngày 23/11/2013 của Hội đồng quản trị Ngân hàng V, địa chỉ: số 01, đường Trưng Nữ Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, thực hiện chức năng chung là cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính với nghiệp vụ cơ bản là nhận tiền gửi, cho vay và cung ứng các dịch vụ thanh toán. Ngoài ra, còn cung cấp nhiều dịch vụ khác nhằm thoả mãn tối đa nhu cầu về sản phẩm dịch vụ của xã hội, trong đó

sản phẩm cho vay tiêu dùng không tài sản đảm bảo dành cho cán bộ, công chức, viên chức.

Từ năm 2016, Ngân hàng thương mại cổ phần V - chi nhánh tỉnh Vĩnh Long áp dụng sản phẩm cho vay tiêu dùng không tài sản bảo đảm dành cho cán bộ, công chức, viên chức đã tạo điều kiện cho các đối tượng này phát triển về kinh tế, ổn định cuộc sống gia đình. Do thủ tục vay tương đối đơn giản và sự kiểm tra, xác minh thiếu chặt chẽ, không thực hiện đúng quy trình cho vay của một số cán bộ ngân hàng nhằm chạy theo chỉ tiêu của cấp trên giao nên các đối tượng ngoài xã hội hoặc người không đủ điều kiện được vay đã bàn bạc với nhau làm hồ sơ giả đối tượng được vay sản phẩm này nhằm chiếm đoạt tài sản của ngân hàng để trả nợ vay và tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

**1. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172444 ngày 14/9/2017 số tiền 250.000.000 đồng:**

Tháng 09/2017, bị cáo Nguyễn Thị H bản thân không có nghề nghiệp nhưng muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên bị cáo H và bị cáo Nguyễn Thị Thúy P bàn bạc với nhau: bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả cho bị cáo H sử dụng để đủ điều kiện vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long, trong đó bị cáo P chia vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị H đã gặp bị cáo Phan Hữu Trí – nguyên cán bộ Đội Cảnh sát quản lý hành chính Công an thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bàn bạc bị cáo Trí làm sổ hộ khẩu có thông tin giả để bị cáo H được cấp giấy chứng minh nhân dân có thông tin giả, bị cáo H sẽ trả công nhưng không thỏa thuận số tiền cụ thể. Qua đó, bị cáo Trí không được giao nhiệm vụ cấp, đổi sổ hộ khẩu đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý biểu mẫu Phôi sổ hộ khẩu, Trí lấy mang về nhờ vợ là Nguyễn Thị Lưu Thủy - sinh: 1993, điền nội dung: sổ hộ khẩu B4012, tên Nguyễn Thị H nguyên quán Tân Nhuận Đông, Châu Thành, Đồng Tháp, địa chỉ số 27/109Z, Hoàng Hoa Thám, phường 2, thành phố Vĩnh Long, sau đó bị cáo Trí ký giả chữ ký của cán bộ đăng ký Cao Hồng Thu và ký giả chữ ký Thượng tá Hồ Quyết T1 - Phó trưởng Công an thành phố Vĩnh Long và lợi dụng sơ hở của cán bộ được giao quản lý và sử dụng con dấu, bị cáo Trí sử dụng con dấu Công an thành phố Vĩnh Long đóng vào sổ hộ khẩu này. Sau đó, bị cáo Trí hướng dẫn bị cáo H viết đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân ngày 05/9/2017 với thông tin giả nêu trên và cùng bị cáo H đến Công an phường 2, thành phố Vĩnh Long xác nhận, rồi mang đến Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Vĩnh Long làm thủ tục xin cấp Giấy chứng minh nhân dân cho bị cáo Nguyễn Thị H, cùng ngày 05/9/2017, bị cáo H được Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Vĩnh Long cấp giấy Chứng minh

nhân dân số: 331 910 584, tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1978, Nơi ĐKTT: số 27/109Z, Hoàng Hoa Thám, phường 2, thành phố Vĩnh Long. Bị cáo H đưa giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy P làm giả các giấy tờ, tài liệu gồm: Quyết định về việc nâng bậc lương thường xuyên cho cán bộ, công chức, viên chức cho bị cáo H số 1296/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình; Bảng lương thanh toán tiền lương Tháng 6,7,8/2017 và Danh sách nhận phụ cấp thu hút Tháng 6,7,8/2017 của Trường THCS Loan Mỹ; xác nhận đơn vị công tác giả chữ ký của Hiệu trưởng Trường THCS Loan Mỹ - Lâm Quang Thuận, bị cáo P lén lấy con dấu Trường THCS Loan Mỹ đóng dấu vào các tài liệu trên để bị cáo H đủ điều kiện được vay tiền theo hợp đồng tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB-CN Vĩnh Long.

Sau khi đưa bị cáo Đồng Công T2- Chuyên viên kiểm soát ngân hàng V1 PostBank - chi nhánh Vĩnh Long kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo H ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho bị cáo Nguyễn Ngọc K3 - sinh: 1991, địa chỉ: ấp Tân Phong 1, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Ngọc K3**, kiểm soát - bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Khoa – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và

tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

- + Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

- + Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

- + Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Phạm Thanh H3 – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017).

Ngày 14/9/2017, bị cáo Nguyễn Thị H sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả và các tài liệu giả trên đã được ký hợp đồng tín dụng với LVB-CN Vĩnh Long số: HĐTD85020172444 ngày 14/9/2017 và nhận số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Sau khi nhận được tiền, bị cáo H đưa bị cáo P 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) chia vay và 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) công làm hồ sơ. Bị cáo P đưa bị cáo T2 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Số tiền 48.000.000 đồng còn lại Nguyễn Thị Thúy P sử dụng cá nhân.

Số tiền 10.000.000 bị cáo T2 sử dụng cá nhân.



Đã khắc phục 63.610.000 đồng, trong đó bị cáo P nộp 11.700.000 đồng, bị cáo H nộp: 41.910.000 đồng; bị cáo T2 nộp 10.000.000 đồng. Số tiền còn phải bồi thường 186.390.000 đồng.

**2. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172568 ngày 19/10/2017 số tiền 250.000.000 đồng:**

Vào khoảng giữa năm 2017, bị cáo Cao Thị Ánh V2 - sinh năm 1977, địa chỉ: số 19/2 ấp B, xã P, huyện I, tỉnh Vĩnh Long và bị cáo Nguyễn Thị Thúy P có quen biết với nhau. Bị cáo V2 và bị cáo P bàn bạc với nhau để bị cáo V2 tìm người giới thiệu cho bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả để lấy tiền công chia nhau tiêu xài.

Tháng 09/2017, Nguyễn Phong H5 - sinh: 1965, địa chỉ: 98 Ấp X, xã U, Thành phố V, giáo viên Trường Tiểu học K5 - thành phố Vĩnh Long cần tiền để trả nợ và tiêu xài nên Nguyễn Phong H5, bị cáo P và bị cáo V2 bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giấy tờ giả cho ông H5 vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long, với điều kiện ông H5 phải trả 20% số tiền được vay và cung cấp cho bị cáo P giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ theo mẫu của LVB-CN Vĩnh Long, giấy A4 trắng có đóng dấu Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt theo các vị trí P chỉ định để bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả. Tuy nhiên, do ông H5 có nợ xấu nên bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả để con của ông H5 là Nguyễn Nhựt N6 - sinh năm: 1993, địa chỉ: 98 Ấp X, xã U, thành phố V, nghề nghiệp: công nhân lao động phổ thông được vay.

Sau khi đồng ý, Ông Nguyễn Phong H5 đã lợi dụng việc bản thân là giáo viên Trường Tiểu học K5 trong quá trình làm giáo án, H5 lén lấy dấu đóng và đưa bị cáo Ánh V2 để bị cáo Ánh V2 đưa cho bị cáo P 12 giấy tờ, tài liệu gồm: 03 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ theo mẫu của LVB-CN Vĩnh Long, 09 tờ giấy A4 trắng có đóng dấu Trường Tiểu học K5 cùng giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Nhựt N6 và sổ hộ khẩu gia đình.

Bị cáo P đã làm hồ sơ giả cho Nguyễn Nhựt N6 được ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch Ninh K (Maritime Bank CN Ninh K - PGD Ninh K) và nhận số tiền 100.000.000 đồng. Nguyễn Phong H5 đưa bị cáo P 20 triệu đồng nhưng bị cáo P chỉ nhận 13.000.000 đồng do bị cáo V2 không nhận tiền giới thiệu, bị cáo P cho ông H5 2.000.000 đồng do đóng dấu không cho bị cáo P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đã có văn bản thông báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tháng 09/2017, bị cáo Tăng Minh H6 - sinh: 1974, địa chỉ: Số 259/84, Khóm 4, Phường 9, tp Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, làm nghề chạy xe Honda khách, muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Thông qua sự giới thiệu của bị cáo V2, bị cáo P và bị cáo Hiếu bàn bạc với nhau bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả để bị cáo Hiếu được vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long, điều kiện là chia cho bị cáo P vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Sau khi đồng ý, bị cáo Hiếu cung cấp cho bị cáo P giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bản thân.

Bị cáo P sử dụng các tài liệu có đóng dấu không trường Tiểu học Lý Thường Kiệt do Nguyễn Phong H5 cung cấp trước đó còn thừa để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định về việc nâng bậc lương cho công chức, viên chức giả cho bị cáo Tăng Minh H6 số 9956/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của Ủy ban nhân dân TP Vĩnh Long; chèn tên Tăng Minh H6 vào Bảng thanh toán tiền lương giả tháng 8,9,10/2017 của Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt; xác nhận đơn vị công tác Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt - giả chữ ký của Hiệu trưởng là ông Lâm Tòng Sơn để bị cáo Hiếu sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P, bị cáo V2 đưa bị cáo Hiếu ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Nguyễn Ngọc K3 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Ngọc K3**, kiểm soát - bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Khoa – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Phạm Thanh H3 - Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017 (BL 144).

Ngày 19/10/2017, bị cáo Hiếu và bị cáo V2 đến LVB-CN Vĩnh Long để bị cáo Hiếu ký Hợp đồng tín dụng Số HĐTD85020172568 ngày 19/10/2017 và nhận số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Hiếu: đưa bị cáo P 22.500.000 đồng tiền công làm hồ sơ giả, 100.000.000 đồng chia vay như thỏa thuận, 35.000.000 đồng cho bị cáo P tất toán khoản vay của Hiếu tại FE Credit nhưng P không thực hiện, trả nợ cho bị cáo Lê Hồng H1 17.000.000 đồng, trả tiền mua xe máy 3.000.000 đồng còn lại 72.500.000 đồng bị cáo Hiếu sử dụng cá nhân.

Số tiền 157.500.000 đồng bị cáo P đưa bị cáo T2 10.000.000 đồng, còn lại sử dụng cá nhân.

Đã được khắc phục: 55.960.000 đồng, do bị cáo T2 và bị cáo P nộp. Số tiền còn phải bồi thường: 194.040.000 đồng.

**3. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172600 ngày 02/11/2017 số tiền 200.000.000 đồng:**

Tháng 10/2017, bị cáo Đặng Thị KO bản thân làm nghề bán cơm tấm, muốn có tiền trả nợ nên bị cáo Oanh và bị cáo P bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả cho bị cáo Oanh vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long. Sau khi đồng ý, bị cáo Oanh đưa giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu cho P với điều kiện chia bị cáo P vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Bị cáo P sử dụng các tài liệu có đóng dấu không trường Tiểu học Lý Thường Kiệt do Nguyễn Phong H5 cung cấp để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định về việc nâng bậc lương cho công chức, viên chức giả cho bị cáo Oanh số 9568/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của Ủy ban nhân dân tp Vĩnh Long; chèn tên Đặng Thị KO vào Bảng thanh toán tiền lương giả tháng 8,9,10/2017 của Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt; xác nhận đơn vị công tác giả chữ ký của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt - Lâm Tòng Sơn để bị cáo Oanh sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo Oanh ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Nguyễn Ngọc K3 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Ngọc K3**, kiểm soát - bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Khoa – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công T2 – Trưởng Phòng khách hàng (thừa ủy quyền): thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, do bị cáo T2 đã thỏa thuận trước với bị cáo P.

- Bị cáo Đỗ T7 - Phó giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

Ngày 02/11/2017, Đặng Thị KO đến LVB-CN Vĩnh Long để ký Hợp đồng tín dụng Số HĐTD85020172600 ngày 02/11/2017 và nhận số tiền **200.000.000 đồng**.

Sau khi nhận được tiền, bị cáo Oanh đưa bị cáo P 15.000.000 đồng tiền làm giấy tờ giả và 50.000.000 đồng chia vay như thỏa thuận. Số tiền còn lại 135.000.000 đồng bị cáo Oanh sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo P đưa bị cáo T2 10.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2018, bị cáo Đặng Thị KO đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú, khai nhận tất cả những nội dung trên.

Đã khắc phục 153.937.250 đồng, trong đó bị cáo P nộp 8.917.250 đồng, bị cáo Oanh nộp 135.020.000 đồng; bị cáo T2 nộp 10.000.000 đồng. Số tiền còn phải khắc phục 46.062.750 đồng.

#### **4. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172615 ngày 13/11/2017 số tiền 250.000.000 đồng:**

Tháng 10/2017, Khuru Thủy T10 làm nghề giữ trẻ tại nhà, cần tiền để trả nợ nên thông qua sự giới thiệu của bị cáo Cao Thị Ánh V2, bị cáo Nguyễn Thị Thúy P và Khuru Thủy T10 bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu T10 được vay tiền tín chấp tại LVB-CN Vĩnh Long, với điều kiện T10 phải chia vay với bị cáo P 100.000.000 đồng và tiền công là 15%/số tiền còn lại. Sau khi đồng ý, T10 đưa giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu cho bị cáo P.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P sử dụng các tài liệu có đóng dấu không trường Tiểu học Lý Thường Kiệt do Nguyễn Phong H5 cung cấp để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định về việc nâng bậc lương cho công chức, viên chức giả cho Khuru Thủy T10 số 9688/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của Ủy ban nhân dân tp Vĩnh Long; chèn tên Khuru Thủy T10 vào Bảng thanh toán tiền lương giả tháng 8,9,10/2017 của Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt; xác nhận đơn vị công tác Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt - giả chữ ký của Hiệu trưởng Lâm Tòng Sơn để T10 sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo V2 để đưa T10 ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Nguyễn Ngọc K3 -chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Ngọc K3**, kiểm soát - bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Khoa – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Phạm Thanh H3 - Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017 (B1 146-147).

Ngày 13/11/2017, Khuru Thủy T10 đến LVB-CN Vĩnh Long để ký Hợp đồng tín dụng Số HĐTD85020172615 ngày 13/11/2017 và nhận số tiền 250.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, Khuru Thủy T10 đưa bị cáo P 22.500.000 đồng tiền làm giấy tờ giả và 100.000.000 đồng chia vay như thỏa thuận, ngoài ra T10 có đưa bị cáo P 23.000.000 đồng để tất toán khoản vay FE Credit của T10 nhưng bị cáo P không thực hiện. Số tiền còn lại 104.500.000 đồng T10 sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo P đưa bị cáo T2 10.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo P trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24/6/2018 Khuru Thủy T10 tự tử chết. Đã khắc phục 56.010.000 đồng, trong đó bị cáo P nộp 18.380.000 đồng, Thủy T10 nộp 27.630.000 đồng, bị cáo T2 nộp 10.000.000 đồng. Số tiền còn phải bồi thường: 193.990.000 đồng.

**5. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172713 ngày 06/12/2017 số tiền 200.000.000 đồng:**

Thời gian giữa năm 2017, bị cáo Lê Hồng H1 và bị cáo Nguyễn Thị Thúy P bàn bạc với nhau, nếu bị cáo H1 giới thiệu được người cho bị cáo P làm hồ sơ giả để vay, sau khi giải ngân bị cáo P lấy 20% số tiền vay được và sẽ chia cho bị cáo H1 5%. Ngoài ra, bị cáo P còn nợ tiền bị cáo H1, qua đó bị cáo P có tiền trả bị cáo H1.

Tháng 11/2017, Thông qua sự giới thiệu của bị cáo Cao Thị Ánh V2, Nguyễn Quang Huy - sinh: 1983, địa chỉ: 240/52/17C Đường 14/9, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, giáo viên Trường Tiểu học Thanh Đức B, Long Hồ, muốn đáo hạn vay lại Hợp đồng tín dụng Số 852.1/2016/VL-HD ngày 11/11/2016 số tiền 90.000.000 đồng của LVB-CN Vĩnh Long. Bị cáo Huy, bị cáo V2 và bị cáo P bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giả giấy tờ, tài liệu để bị cáo Huy được vay lại với điều kiện Huy phải cung cấp Quyết định về việc nâng bậc lương cho viên chức của Huy, Bảng thanh toán tiền lương của Trường THCS Thanh Đức B và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ (mẫu của LVB-CN Vĩnh Long), giấy A4 trắng có đóng sẵn dấu của Trường Tiểu học Thanh Đức B nơi bị cáo Huy công tác để bị cáo P làm giấy tờ giả cho bị cáo Huy vay.

Sau khi đồng ý, bị cáo Huy đã lợi dụng việc làm giáo án, bị cáo Huy gấp kế toán Đặng Thị Kim Thoa - quản lý con dấu để đóng dấu, bị cáo Huy lén lấy dấu đóng và cung cấp cho bị cáo V2 để V2 giao bị cáo P, các giấy tờ, tài liệu gồm: một số giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ theo mẫu của LVB-CN



Vĩnh Long, giấy A4 trắng giấy có đóng dấu của Trường Tiểu học Thanh Đức B theo các vị trí bị cáo P chỉ định cùng Quyết định về việc nâng bậc lương cho viên chức, Bảng thanh toán tiền lương của bị cáo Huy.

Bị cáo P đã làm giấy tờ, tài liệu giả cho bị cáo Huy nhưng LVB-CN Vĩnh Long không nhận hồ sơ do không đủ điều kiện vì có nợ xấu. Bị cáo P giữ lại các giấy A4 có dấu khống do bị cáo Huy cung cấp còn thừa 05 mẫu giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ theo mẫu của LVB-CN Vĩnh Long, 19 giấy A4 trắng giấy có đóng dấu của Trường Tiểu học Thanh Đức B.

Tháng 12/2017, bị cáo Lê Thị Bích N - sinh năm: 1975, địa chỉ: Khu phố Hựu Thành, xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, buôn bán nước đá ở xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn, cần tiền trả nợ và tiêu xài nên thông qua giới thiệu của bị cáo Lê Hồng H1, bị cáo P và bị cáo N đã bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giả giấy tờ, tài liệu cho bị cáo N đủ điều kiện vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long với điều kiện chi 20%/số tiền được vay và phải đưa cọc trước 02 triệu đồng. Sau khi đồng ý, bị cáo N đưa cho bị cáo H1 giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, bị cáo H1 đưa các tài liệu này cho bị cáo P cùng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền của bị cáo H1 cho bị cáo N mượn.

Bị cáo P sử dụng các giấy tờ, tài liệu có đóng dấu khống Trường Tiểu học Thanh Đức B do bị cáo Nguyễn Quang Huy cung cấp còn thừa để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định nâng lương giả số 11568/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ cho bị cáo N; chèn tên bị cáo Lê Thị Bích N vào Bảng lương Tháng 9,10,11/2017 của Trường Tiểu học Thanh Đức B; xác nhận đơn vị công tác giả Trường Tiểu học Thanh Đức B - ký giả chữ ký Nguyễn Minh Thúy - Hiệu trưởng để bị cáo N sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo N ký vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho T2 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên khách hàng - bị cáo **Đồng Công T2**, kiểm soát - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Đồng Công T2 – Chuyên viên khách hàng: đã thông đồng với bị cáo P nên không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Đỗ T7 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 130 - 131)

Ngày 06/12/2017, bị cáo Lê Thị Bích N sử dụng những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD85120180140 với LVB-CN Vĩnh Long và nhận được số tiền **200.000.000 đồng**.

Sau khi lấy được tiền bị cáo N đưa bị cáo P 38.000.000 đồng phí làm hồ sơ giả như thỏa thuận và cho mượn thêm 10.000.000 đồng, đưa bị cáo Lê Hồng H1 92.000.000 đồng gồm: 25.000.000 đồng nợ cá nhân, 67.000.000 đồng nợ tất toán trước khi vay tại LVB, còn lại 60.000.000 đồng bị cáo N sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Bị cáo P đưa bị cáo H1 10.000.000 đồng tiền công giới thiệu, trả nợ 22.000.000 đồng, đưa bị cáo T2 10.000.000 đồng.

Đến ngày 02/10/2020 đã nộp khắc phục số tiền 66.000.000 đồng

Hiện nay đã khắc phục 68.000.000 đồng, trong đó bị cáo T2 nộp 10.000.000 đồng, bị cáo H1 nộp 10.000.000 đồng, bị cáo P nộp 8.700.000 đồng, bị cáo N đã nộp: 39.300.000 đồng. Số tiền còn phải bồi thường: 32.000.000 đồng.

**6. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180157 ngày 14/12/2017 số tiền 150.000.000 đồng:**

Tháng 11/2017, **Trần Văn S1** lái Taxi Mai Linh Vĩnh Long, thông qua sự giới thiệu của Nguyễn Hữu Phú Em - sinh năm: 1988, Ấp Phước Trinh A, Bình Phước, Mang Thít, Vĩnh Long, Nguyễn Thị Thúy P có làm giấy tờ, tài liệu giả cho bị cáo Sừa đủ điều kiện vay tiền tại Maritime Bank CN Ninh K - PGD Ninh K số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số 00070/2017/0002830/HĐVV ngày 26/10/2017 và nhận số tiền 100.000.000 đồng. Thực hiện theo thỏa thuận, bị cáo Sừa đưa cho bị cáo P 20.000.000 đồng, bị cáo P đưa Nguyễn Hữu Phú Em 5.000.000 đồng tiền giới thiệu.

Đến tháng 12/2017, hồ sơ trên bị Maritime Bank CN Ninh K - PGD Ninh K phát hiện là giả yêu cầu phải khắc phục tất toán, bị cáo Nguyễn Thị Thúy P và bị cáo Trần Văn S1 tiếp tục bàn bạc với nhau làm giả giấy tờ để bị cáo Sừa đủ điều kiện vay 150.000.000 đồng tại LVB-CN Vĩnh Long lấy tiền tất toán hợp đồng vay tại Maritime Bank CN Ninh K - PGD Ninh K và phải trả bị cáo P thêm 10.000.000 đồng, bị cáo Sừa đồng ý cung cấp giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu cho bị cáo P.

Bị cáo P sử dụng các giấy tờ, tài liệu có đóng dấu không Trường Tiểu học Thanh Đức B do bị cáo Nguyễn Quang Huy cung cấp còn thừa để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định về việc nâng bậc lương cho viên chức giả cho bị cáo Sừa số 11608/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ; chèn tên bị cáo Sừa vào Bảng thanh toán tiền lương giả tháng 9,10,11/2017 của Trường Tiểu học Thanh Đức B; xác nhận đơn vị công tác Trường Tiểu học

Thanh Đức B - giả chữ ký của Hiệu trưởng Nguyễn Minh Thúy để bị cáo Sửa sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo Sửa ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Phạm Thanh A - sinh năm: 1984, địa chỉ: ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Phạm Thanh A**, kiểm soát - bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGĐ-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo **Phạm Thanh A** – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công T2 – Thừa ủy quyền phòng khách hàng đã thông đồng với bị cáo P nên thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Phạm Thanh H3 - Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017 (BL 204 - 205).

Ngày 14/12/2017, bị cáo Sừa sử dụng những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD85020172758 ngày 14/12/2017 và nhận số tiền 150.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, bị cáo Sừa dùng 100.000.000 đồng để tất toán Maritime Bank CN Ninh K - PGD Ninh K, đưa bị cáo P 10.000.000 đồng tiền công làm giấy tờ giả, ngoài ra còn cho bị cáo P mượn 28.000.000 đồng. Số tiền còn lại 12.000.000 đồng bị cáo Sừa sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P đưa 5.000.000 đồng cho bị cáo T2, số tiền còn lại bị cáo P sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đã khắc phục 103.474.000 đồng, trong đó bị cáo P nộp được 12.500.000 đồng, bị cáo Sừa đã nộp 85.974.000 đồng, bị cáo T2 nộp 5000.000 đồng; còn lại phải nộp khắc phục hậu quả: 46.526.000 đồng.

## **7. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172757 ngày 14/12/2017 số tiền 200.000.000 đồng:**

Tháng 12/2017, bị cáo Cao Thị Ánh V2 và bị cáo Nguyễn Thị Thúy P đã bàn bạc với nhau: bị cáo V2 sẽ tự làm giấy chứng minh nhân dân giả, bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu nghề nghiệp giả cho bị cáo V2 sử dụng để đủ điều kiện vay

tiền tại LVB-CN Vĩnh Long, với điều kiện bị cáo V2 phải đưa cho bị cáo P 20.000.000 đồng để chia cho bị cáo Đồng Công T2.

Sau khi đồng ý, bị cáo V2 thuê Nguyễn Hiếu Trung - sinh năm: 1993, địa chỉ: số 108/53/13A Đường 30-4, phường An Phú, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ, làm giấy Chứng minh nhân dân giả số 331 176 289 tên Cao Thị Ánh V2 do Công an Vĩnh Long cấp ngày 27/5/2017 có sử dụng hình ảnh của bị cáo V2. Sau khi bị cáo P xem thấy không giống thật, không sử dụng được, bị cáo Trần Thị Phương T4 - sinh năm 1986, địa chỉ: Khóm 4, Thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long chỉ ra lý do mặt sau giấy chứng minh nhân dân không giống. Qua đó, các bị cáo P, V2 và Thảo mới bàn bạc với nhau lột mặt dưới của giấy chứng minh nhân dân thật dán vào mặt trên giấy chứng minh nhân dân giả, ép nhựa lại.

Bị cáo P sử dụng các giấy tờ, tài liệu có đóng dấu không Trường Tiểu học Thanh Đức B do bị cáo Nguyễn Quang Huy cung cấp còn thừa để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định về việc nâng bậc lương cho viên chức giả cho bị cáo V2 số 11686/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ; chèn tên bị cáo V2 vào Bảng thanh toán tiền lương giả tháng 9,10,11/2017 của Trường Tiểu học Thanh Đức B; xác nhận đơn vị công tác Trường Tiểu học Thanh Đức B - giả chữ ký của Hiệu trưởng Nguyễn Minh Thúy để bị cáo V2 sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo V2 ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Phạm Thanh A - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Phạm Thanh A**, kiểm soát - bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGĐ-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Phạm Thanh A – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Đồng Công T2 – Thừa ủy quyền phòng khách hàng đã thông đồng với bị cáo P nên thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó Giám đốc.

Ngày 14/12/2017, bị cáo V2 sử dụng giấy Chứng minh nhân dân giả và những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD85020172757 ngày 14/12/2017 và nhận số tiền **200.000.000 đồng**.

Sau khi nhận được tiền, bị cáo V2 đưa bị cáo P 20.000.000 đồng tiền công làm giấy tờ giả; số tiền còn lại 180.000.000 đồng bị cáo V2 sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Số tiền 20.000.000 đồng bị cáo P dùng 6.635.000 đồng để đóng tiền cho khoản vay của Tăng Minh H6 (ghi tên Cao Thị Ánh V2 là người đóng tiền); đưa bị cáo T2 5.000.000 đồng.

Đã khắc phục 26.496.000 đồng, còn phải bồi thường 173.504.000 đồng.

**8. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180009 ngày 04/01/2018 số tiền 250.000.000 đồng:**

Tháng 12/2017, bị cáo Nguyễn Anh M3 giáo viên Trường Tiểu học Thanh Đức B - Long Hồ vay mượn nhiều, quản lý và sử dụng tiền không có kiểm soát dẫn đến nợ không có khả năng chi trả, bị cáo M3 cần tiền để trả nợ và tiêu xài nên thông qua sự giới thiệu của bị cáo Cao Thị Ánh V2, bị cáo M3 và bị cáo Nguyễn Thị Thúy P đã bàn bạc với nhau về việc làm giấy chứng minh nhân dân, tài liệu giả cho bị cáo M3 sử dụng để đủ điều kiện vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long số tiền 250.000.000 với điều kiện, bị cáo M3 phải chia vay cho bị cáo V2 100.000.000 đồng và trả tiền công là 26.500.000 đồng, trong đó bị cáo P lấy 15%/số tiền còn lại là 22.500.000 đồng. Sau khi đồng ý, bị cáo M3 đã đưa bị cáo V2 giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, ảnh và hồ sơ nghề nghiệp của bản thân.

Bị cáo Cao Thị Ánh V2 sử dụng hình ảnh của bị cáo M3 thuê Nguyễn Hiếu Trung làm giả giấy Chứng minh nhân dân giả số 331 724 730 tên Nguyễn Anh M3 do Công an Vĩnh Long cấp ngày 22/4/2016.

Bị cáo P sử dụng các giấy tờ, tài liệu có đóng dấu không Trường Tiểu học Thanh Đức B do bị cáo Nguyễn Quang Huy cung cấp còn thừa để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: xác nhận đơn vị công tác Trường Tiểu học Thanh Đức B - giả chữ ký của Hiệu trưởng Nguyễn Minh Thúy, để bị cáo M3 đủ điều kiện được ký hợp đồng tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB-CN Vĩnh Long.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo V2 để đưa bị cáo M3 ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Phạm Thanh A - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Phạm Thanh A**, kiểm soát - bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng



được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Phạm Thanh A – Chuyên viên khách hàng: Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Phạm Thanh H3 - Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại

Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 202)

Ngày 04/01/2018, bị cáo Nguyễn Anh M3 sử dụng giấy Chứng minh nhân dân giả và những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD85020180009 với LVB-CN Vĩnh Long và nhận được số tiền **250.000.000 đồng**.

Sau khi lấy được tiền bị cáo M3 đưa bị cáo V2 100.000.000 đồng chia vay và 26.500.000 đồng phí làm hồ sơ giả như thỏa thuận, số tiền còn lại bị cáo M3 sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Bị cáo V2 đưa bị cáo P 19.000.000 đồng (chuyển khoản) đưa bị cáo Nguyễn Quang Huy 3.000.000 đồng theo yêu cầu của bị cáo P. Số tiền còn lại 104.500.000 đồng bị cáo V2 sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Số tiền 19.000.000 đồng, bị cáo P đưa bị cáo T2 10.000.000 đồng và đưa bị cáo V2 để đưa bị cáo Huy thêm 3.000.000 đồng khi bị cáo Huy biết được bị cáo P lấy giấy tờ do bị cáo Huy đóng dấu không còn thừa lại làm cho người khác vay.

Đến ngày 02/10/2020 đã khắc phục được 22.755.000 đồng.

Hiện nay đã khắc phục 28.755.000 đồng, trong đó bị cáo M3 nộp khắc phục 12.755.000 đồng, bị cáo T2 nộp khắc phục 10.000.000 đồng, bị cáo Huy nộp khắc phục 6.000.000 đồng. Số tiền còn phải khắc phục: 221.245.000 đồng.

#### **9. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180047 ngày 17/01/2018 số tiền 150.000.000 đồng**

Tháng 01/2017, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Q1 là nhân viên thu cước hợp đồng với Mobifone Vĩnh Long, cần tiền để trả nợ nên thông qua sự giới thiệu của bị cáo Lê Hồng H1, bị cáo Nguyễn Thị Thúy P đã làm giấy tờ, tài liệu giả cho bị cáo Quyên vay tiền Maritime Bank CN Ninh K - PGD Ninh K theo Hợp đồng cho vay số 00070/2017/0003085 ngày 17/11/2017 số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo Quyên đưa cho bị cáo P 20.000.000 đồng như thỏa thuận, bị cáo P đưa bị cáo H1 5.000.000 đồng tiền giới thiệu. Đến tháng 01/2018, Maritime Bank CN Ninh K - PGD Ninh K phát hiện là Hợp đồng vay của bị cáo Quyên có giấy tờ giả. Các bị cáo H1, P và bị cáo Quyên tiếp tục bàn bạc với nhau làm giả giấy tờ để bị cáo Quyên đủ điều kiện vay 150.000.000 đồng tại LVB CN Vĩnh Long lấy tiền tất toán khoản vay tại Maritime Bank CN Ninh K - PGD Ninh K để che giấu vi phạm và điều kiện là bị cáo Quyên phải trả thêm 20%/số tiền 50.000.000 đồng chênh lệch là 10.000.000 đồng. Sau khi đồng ý, bị cáo Quyên cung cấp giấy Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Trong thời gian này, để thuận lợi trong quá trình làm giấy tờ, tài liệu giả cũng như tránh việc phụ thuộc vào các đối tượng đóng dấu không nên bị cáo P thuê đối tượng Jerry (không rõ nhân thân, địa chỉ) trên mạng xã hội zalo làm giả con dấu của Trường THCS Tân Mỹ (BL5523).

Bị cáo P đã làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định về việc nâng lương cho cán bộ, công chức, viên chức số 6916/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn giả cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Q1; chèn tên bị cáo Quyên vào Bảng thanh toán tiền lương giả tháng 10,11,12/2017 của Trường THCS Tân Mỹ; xác nhận đơn vị công tác Trường THCS Tân Mỹ - giả chữ ký của Hiệu trưởng Nguyễn Thanh Tùng, sử dụng con dấu giả Trường THCS Tân Mỹ đóng vào các tài liệu trên để Quyên sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo H1 để bị cáo Quyên ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Võ Thị Kim L6 - sinh năm: 1991, địa chỉ: ấp Cái Kè, xã Mỹ Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát - bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

- + Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

- + Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

- + Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Thừa ủy quyền phòng khách hàng đã thông đồng với bị cáo P nên thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Phạm Thanh hải - Giám đốc thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 285)

Ngày 17/01/2017, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Q1 sử dụng những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD85020180047 ngày 17/01/2017 và nhận số tiền 150.000.000 đồng. Trước khi ký hợp đồng tín dụng bị cáo Quyên được Võ Thị Kim L6 cho mượn tất toán 100.000.000 đồng vay tại Maritime Bank CN Ninh K - PGD Ninh K.

Sau khi nhận được tiền, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Q1 dùng 100.000.000 đồng trả Võ Thị Kim L6 và cho 1.000.000 đồng; đưa 7.000.000 đồng cho bị cáo H1 để giao cho bị cáo P tiền làm giấy tờ giả. Số tiền còn lại bị cáo Quyên sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo P lấy tiền cá nhân đưa bị cáo T2 7.500.000 đồng. Bị cáo H1 lấy 2.500.000 đồng tiền giới thiệu, trừ nợ bị cáo P 4.500.000 đồng.

Đã khắc phục 153.000.000 đồng, còn phải bồi thường : không.

**10. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180081 ngày 23/01/2018 số tiền 200.000.000 đồng**

Vào tháng 9/2017, Dương Thị Diễm - sinh năm:1977, địa chỉ: ấp Tân Hiệp, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, là giáo viên Trường PTTH Song Phú, bị cáo Đặng Long Toàn - sinh: 1975, địa chỉ: Ấp An Hòa, Phú Đức, Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là giáo viên Trường THCS Phú Đức và bị cáo P bàn bạc với nhau: Toàn sẽ cung cấp giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ theo mẫu của LVB-CN Vĩnh Long, giấy A4 trắng có đóng dấu của Trường THCS Phú Đức nơi Toàn công tác để P làm giấy tờ, tài liệu giả cho người khác sử dụng đủ điều kiện vay theo Hợp đồng tín dụng dành cho cán bộ, công chức, viên chức tại LVB-CN Vĩnh Long, sau khi được giải ngân sẽ chia vay cho bị cáo Toàn 60.000.000 đồng.

Sau khi đồng ý, bị cáo Toàn đã lợi dụng việc Hiệu trưởng cho phép tự sử dụng con dấu của Trường THCS Phú Đức để đóng dấu giáo án, con dấu được quản lý trong phòng Hiệu trưởng, bị cáo Toàn đã lợi dụng sơ hở của Hiệu trưởng mà lén đóng dấu bất hợp pháp nhiều giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ theo mẫu của LVB-CN Vĩnh Long, giấy A4 trắng theo các vị trí bị cáo P chỉ định và cung cấp cho bị cáo P thông qua Dương Thị Diễm. Sau đó, bà Diễm nhận thấy đó là hành vi vi phạm pháp luật nên yêu cầu bị cáo P trả lại những tài liệu đó cho bị cáo Toàn.

Bị cáo P biết bị cáo Toàn cần tiền và nên yêu cầu bị cáo V2 liên lạc trực tiếp với bị cáo Toàn bàn bạc việc đóng dấu như trên. Sau khi đồng ý, bị cáo Toàn lấy các giấy tờ mà trước đó bị cáo P trả lại đưa cho bị cáo V2 và lấy trước số tiền 3.000.000 đồng từ bị cáo V2, số tiền này do bị cáo P đưa cho bị cáo V2. Bị cáo P sử dụng làm giấy tờ, tài liệu giả cho Nguyễn Mạnh Tuấn em trai của bị cáo P và Phan Đặng K Hoa. Sau đó, bị cáo P cần thêm giấy tờ tài liệu có dấu không nên có liên lạc trực tiếp với bị cáo Toàn bàn bạc tiếp về việc cung cấp các tài liệu có dấu không của Trường THCS Phú Đức như trước nhưng số tiền sẽ chia vay còn 40.000.000 đồng. Sau khi đồng ý, bị cáo Toàn với thủ đoạn cũ đã cung cấp các tài liệu có dấu không của Trường THCS Phú Đức cho bị cáo P lấy trước số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo P sử dụng làm giấy tờ, tài liệu giả cho Phạm Thành Luân, Nguyễn Thị Trang Thủy.

Tháng 01/2018, thông qua sự giới thiệu của bị cáo V2, bị cáo Trần Trung Đ1 ngụ ấp Định Khánh A, xã Định Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ; bản thân không có nghề nghiệp, không có thu nhập không ổn định và có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng nhưng muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Bị cáo Đây, bị cáo V2 và bị cáo P bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả

cho bị cáo Đầy đủ điều kiện được vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long, với điều kiện bị cáo Đầy trả bị cáo P 20%/số tiền được vay. Sau khi đồng ý, bị cáo Đầy đưa cho bị cáo V2 giấy chứng minh nhân dân, ảnh và sổ hộ khẩu.

Bị cáo V2 dùng hình ảnh của bị cáo Đầy thuê Nguyễn Hiếu Trung làm giấy Chứng minh nhân dân số 331 176 381 cấp ngày 22/4/2016 tên Trần Trung Đ1, sinh ngày 02/3/1990 ĐKTT: Tân Thuận, Tân Hòa, Vĩnh Long có hình ảnh của bị cáo Đầy. Sau khi có giấy Chứng minh nhân dân giả trên, bị cáo V2 đưa bị cáo P những tài liệu liên quan bị cáo Đầy này để bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả cho bị cáo Đầy.

Bị cáo P sử dụng các giấy tờ, tài liệu có đóng dấu không Trường THCS Phú Đức do Đặng Long Toàn cung cấp để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định nâng lương cho bị cáo Đầy giả số 3328/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ; chèn tên bị cáo Đầy vào Bảng lương Tháng 10,11,12/2017 của Trường THCS Phú Đức; xác nhận đơn vị công tác giả Trường THCS Phú Đức ký giả chữ ký Hiệu trưởng Thái Hoàng Năn để Đầy sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo V2 để đưa bị cáo Đầy ký bảng lương và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Nguyễn Ngọc K3 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Ngọc K3**, kiểm soát - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Khoa – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Võ Thị K Loan – Thừa ủy quyền phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 165)

Ngày 23/01/2018, bị cáo Trần Trung Đ1 sử dụng những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD85120180081 với LVB-CN Vĩnh Long và nhận được số tiền **200.000.000 đồng**.

Sau khi lấy được tiền bị cáo Đầy đưa bị cáo V2 13.000.000 đồng như thỏa thuận, đưa bị cáo P 40.000.000 đồng phí làm hồ sơ giả, bị cáo P mượn 10.000.000 đồng, bị cáo P có trả nợ cho bị cáo Đầy được 3.000.000 đồng. Bị cáo P đưa bị cáo T2 10.000.000 đồng. Số tiền còn lại 140.000.000 đồng bị cáo Đầy sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Ngày 31/01/2018 bị cáo P chuyển vào tài khoản cho bị cáo Toàn số tiền 1.500.000 đồng do bị cáo Toàn yêu cầu bị cáo P tiếp tục ứng tiền chia vay.

Đến tháng 4/2018, LVB-CN Vĩnh Long phát hiện hồ sơ giả đến xác minh tại Trường THCS Phú Đức thì Toàn biết có hồ sơ giả đã được giải ngân mà bị cáo P không chia cho bị cáo Toàn nên bị cáo Toàn đã tìm bị cáo P. Qua đó, bị cáo P đưa thêm tiền cho bị cáo Toàn 5.000.000 đồng tại Quảng trường Vĩnh Long.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định có 22 tài liệu có đóng dấu của Trường THCS Phú Đức cụ thể là 06 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ mẫu của LVB-CN Vĩnh Long, 16 tài liệu gồm quyết định lương, bảng lương có đóng dấu của Trường THCS Phú Đức. Bị cáo Toàn trình bày chỉ đóng dấu không lên giấy A4 trắng không có nội dung, không đóng lên 06 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ mẫu của LVB-CN Vĩnh Long, Cơ quan Cảnh sát điều tra có đủ căn cứ xác định bị cáo Toàn thực hiện đóng dấu không Trường THCS Phú Đức toàn bộ các tài liệu trên.

Từ khi bị cáo Toàn thực hiện đóng dấu cho bị cáo V2, bị cáo P để làm giấy tờ, tài liệu giả cho người khác là giáo viên Trường THCS Phú Đức đủ điều kiện vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long, bị cáo Toàn đã nhận tổng cộng 14.500.000 đồng.

Đã khắc phục 164.500.000 đồng, trong đó bị cáo Đây nộp 140.000.000 đồng, bị cáo T2 nộp 10.000.000 đồng, bị cáo Toàn nộp 14.500.000 đồng. Số tiền còn lại phải khắc phục là: 35.500.000 đồng.

**11. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180098 ngày 31/01/2018 số tiền 200.000.000 đồng:**

Vào khoảng tháng 12/2017, Nguyễn Vương T9 là giáo viên Trường Tiểu học Đồng Phú A, Long Hồ, Vĩnh Long đang vay tín chấp bằng hợp đồng tín dụng Số 1221.1/2017/VL-HĐTD ngày 16/3/2017 số tiền 60.000.000 đồng của LVB-CN Vĩnh Long, do cần tiền trả nợ và đầu tư trồng nấm nên T9 muốn vay thêm. Bị cáo P, bị cáo V2, Nguyễn Vương T9 đã bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giả giấy tờ, tài liệu cho T9 được nâng hạn mức tín dụng và được vay thêm 50.000.000 đồng tại LVB-CN Vĩnh Long với điều kiện T9 trả công 5.000.000 đồng và phải cung cấp Quyết định lương, Bảng thanh toán tiền lương của T9 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ theo mẫu của LVB-CN Vĩnh Long, giấy A4 trắng có đóng sẵn dấu theo các vị trí bị cáo P chỉ định của Trường Tiểu học Đồng Phú A nơi T9 công tác để bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả cho T9 vay.



Sau khi đồng ý, T9 lợi dụng việc cán bộ văn thư Trường Tiểu học Đồng Phú A sơ hở trong việc quản lý con dấu, T9 lén lấy dấu đóng và đã cung cấp cho bị cáo P, trong đó gồm: một số giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ theo mẫu của LVB-CN Vĩnh Long, giấy A4 trắng giấy có đóng dấu của Trường Tiểu học Đồng Phú A cùng Quyết định về việc nâng bậc lương cho viên chức, Bảng thanh toán tiền lương của T9.

Bị cáo P đã làm hồ sơ để T9 sử dụng đủ điều kiện được nâng hạn mức tín dụng thêm 50.000.000 đồng và được ký Hợp đồng tín dụng Số HĐTD85020180099 ngày 31/01/2018, nhận số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, số tài liệu có dấu của trường Trường Tiểu học Đồng Phú A còn dư lại bị cáo P tự ý sử dụng các tài liệu của T9 cung cấp để làm giấy tờ, tài liệu giả cho Trịnh Thị Minh Tr, Đỗ Kim Thảo và Nguyễn Thị Đài T 04 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ theo mẫu của LVB-CN Vĩnh Long.

Tháng 12/2017, thông qua sự giới thiệu của bị cáo V2, bị cáo **Trịnh Thị Minh Tr** bản thân không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng nhưng muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Các bị cáo Trang, P, V2 đã bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả để bị cáo Trang đủ điều kiện để vay tại LVB-CN Vĩnh Long, với điều kiện bị cáo Trang phải chia vay 100.000.000 đồng, công làm giấy tờ, tài liệu giả 20%/số tiền cịn lại và 3.000.000 đồng tiền công làm Chứng minh nhân dân giả. Sau khi đồng ý, bị cáo Trang đã đưa bị cáo V2 giấy Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, ảnh cùng 1.500.000 đồng.

Bị cáo V2 sử dụng hình ảnh của bị cáo Trang thuê Nguyễn Hiếu Trung làm giấy Chứng minh nhân dân Số: 331 724 132 mang tên: Trần Thị Mạnh, vì Trang có người em cùng hộ khẩu tên Trần Thị Mạnh, cấp ngày 12/11/2016, nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long có hình ảnh của bị cáo Trịnh Thị Minh Tr.

Bị cáo P sử dụng các giấy tờ, tài liệu có đóng dấu không Trường Tiểu học Đồng Phú A do Nguyễn Vương T9 cung cấp còn thừa để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định nâng lương giả cho Trần Thị Mạnh số 5818/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ; chèn tên Trần Thị Mạnh vào Bảng lương tháng 10,11,12/2017 của Trường Tiểu học Đồng Phú A; xác nhận đơn vị công tác Trường Tiểu học Đồng Phú A- giả chữ ký Nguyễn Văn Hoàng - Hiệu trưởng để Trịnh Thị Minh Tr đủ điều kiện được ký hợp đồng tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB-CN Vĩnh Long.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo V2 đưa bị cáo Trang ký và đề tên “*Trần Thị Mạnh*” vào giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Nguyễn Anh M3 - sinh năm: 1989, địa chỉ: ấp Xẻo Tràm, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long là chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Anh M3**, kiểm soát - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGĐ-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Minh – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Trưởng Phòng khách hàng (thừa ủy quyền): thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

Ngày 31/01/2018, bị cáo Trịnh Thị Minh Tr sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả và những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD85120180140 với LVB-CN Vĩnh Long và nhận được số tiền **200.000.000 đồng**.

Sau khi lấy được tiền bị cáo Trang đưa bị cáo V2 100.000.000 đồng tiền chia vay và 20.000.000 đồng phí làm hồ sơ giả như thỏa thuận, V2 đưa bị cáo P 70.000.000 đồng tiền chia vay 50.000.000 đồng và công làm giả 20.000.000 đồng, số tiền còn lại Trang sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Bị cáo P đưa bị cáo T2 12.000.000 đồng.

Đến ngày 02/10/2020 đã khắc phục được 28.540.000 đồng

Hiện nay đã khắc phục 29.740.000 đồng, trong đó bị cáo P nộp 7.200.000 đồng; bị cáo Trang nộp: 10.540.000 đồng; bị cáo T2 nộp 12.000.000 đồng. Số tiền còn phải khắc phục 170.260.000 đồng.

## **12. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180136 ngày 05/02/2018 số tiền 150.000.000 đồng**

Tháng 02/2018, bị cáo **Huỳnh Thị Cẩm T8** bản thân là giáo viên Trường Mầm Non 9 - thành phố Vĩnh Long có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng nên lãnh đạo nhà trường không đồng ý ký xác nhận cho vay tín chấp nữa nhưng Thi muốn có tiền để tiêu xài cá nhân. Thông qua sự giới thiệu của bị cáo Lê Hồng H1, bị cáo T8 và bị cáo P đã bàn bạc với nhau về việc làm giấy tờ, tài liệu giả gồm giấy chứng minh nhân dân và tài liệu giả cho bị cáo T8 sử dụng để đủ điều

kiện vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long với điều kiện Thi phải trả cho bị cáo P 20%/số tiền được vay, 10.000.000 đồng tiền công làm giấy chứng minh nhân dân giả và trả tiền nợ bị cáo T8 thiếu bị cáo H1 khi nhận được tiền vay. Sau khi đồng ý, bị cáo T8 đã đưa bị cáo H1 giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, ảnh và hồ sơ nghề nghiệp của bản thân. Sau đó bị cáo H1 đưa hồ sơ này cho bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả cùng với 12.000.000 đồng tiền cọc (tiền H1 cho Thi mượn).

Bị cáo P sử dụng hình ảnh của Huỳnh Thị Cẩm T8 thuê bị cáo V2 làm giấy chứng minh nhân dân giả, bị cáo V2 thuê lại Nguyễn Hiếu Trung làm giấy Chứng minh nhân dân giả số 331 424 036 tên Huỳnh Thị Cẩm T8 do Công an Vĩnh Long cấp ngày 14/9/2015 có hình ảnh của bị cáo T8.

Trong thời gian này, để thuận lợi trong quá trình làm giấy tờ, tài liệu giả bị cáo P thuê đối tượng Jerry (không rõ nhân thân, địa chỉ) trên mạng xã hội zalo làm giả con dấu của Trường Mầm non 9 - thành phố Vĩnh Long (BL5647).

Bị cáo P dựa trên các giấy tờ, tài liệu do bị cáo T8 cung cấp làm giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định nâng bậc lương số 2236/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Vĩnh Long cho bị cáo T8 (bậc lương và hệ số cao hơn thực tế); Bảng lương tháng 11,12/2017, tháng 01/2018 giả của Trường Mầm non 9 cho bị cáo T8 (mức lương cao hơn thực tế); Xác nhận đơn vị công tác Trường Mầm Non 9 - giả chữ ký Hiệu trưởng Nguyễn Thị Mỹ Thư, sử dụng con dấu giả Trường Mầm non 9 đóng vào các tài liệu trên để Thi đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa cho bị cáo H1 để đưa bị cáo T8 ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Võ Thị Kim L6 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát - bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số

39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

- + Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

- + Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

- + Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

- + Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

- + Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

- + Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công T2 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 258 - 259)

Ngày 05/02/2018, bị cáo Huỳnh Thị Cẩm T8 sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả và những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số:

HĐTD85020180136 với LVB-CN Vĩnh Long và nhận được số tiền **150.000.000 đồng**.

Sau khi lấy được tiền, bị cáo T8 đưa bị cáo H1 87.000.000 đồng (gồm 28.000.000 đồng phí làm hồ sơ giả còn lại như thỏa thuận, 47.000.000 đồng tiền nợ cá nhân, 12.000.000 đồng tiền mua bảo hiểm), số tiền còn lại bị cáo T8 sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân. Bị cáo H1 đưa bị cáo P 12.000.000 đồng để đưa bị cáo T2, lấy 7.500.000 đồng tiền công giới thiệu, trừ nợ bị cáo P 8.500.000 đồng.

Ngày 18/7/2018, bị cáo Huỳnh Thị Cẩm T8 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú, khai nhận tất cả những nội dung trên.

Đến ngày 02/10/2020 đã nộp khắc phục được 35.727.000 đồng

Hiện nay đã được khắc phục: 75.727.000 đồng; trong đó: bị cáo T2 nộp: 12.000.000 đồng; bị cáo H1 nộp 7.500.000 đồng; bị cáo T8 nộp 56.227.000 đồng. Số tiền còn phải khắc phục: 74.273.000 đồng.

### **13. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180140 ngày 05/02/2018 số tiền 150.000.000 đồng**

Tháng 11/2017, thông qua sự giới thiệu của bị cáo Cao Thị Ánh V2, bị cáo Trần Thị Phương T4 không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, nhưng muốn có tiền để tiêu xài cá nhân. Các bị cáo V2, Thảo và P đã bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả gồm giấy chứng minh nhân dân và tài liệu giả để Thảo sử dụng để đủ điều kiện vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long với điều kiện bị cáo T4 phải trả 3.000.000 đồng tiền làm giấy chứng minh giả cho bị cáo V2, trả công cho bị cáo P 20%/số tiền được vay. Sau khi đồng ý, bị cáo T4 đã đưa bị cáo V2 giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, ảnh và hồ sơ nghề nghiệp của bản thân.

Bị cáo V2 thuê Nguyễn Hiếu Trung làm giấy chứng minh nhân dân số **331 724 136** cấp ngày 25/4/2017, tên: **Trần Thị Phương T4**, sinh ngày 16/11/1986, địa chỉ: Khóm 4, TT Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long có sử dụng hình ảnh của bị cáo T4.

Bị cáo P dựa trên các giấy tờ, tài liệu do bị cáo T4 cung cấp làm giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định nâng lương giả cho bị cáo T4 số 2229/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của Ủy ban nhân dân TP Vĩnh Long; chèn tên bị cáo T4 vào Bảng lương Tháng 11,12/2017 và tháng 01/2018 của Trường Mầm Non 9-TP Vĩnh Long; Xác nhận đơn vị công tác Trường Mầm non 9 - giả chữ ký Hiệu trưởng Nguyễn Thị Mỹ Thư, sử dụng con dấu giả Trường Mầm non 9 đóng vào các tài liệu trên để bị cáo T4 đủ điều kiện được vay tiền theo hợp đồng tín dụng

không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB-CN Vĩnh Long.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa cho bị cáo V2 để đưa bị cáo T4 ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và bị cáo T4 tự đi chứng thực CMND giả, nộp trực tiếp cho Võ Thị Kim L6 -chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát - bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGĐ-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công T2 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017 do đã thông đồng với bị cáo P.

- Bị cáo Đỗ T7 - Phó giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 261)

Ngày 05/02/2018, bị cáo Trần Thị Phương T4 sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả và những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD85120180140 với LVB-CN Vĩnh Long và nhận được số tiền 150.000.000 đồng.

Sau khi lấy được tiền bị cáo T4 đưa bị cáo H1 28.000.000 đồng phí làm hồ sơ giả như thỏa thuận và trả nợ cá nhân cho bị cáo H1 30.000.000 đồng, số tiền bị cáo T4 còn lại để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Bị cáo H1 đưa lại bị cáo P 12.000.000 đồng để đưa bị cáo T2 và trừ nợ 16.000.000 đồng.

Ngày 10/7/2018, bị cáo T4 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú, khai nhận tất cả những nội dung trên.

Đến ngày 08/3/2019 bị cáo T4 thực hiện tất gốc khoản vay gồm 150.000.000 đồng gốc và 11.145.000 đồng tiền lãi.

#### **14. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180157 ngày 01/3/2018 số tiền 170.000.000 đồng**

Tháng 02/2018, bị cáo **Trương Thị Thanh Thảo** do cần tiền tiêu xài và trả nợ cá nhân. Thông qua sự giới thiệu của bị cáo H1, bị cáo T4 và bị cáo P đã bàn bạc với nhau về việc làm giấy tờ, tài liệu giả gồm giấy chứng minh nhân dân và tài liệu giả cho bị cáo T4 đủ điều kiện vay tiền LVB-CN Vĩnh Long với điều kiện tiền công 20%/số tiền được vay, đưa trước 02 triệu đồng, tiền làm Giấy chứng minh nhân dân giả là 10 triệu đồng. Sau khi đồng ý, bị cáo T4 đưa cho bị cáo H1



giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, ảnh và 12.000.000 đồng do bị cáo H1 cho mượn để đưa cho bị cáo P.

Bị cáo P sử dụng hình ảnh của bị cáo T4 thuê đối tượng chưa rõ nhân thân, địa chỉ làm giấy chứng minh nhân dân giả số 331 306 529 tên Trương Thị Thanh Thảo do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 09/6/2015 có sử dụng hình ảnh của bị cáo Thảo.

Trong thời gian này, để thuận lợi trong quá trình làm giấy tờ, tài liệu giả bị cáo P thuê đối tượng Jerry không rõ nhân thân, địa chỉ trên mạng xã hội zalo làm giả con dấu của Trường THCS Bình Ninh.

Bị cáo P đã dựa trên quyết định, bảng lương của Bùi Ngọc Huyền để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định về việc nâng bậc lương thường xuyên cho cán bộ, công chức, viên chức giả cho bị cáo T4 số 1938/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình; chèn tên bị cáo T4 vào Bảng thanh toán tiền lương Tháng 10,11,12/2017 của Trường THCS Bình Ninh giả; xác nhận đơn vị công tác Trường THCS Bình Ninh - giả chữ ký của Hiệu trưởng Nguyễn Thanh Bình, sử dụng con dấu giả Trường THCS Bình Ninh đóng vào các tài liệu trên để Thảo sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo H1 để đưa bị cáo T4 ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Võ Thị Kim L6 chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát - bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng: Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công T2 - Trưởng Phòng khách hàng (thừa ủy quyền) đã thông đồng với bị cáo P thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 275)

Ngày 01/3/2018, bị cáo Trương Thị Thanh Thảo sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả số và những tài liệu giả trên để ký Hợp đồng tín dụng Số HĐTD85020180157 ngày 01/3/2018 và nhận số tiền 170.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, bị cáo T4 đưa bị cáo H1 85.000.000 đồng gồm 32.000.000 đồng tiền công làm giấy tờ, tài liệu giả còn lại, trả nợ cá nhân 41.000.000 đồng, mua bảo hiểm 12.000.000 đồng như thỏa thuận. Số tiền còn lại bị cáo T4 sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Số tiền 32.000.000 đồng bị cáo H1 lấy 8.500.000 đồng tiền giới thiệu, đưa cho bị cáo T2 13.600.000 đồng, trừ nợ bị cáo P 9.900.000 đồng.

Đã khắc phục: 119.108.000 đồng, trong đó bị cáo T4 nộp 97.008.000 đồng, bị cáo T2 nộp 13.600.000 đồng, bị cáo H1 nộp 8.500.000 đồng. Số tiền còn phải bồi thường 50.892.000 đồng.

**15. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180144 ngày 02/3/2018 số tiền 200.000.000 đồng**

Tháng 2/2018, bị cáo **Nguyễn Thị Đài T** không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng nhưng muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Thông qua sự giới thiệu của bị cáo V2, bị cáo Trang và bị cáo P bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giấy chứng minh nhân dân và tài liệu giả cho bị cáo Trang sử dụng đủ điều kiện vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long với điều kiện bị cáo Trang phải trả 2.000.000 đồng tiền làm giấy chứng minh giả, trả bị cáo P 30.000.000 đồng tiền làm hồ sơ giả. Bị cáo Trang đã đưa bị cáo V2 giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, ảnh của bản thân.

Bị cáo V2 thuê Nguyễn Hiếu Trung làm giấy chứng minh nhân dân giả số: 330 752 765 mang tên: Nguyễn Thị Đài T, cấp ngày 12/11/2016, nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long có sử dụng hình ảnh của bị cáo Trang; Sau đó đưa tất cả các tài liệu này cho bị cáo P.

Bị cáo P sử dụng các giấy tờ, tài liệu có đóng dấu không Trường Tiểu học Đồng Phú A do Nguyễn Vương T9 cung cấp còn thừa để làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Hộ khẩu Số 620199204, chủ hộ Nguyễn Thị Đài T; Quyết định nâng lương giả cho bị cáo Trang số 5828/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ; chèn tên bị cáo Trang vào Bảng lương Tháng 10,11,12/2017 của Trường Tiểu học Đồng Phú A và xác nhận đơn vị công tác Trường Tiểu học Đồng Phú A ký giả chữ ký Hiệu trưởng Nguyễn Văn Hoàng để bị cáo Trang sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo V2 để đưa bị cáo Trang ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Nguyễn Anh M3 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Anh M3**, kiểm soát - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng

được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Minh – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Trưởng Phòng khách hàng (thừa ủy quyền): thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó Giám đốc thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân

hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 179)

Ngày 02/3/2018, bị cáo Nguyễn Thị Đài T sử dụng giấy chứng minh giả và những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD85120180140 với LVB-CN Vĩnh Long và nhận được số tiền **200.000.000 đồng**.

Số tiền 200.000.000 đồng bị cáo Trang đưa bị cáo Lê Hồng H1 113.000.000 gồm 28.000.000 đồng phí làm hồ sơ giả, 50.000.000 đồng chia vay với bị cáo P và trả nợ cá nhân cho bị cáo H1 5.000.000 đồng, trả nợ thay Trịnh Thị Minh Tr 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 88.000.000 đồng bị cáo Trịnh Thị Minh Tr sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Số tiền 78.000.000 bị cáo Lê Hồng H1 nhận thay bị cáo P, bị cáo H1 đưa bị cáo P 16.000.000 đồng để đưa bị cáo T2 và trừ nợ bị cáo P 62.000.000 đồng.

Bị cáo P đưa 12.000.000 đồng cho bị cáo T2.

Đến ngày 20/10/2020 đã khắc phục được số tiền 44.830.000 đồng

Hiện nay đã khắc phục: 100.830.000 đồng, trong đó bị cáo P nộp 3.870.000 đồng, bị cáo Trang nộp 84.960.000 đồng, bị cáo T2 nộp 12.000.000 đồng.

#### **16. Hợp đồng tín dụng HDDTD ngày 05/3/2018 số tiền 250.000.000 đồng**

Tháng 02/2018, bà Lâm Thị Thu H10 - sinh: 1966, ngụ địa chỉ: 22/3C, đường Mậu Thân, phường 3, thành phố Vĩnh Long; nghề nghiệp: Bán vé số, do cần tiền tiêu xài và trả nợ cá nhân. Thông qua Khuru Thủy T10 nên quen biết bị cáo Cao Thị Ánh V2 và bị cáo Nguyễn Thị Thúy P.

Bị cáo P và bị cáo V2 tự nhận bản thân là nhân viên ngân hàng LVB có gói vay dành cho cán bộ nhân viên nhà nước nhưng không vay nên thay Hương vào với điều kiện phải chia vay 50.000.000 đồng và công làm hồ sơ 20%/số tiền còn lại. Sau khi đồng ý, Hương đưa cho V2 bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu, ảnh theo yêu cầu.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P dựa trên các giấy tờ, tài liệu do bị cáo Huỳnh Thị Cẩm T8 cung cấp trước đó làm giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định về việc nâng bậc lương thường xuyên cho cán bộ, công chức, viên chức giả cho Lâm Thị Thu H10 số 2218/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của Ủy ban nhân thành phố Vĩnh Long; chèn tên Lâm Thị Thu H10 vào Bảng thanh toán tiền lương tháng 11/12/2017 và tháng 01/2018 của Trường Mầm non 9 - ký giả chữ ký của Hiệu trưởng Phạm Thị Mỹ Thư để bà Hương đủ điều kiện được vay tiền theo hợp

đồng tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức với LienVietPotBank-CN Vĩnh Long. Sau khi bị cáo P làm xong những tài liệu giả nêu trên đưa cho bị cáo V2 để bị cáo V2 đưa cho bà Hương ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho chuyên viên khách hàng Võ Thị Kim L6, khi Võ Thị Kim L6 điện thoại thẩm tra thông tin thì bị cáo Cao Thị Ánh V2 nghe điện thoại vì sợ bà Hương nghe sẽ bị phát hiện.

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát - bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Phạm Thanh H3 - Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 256)

Sau khi được Võ Thị Kim L6 thông báo thời gian đến ký hợp đồng và nhận tiền; ngày 01/3/2018, bị cáo Cao Thị Ánh V2 giao giấy chứng minh nhân dân giả tên Lâm Thị Thu H10 cho bị cáo Trần Thị Phương T4, nhờ bị cáo T4 đi theo bà Hương để nhằm mục đích giám sát tránh để bà Hương nói không đúng sẽ bị lộ. Bị cáo T4 đến nhà đón bà Hương và đưa đến Ngân hàng LVB-CN Vĩnh Long để ký hợp đồng tín dụng theo yêu cầu của bị cáo V2. Tại LVB-CN Vĩnh Long, bị cáo T4 đưa giấy Chứng minh nhân dân giả số 331108219 tên Lâm Thị Thu H10 do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 27/5/2017 để bà Hương sử dụng giấy chứng minh nhân dân và ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD 85020180154 ngày 05/3/2018 và nhận giải ngân số tiền 250.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, Lâm Thị Thu H10 đưa tiền theo thỏa thuận:

- Bà Hương đưa bị cáo Trần Thị Phương T4 02 cọc tiền loại giấy 500.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Bị cáo T4 rút ra 90.000.000 đồng đưa cho bị cáo Lê Hồng H1; bị cáo H1 trừ nợ bị cáo P 70.000.000 đồng, đưa bị cáo Phương 20.000.000 đồng, bị cáo P đưa bị cáo Đồng Công T2 15.000.000 đồng. Số tiền còn lại 155.000.000 đồng bà Hương dùng để trị bệnh và tiêu xài cá nhân.

Đã khắc phục được số tiền 36.760.000 đồng. Trong đó bị cáo T2 nộp 15.000.000 đồng, bị cáo P nộp 21.760.000 đồng. Số tiền còn phải khắc phục: 213.240.000 đồng.

Bà Hương đưa cho bị cáo V2 5.000.000 đồng; bà Hương đã chết do bệnh lý ngày 25 tháng 10 năm 2019.

**17. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180189 ngày 08/3/2018 số tiền 150.000.000 đồng:**

Tháng 3/2018, bị cáo **Nguyễn Hoàng Minh T3** bản thân là nhân viên Công ty Cổ phần FPT có nợ xấu tại nhiều tổ chức tín dụng nhưng cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên bị cáo Trang và bị cáo Nguyễn Thị Thúy P đã bàn bạc với nhau để P làm giấy chứng minh nhân dân giả và tài liệu giả cho bị cáo Trang đủ điều kiện được vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long, lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau khi thống nhất, bị cáo Trang đưa cho P giấy chứng minh nhân dân và ảnh cho bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P sử dụng hình ảnh của bị cáo Trang thuê (đối tượng chưa rõ nhân thân, địa chỉ) làm giấy chứng minh nhân dân giả số 331 421 536 tên Nguyễn Hoàng Minh T3, sinh năm 1987, địa chỉ Hựu Thành, Trà Ôn, Vĩnh Long có hình ảnh của bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3.

Trong thời gian này, để thuận lợi trong quá trình làm giấy tờ, tài liệu giả bị cáo Nguyễn Thị Thúy P thuê đối tượng Jerry (không rõ nhân thân, địa chỉ) trên mạng xã hội zalo làm giả con dấu của Trường THCS Tân Mỹ.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P đã làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: sổ hộ khẩu giả thay thêm tên Nguyễn Hoàng Minh T3 vào sổ hộ khẩu số 620143278, chủ hộ Mai Thanh N, mà P có được trong quá trình làm cộng tác viên ngân hàng; làm Quyết định về việc nâng lương thường xuyên cho cán bộ, công chức, viên chức giả số 6928/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn giả cho bị cáo Trang, giáo viên trường THCS Tân Mỹ; chèn tên bị cáo Trang vào Bảng Thanh toán tiền lương giả tháng 01,02,3/2018 của trường THCS Tân Mỹ; xác nhận đơn vị công tác Trường THCS Tân Mỹ - ký giả chữ ký của Phó hiệu trưởng Nguyễn Bé Mười, sử dụng con dấu giả THCS Tân Mỹ đóng vào các tài liệu trên để bị cáo Trang sử dụng đủ điều kiện được vay tiền theo hợp đồng tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB-CN Vĩnh Long.

Sau khi đưa bị cáo T2 kiểm tra, hướng dẫn, bị cáo P đưa bị cáo Trang ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long cho Võ Thị Kim L6 (chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long).

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát - bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng,



đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công T2 – Trưởng Phòng khách hàng (thừa ủy quyền), đã thông đồng với bị cáo P: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm

soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 289)

Ngày 08/3/2018, bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả và các tài liệu giả trên đến LVB-CN Vĩnh Long và được ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180189 ngày 08/3/2018 và nhận số tiền 150.000.000 đồng.

Số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo Trang đưa bị cáo P 5.000.000 đồng tiền công làm hồ sơ giả 100.000.000 đồng chia vay. Còn lại 45.000.000 đồng bị cáo Trang sử dụng tiêu xài cá nhân.

Số tiền 105.000.000 đồng bị cáo P đưa bị cáo T2 11.250.000 đồng, còn lại 93.750.000 đồng bị cáo P tiêu xài cá nhân.

Đã khắc phục: 19.820.000 đồng, trong đó bị cáo T2 nộp 11.250.000 đồng P nộp 3.845.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 nộp: 4.725.000 đồng, còn phải bồi thường 130.180.000 đồng.

**18. Hợp đồng tín dụng HĐTD85120180369 ngày 23/3/2018 số tiền 200.000.000 đồng:**

Tháng 3/2018, bị cáo Nguyễn Thị H sau khi sử dụng giấy tờ tài liệu giả do bị cáo Nguyễn Thị Thúy P làm cho được vay theo Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172444 ngày 14/9/2017 số tiền 250.000.000 đồng đã tiêu xài hết nên bị cáo H tiếp tục bàn với bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu nghề nghiệp giả cho Nguyễn Thị H sử dụng để đủ điều kiện vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long, lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Sau khi đồng ý, bị cáo H tiếp tục bàn bạc với bị cáo Phan Hữu Trí làm thêm 01 sổ hộ khẩu giả mang thông tin giả tên Trần Thị Hồng Trinh thông tin do bị cáo H cung cấp để bị cáo H được cấp giấy chứng minh nhân dân có thông tin giả, lần này bị cáo Trí và bị cáo H thỏa thuận số tiền công làm giả là 20.000.000 đồng. Bị cáo Trí đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý biểu mẫu Phôi sổ hộ khẩu lấy tự điền nội dung sổ hộ khẩu số B4079, tên Trần Thị Hồng Trinh, địa chỉ số 44/12, Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Vĩnh Long, sau đó Trí ký giả chữ ký của cán bộ đăng ký Lưu V2 Anh và ký giả chữ ký ông Hồ Quyết T1 - Phó trưởng Công an thành phố Vĩnh Long và lén sử dụng con dấu Công an thành phố Vĩnh Long đóng vào sổ hộ khẩu này. Sau đó bị cáo Trí tự viết đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân tên Trần Thị Hồng Trinh, sinh năm 1978, nguyên quán An Khánh, Châu

Thành, Đồng Tháp; địa chỉ: 44/12, Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Vĩnh Long và đến Công an Phường 2, thành phố Vĩnh Long xác nhận ngày 05/3/2018.

Ngày 05/3/2018, bị cáo Nguyễn Thị H được Phòng Cảnh sát quản lý hành chính Công an tỉnh Vĩnh Long cấp giấy Chứng minh nhân dân số: 331 916 715, tên Trần Thị Hồng Trinh, sinh năm 1978, Nơi ĐKTT 44/12, Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Vĩnh Long có hình ảnh của H. Sau đó đưa cho bị cáo P.

Bị cáo P đã làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định về việc nâng lương cho cán bộ, công chức, viên chức số 6668/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn giả cho Trần Thị Hồng Trinh; xác nhận đơn vị công tác Trường THCS Tân Mỹ – ký giả chữ ký của Phó hiệu trưởng Nguyễn Bé Mười, sử dụng con dấu giả THCS Tân Mỹ đóng vào các tài liệu trên để bị cáo H sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi làm xong những tài liệu giả trên, bị cáo P đưa bị cáo H ký và ghi tên “*Trần Thị Hồng Trinh*” lên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long Phòng giao dịch Tam Bình cho Nguyễn Thành L4 - sinh năm 1991, địa chỉ: 307/7 ấp Hòa Quới, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long PGD Tam Bình.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Thành L4**, kiểm soát - bị cáo **Nguyễn Hùng V4**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục **4.1.10** của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thành L4 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Nguyễn Hùng V4 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Phạm Thanh H3 - Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 197)

Ngày 23/3/2018, bị cáo Nguyễn Thị H sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả và các tài liệu giả trên ký hợp đồng tín dụng với LVB-CN Vĩnh Long Số: HĐTD85120180369 ngày 23/3/2018 và nhận số tiền 200.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, bị cáo H đưa bị cáo P: 15.000.000 đồng đóng tiền mua hàng, 35.000.000 đồng cho bị cáo P mượn sau này P đã trả hết, số tiền bị cáo 150.000.000 đồng bị cáo H cho Nguyễn Thành L4 1.000.000 đồng, trả nợ 85.000.000 đồng cho bị cáo Lê Hồng H1 còn lại bị cáo H sử dụng tiêu xài cá nhân.

Đã được khắc phục: 11.795.000 đồng, trong đó Nguyễn Thành L4 nộp 1.000.000 đồng. Số tiền còn phải bồi thường: 188.205.000 đồng.

**19. Hợp đồng tín dụng HĐTD85120180379 ngày 28/3/2018 số tiền 190.000.000 đồng**

Tháng 3/2018, bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 sau khi được bị cáo Nguyễn Thị Thúy P làm giấy tờ, tài liệu giả và được vay số tiền 150.000.000 đồng. Bị cáo Trang và bị cáo P tiếp tục bàn bạc với nhau làm hồ sơ giả để vay số tiền 190.000.000 đồng chia nhau tiêu xài. Lần vay này thực hiện cũng giống như trước. Bị cáo P làm giả các tài liệu như sau:

Bị cáo P thuê đối tượng không rõ nhân thân, địa chỉ quen qua mạng xã hội Zalo làm giả Giấy chứng minh nhân dân số 331 720 120, họ tên Nguyễn Thị K Trang sinh ngày 01/01/1986 cấp ngày 05/9/2017 có hình ảnh của bị cáo Trang.

Bị cáo P làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: sổ hộ khẩu giả chèn thêm tên Nguyễn Thị K Trang vào sổ hộ khẩu (không rõ số) chủ hộ Nguyễn Thị P2, địa chỉ ấp Hồi Tường, xã Xuân Hiệp, Trà Ôn, Vĩnh Long, mà bị cáo P có được trong quá trình làm cộng tác viên ngân hàng; Quyết định về việc nâng lương thường xuyên cho cán bộ, công chức, viên chức số 6658/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn giả cho Nguyễn Thị K Trang, giáo viên trường THCS Tân Mỹ; xác nhận đơn vị công tác giả chữ ký của Hiệu trưởng Trường THCS Tân Mỹ - Nguyễn Bé Mười, sử dụng con dấu giả THCS Tân Mỹ đóng vào các tài liệu trên để bị cáo Trang sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau làm xong những tài liệu giả nêu trên, bị cáo P đưa bị cáo Trang ký và đề tên “*Nguyễn Thị K Trang*” vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long Phòng giao dịch Tam Bình cho Nguyễn Thành L4 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long PGD Tam Bình.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Thành L4**, kiểm soát - bị cáo **Nguyễn Hùng V4**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thành L4 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số

39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

- + Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

- + Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

- + Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

- + Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

- + Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

- + Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Nguyễn Hùng V4 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Phê duyệt trên hệ thống mail nội bộ (BL 199 và 1395).

Ngày 28/3/2018, bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả và các tài liệu giả trên đến LVB-CN Vĩnh Long và được ký Hợp

đồng tín dụng HĐTD85120180379 ngày 28/3/2018 và nhận số tiền 190.000.000 đồng. Bị cáo Trang đưa bị cáo P 140.000.000 đồng, đưa 5.000.000 đồng tiền công làm hồ sơ giả và 10.000.000 đồng để bị cáo P cho vay ngoài xã hội nhằm lấy lãi trả nợ ngân hàng nhưng thực tế không cho vay được nên bị cáo Trang yêu cầu bị cáo P trả nợ cho hồ sơ bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 ký ngày 08/3/2018, bị cáo P đồng ý nhưng thực tế bị cáo P sử dụng cá nhân. Còn lại số tiền 35.000.000 đồng bị cáo Trang sử dụng cá nhân.

Số tiền 155.000.000 đồng, bị cáo P cho Nguyễn Thành L4 500.000 đồng khi nộp hồ sơ Huỳnh Thị Thúy An, 1.000.000 đồng khi nộp hồ sơ Trần Thị Hồng Thúy, 1.000.000 đồng khi nộp hồ sơ Ngô Đài P2 và Thái Thị K Hoa, số tiền còn lại bị cáo P sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Đã khắc phục: 22.166.000 đồng, trong đó bị cáo P nộp 7.300.000 đồng, bị cáo Trang nộp: 12.366.000 đồng, ông Nguyễn Thành L4 nộp 2.500.000 đồng. Số tiền còn phải bồi thường: 167.834.000 đồng.

Sau khi vay tiền 02 hồ sơ trên, bị cáo Trang cùng với bị cáo P trả nợ. Trong thời gian tháng 4,5,6/2018, bị cáo Trang có chuyển khoản cho bị cáo P 4 lần tổng cộng 7.025.000 đồng, sau đó không thực hiện trả nợ.

**20. Hợp đồng tín dụng HĐTD85120180390 ngày 11/4/2018 số tiền 200.000.000 đồng**

Tháng 4/2018, bị cáo Nguyễn Thị Thúy P cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Bị cáo P thuê đối tượng không rõ nhân thân, địa chỉ, quen qua mạng xã hội làm giả giấy chứng minh nhân dân số 331 053 015 tên Trần Thị Hồng Thúy, sinh năm 1978, địa chỉ 28/10A, khóm 1, phường 3, thành phố Vĩnh Long do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/9/2015 có hình ảnh của bị cáo Nguyễn Thị Thúy P.

Bị cáo P làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: sổ hộ khẩu giả thay thêm tên Trần Thị Hồng Thúy vào sổ hộ khẩu số 620143278, chủ hộ Mai Thanh N, mà bị cáo P có được trong quá trình làm cộng tác viên ngân hàng; Quyết định về việc nâng lương cho cán bộ, công chức, viên chức số 6788/QĐ-UBND ngày 26/20/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn giả cho Trần Thị Hồng Thúy; xác nhận đơn vị công tác Trường THCS Tân Mỹ - ký giả chữ ký của Phó hiệu trưởng Nguyễn Bé Mười, sử dụng con dấu giả THCS Tân Mỹ đóng vào các tài liệu trên để bị cáo P sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Bị cáo P làm xong, bị cáo P tự ký và ghi tên “*Trần Thị Hồng Thúy*” vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long Phòng giao dịch Tam Bình cho Nguyễn Thành L4 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long PGD Tam Bình.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Thành L4**, kiểm soát - bị cáo **Nguyễn Hùng V4**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGĐ-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thành L4 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Nguyễn Hùng V4 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định



của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Phê duyệt trên mail nội bộ. (BL 300 và 1395).

Ngày 11/4/2018, bị cáo Nguyễn Thị Thúy P sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả và các tài liệu giả trên ký hợp đồng tín dụng với LVB-CN Vĩnh Long số: HĐTD85120180390 ngày 11/4/2018 và nhận số tiền 200.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo P đã khắc phục được: 5.760.000 đồng.

**21. Hợp đồng tín dụng HĐTD85120180406 ngày 24/4/2018 số tiền 200.000.000 đồng**

Tháng 03/2018, bị cáo **Ngô Đài P2** không có nghề nghiệp, không có thu nhập và có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng nhưng muốn có tiền để tiêu xài cá nhân. Thông qua sự giới thiệu của bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo P2 và bị cáo P bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giấy chứng minh nhân dân giả và tài liệu giả để bị cáo P2 đủ điều kiện vay tiền tín chấp tại LVB-CN Vĩnh Long với điều kiện bị cáo P2 sẽ chia vay cho bị cáo H 100.000.000 đồng, trả công làm giả 10.000.000 đồng. Sau khi đồng ý, bị cáo P2 đưa bị cáo P giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và ảnh.

Bị cáo P thuê đối tượng không rõ nhân thân, địa chỉ quen qua mạng xã hội làm giả Chứng minh nhân dân Số 331 900 548 tên Trần Thị Hồng Thắm do Công an Vĩnh Long cấp ngày 08/01/2018 có hình ảnh của Ngô Đài P2.

Trong thời gian này, để thuận lợi trong quá trình làm giấy tờ, tài liệu giả Nguyễn Thị Thúy P thuê đối tượng Jerry trên mạng xã hội zalo làm giả con dấu của Trường THCS Bình Ninh (BL5524).

Bị cáo P đã làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: sổ hộ khẩu giả thay thêm tên Trần Thị Hồng Thắm vào sổ hộ khẩu số 620086845, chủ hộ Nguyễn Thị Huôi, mà bị cáo P có được trong quá trình làm cộng tác viên ngân hàng; xác nhận đơn vị công tác Trường Tiểu học Bình Ninh - giả chữ ký của Phó hiệu trưởng Nguyễn Hồng Oanh, sử dụng con dấu giả Trường Tiểu học Bình Ninh - Tam Bình đóng vào các tài liệu trên để P2 sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi bị cáo P làm xong những tài liệu giả trên, bị cáo H đưa cho bị cáo P2 ký và ghi tên “*Trần Thị Hồng Thắm*” lên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long Phòng giao dịch Tam Bình cho Nguyễn Thành L4 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long PGD Tam Bình.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Thành L4**, kiểm soát - bị cáo **Nguyễn Hùng V4**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thành L4 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Nguyễn Hùng V4 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 291-292)

Ngày 24/4/2018, bị cáo Ngô Đài P2 sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả tên Trần Thị Hồng Thắm và những tài liệu giả trên để được ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD85120180406 với LVB-CN Vĩnh Long và nhận được số tiền **200.000.000 đồng**.

Số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo P2 đưa bị cáo H 100.000.000 đồng chia vay và 10.000.000 đồng phí làm hồ sơ giả như thỏa thuận, cho bị cáo H mượn 10.000.000 đồng, số tiền 80.000.000 đồng còn lại bị cáo P2 sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Số tiền 120.000.000 đồng, bị cáo H đưa bị cáo P 10.000.000 đồng, còn lại 110.000.000 đồng bị cáo H sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị Thúy P sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Ngày 29/6/2018, bị cáo Ngô Đài P2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú, khai nhận tất cả những nội dung trên.

Đã khắc phục: 121.000.000 đồng, trong đó bị cáo Ngô Đài P2 80.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị H nộp 3.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Thúy P nộp 38.000.000 đồng. Số tiền còn phải khắc phục: 79.000.000 đồng.

**22. Hợp đồng tín dụng HĐTD85120180405 ngày 24/4/2018 số tiền 200.000.000 đồng**

Tháng 4/2018, bị cáo Trần Thị Khánh Ng không có nghề nghiệp, cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên bị cáo Ngọc và bị cáo Nguyễn Thị Thúy P bàn bạc với nhau để bị cáo P làm giả giấy chứng minh nhân dân và tài liệu giả cho bị

cáo Ngọc đủ điều kiện để vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long số tiền 200.000.000 đồng và thỏa thuận chia nhau mỗi người 100.000.000 đồng nhằm mục đích để trả nợ cho 02 hồ sơ giả Huỳnh Hoàng Huy và Nguyễn Hoàng Vũ Thanh mà bị cáo Ngọc và bị cáo P đã làm giả để vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải CN Ninh K. Sau khi đồng ý, bị cáo Ngọc cung cấp cho bị cáo P giấy chứng minh nhân dân, ảnh và sổ hộ khẩu cá nhân cho bị cáo P.

Bị cáo P thuê đối tượng không rõ nhân thân, địa chỉ, quen qua mạng xã hội làm giả giấy chứng minh nhân dân số 330 027 225 tên Thái Thị K Hoa, sinh ngày 18/06/1970, địa chỉ 82/8, Phước Hanh B, Phước Hậu, Long Hồ, Vĩnh Long, có hình ảnh của Trần Thị Khánh Ng.

Bị cáo P đã làm các giấy tờ, tài liệu giả gồm: sổ hộ khẩu giả thay thêm tên Thái Thị K Hoa vào sổ hộ khẩu số 1828, chủ hộ Ngô Đài P2, địa chỉ giống như giấy chứng minh nhân dân, mà bị cáo P có được trong quá trình làm hồ sơ giả cho bị cáo Ngô Đài P2 có được; Quyết định số 6348/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 về việc nâng lương thường xuyên cho cán bộ, công chức, viên chức cho Thái Thị K Hoa, giáo viên trường Tiểu học Bình Ninh; Bảng Thanh toán tiền lương tháng 02,3,4/2018 của trường Tiểu học Bình Ninh; Xác nhận đơn vị công tác Trường Tiểu học Bình Ninh, giả chữ ký của Phó hiệu trưởng Nguyễn Hồng Oanh, sử dụng con dấu giả Trường Tiểu học Bình Ninh - Tam Bình đóng vào các tài liệu trên để bị cáo Ngọc sử dụng đủ điều kiện được vay tiền.

Sau khi bị cáo P làm xong những tài liệu giả trên đưa cho bị cáo Ngọc ký và ghi tên “*Thái Thị K Hoa*” giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long Phòng giao dịch Tam Bình cho Nguyễn Thành L4 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long PGD Tam Bình.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Thành L4**, kiểm soát - bị cáo **Nguyễn Hùng V4**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thành L4 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số

39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

- + Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

- + Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

- + Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

- + Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

- + Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

- + Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Nguyễn Hùng V4 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Đỗ T7 - Phó Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 294)

Ngày 24/4/2018, bị cáo Trần Thị Khánh Ng sử dụng giấy chứng minh nhân giả tên Thái Thị K Hoa và tài liệu giả nêu trên đến LVB-CN Vĩnh Long Phòng

giao dịch Tam Bình được ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85120180405 ngày 24/4/2018 và nhận số tiền 200.000.000 đồng.

Bị cáo Ngọc đưa bị cáo P 100.000.000 đồng chia vay, đưa cho bị cáo P 10.000.000 đồng tiền phí làm hồ sơ. Còn lại 90.000.000 đồng bị cáo Ngọc nhận. Đến 03/05/2018, LVB-CN Vĩnh Long Phòng giao dịch Tam Bình phát hiện hồ sơ giả yêu cầu tất toán nợ. Bị cáo Ngọc đưa cho bị cáo P số tiền 90.000.000 đồng để bị cáo P tất toán, tuy nhiên bị cáo P chỉ trả nợ số tiền 60.000.000 đồng, còn lại 130.000.000 đồng bị cáo P sử dụng cá nhân.

Đến ngày 08/3/2019, bị cáo Trần Thị Khánh Ng thực hiện tất gốc khoản vay gồm 200.000.000 đồng gốc và 1.460.000 đồng tiền lãi, trong đó bị cáo P nộp 60.000.000 đồng. Bị cáo Ngọc yêu cầu bị cáo P phải trả lại số tiền 141.160.000 đồng.

### **23. Hợp đồng tín dụng số 1508.1/2017/VL-HĐTD ngày 30/3/2017, số tiền 250.000.000đ**

Vào tháng 3/2017, bị cáo Nguyễn Văn T1 là Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và bị cáo Đỗ Nhựt L4 bàn bạc với nhau để bị cáo T1 làm giả giấy tờ, tài liệu cho bị cáo L4 đủ điều kiện để vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long thì Linh đồng ý.

Bị cáo T1 làm giả các tài liệu: Quyết định số 377/QĐ-VKS ngày 04/10/2010 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc bổ nhiệm vào ngạch công chức, viên chức đối với bị cáo Đỗ Nhựt L4, Giấy đề nghị về việc xác nhận lương và phụ cấp tăng thêm tháng 01, 02, 03/2017 ngày 26/3/2017, xác nhận của lãnh đạo đơn vị Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 25/02/2017 để đủ điều kiện cho bị cáo L4 ký hợp đồng tín dụng số 1508.1/2017/VL-HĐTD ngày 30/3/2017, số tiền 250.000.000đ, trong đó bị cáo L4 cung cấp cho bị cáo T1 sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của mình để cho bị cáo T1 làm hồ sơ vay ngân hàng, đồng thời bị cáo L4 tự ghi nội dung xác nhận lương theo hướng dẫn của bị cáo T1 và ký vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 25/3/2019.

Bị cáo Đỗ Nhựt L4 sau khi ký tên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long Phòng giao dịch Long Hồ cho Nguyễn Tuấn H7 - sinh năm 1989, địa chỉ: ấp Hòa Thuận, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long PGD Long Hồ.

Chuyên viên khách hàng - bị cáo **Nguyễn Tuấn H7**, kiểm soát - bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực

hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Tuấn H7 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Đỗ T7 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB

ngày 10/4/2017. Bị cáo Phạm thanh hải - Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 9739/2016/QT-LVB ngày 21/12/2016. (BL 120, 121)

Bị cáo Đỗ Nhật L4 biết rõ các tài liệu trên là giả nhưng vẫn ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Sau khi nhận tiền giải ngân số tiền 250.000.000đ, bị cáo L4 chia cho bị cáo T1 tổng số tiền 115.000.000đ, còn lại 135.000.000đ bị cáo L4 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Đã khắc phục: 111.079.000 đồng, trong đó bị cáo T1 nộp 46.483.000 đồng, bị cáo Đỗ Nhật L4 nộp 64.596.000 đồng, còn lại phải bồi thường: 138.921.000 đồng.

#### **24. Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020171725 ngày 05/05/2017 số tiền 250.000.000 đồng**

Vào tháng 4/2017, bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Nguyễn Thanh B2 bàn bạc với nhau để bị cáo T1 giả giấy tờ, tài liệu cho bị cáo Bằng đủ điều kiện để vay tiền tại LVB-CN Vĩnh Long. Sau khi đồng ý, bị cáo Bằng cung cấp chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 làm giả các tài liệu: Quyết định số 149/QĐ-VKS ngày 23/4/2014 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc bổ nhiệm vào ngạch công chức, viên chức đối với bị cáo Bằng, Giấy đề nghị về việc xác nhận lương và phụ cấp tăng thêm tháng 02, 03, 04/2017 ngày 26/4/2017, xác nhận của lãnh đạo đơn vị Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 26/04/2017 để đủ điều kiện cho bị cáo Bằng ký hợp đồng tín dụng ký hợp đồng tín dụng số HĐTD85020171725 ngày 05/05/2017, số tiền ghi trên hợp đồng là 250.000.000đ, trong đó bị cáo Bằng cung cấp cho bị cáo T1 sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của mình để cho bị cáo T1 làm hồ sơ vay ngân hàng, đồng thời Nguyễn bị cáo Bằng tự ghi nội dung xác nhận lương theo hướng dẫn của bị cáo T1 vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 26/04/2017.

Bị cáo Nguyễn Thanh B2 sau khi ký tên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ có thông tin giả trên và nộp toàn bộ tài liệu trên vào LVB-CN Vĩnh Long Phòng giao dịch Long Hồ cho Nguyễn Tuấn H7 - chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long PGD Long Hồ.

Chuyên viên - bị cáo **Nguyễn Tuấn H7**, kiểm soát - bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp



nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu tại mục 4.1.10 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Tuấn H7 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng Phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB

ngày 10/4/2017. Bị cáo Phạm Thanh H3 - Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 192 - 193)

Bị cáo Nguyễn Thanh B2 biết rõ các tài liệu trên là giả nhưng vẫn ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Sau khi nhận tiền giải ngân số tiền 250.000.000đ, bị cáo Bằng chia cho bị cáo T1 tổng số tiền 150.000.000đ, còn lại 100.000.000đ bị cáo Bằng sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 23/10/2019, đã khắc phục: 154.984.000 đồng, trong đó bị cáo Nguyễn Văn T1 nộp 40.495.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thanh B2 nộp 114.489.000 đồng, còn lại: 95.016.000 đồng.

**25. Hợp đồng tín dụng HĐTD85320180040 ngày 19/01/2018, số tiền 200.000.000 đồng**

Tháng 01/2018, bị cáo Nguyễn Văn T1 đang vay tiền tín chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Long (BIDV Chi nhánh Vĩnh Long) cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nhưng không vay được nên bị cáo T1 nhờ vợ là Nguyễn Thị Yến P3 - sinh: 1989 đứng tên vay lấy tiền đưa cho bị cáo T1 sử dụng.

Bị cáo T1 sử dụng giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị Yến P3 và sổ hộ khẩu gia đình của bị cáo T1 để làm hồ sơ, đồng thời bị cáo T1 làm giả các tài liệu: Quyết định số 16/QĐ-VKS ngày 19/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Long Hồ về việc nâng lương thường xuyên, hàng năm đối với công chức. Đơn xin xác nhận lương ngày 15/01/2018, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 17/01/2018.

Sau khi làm xong, bị cáo T1 đưa Nguyễn Thị Yến P3 ký tên vào giấy xác nhận lương, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ, và hướng dẫn P3 ghi nội dung xác nhận trên Giấy đề nghị vay vốn. Sau đó, bị cáo T1 nộp hồ sơ vào Ngân hàng LVB-CN Vĩnh Long - Phòng Giao dịch Long Hồ cho Nguyễn Tuấn H7 -chuyên viên khách hàng LVB-CN Vĩnh Long PGD Long Hồ.

Chuyên viên - bị cáo **Huỳnh Thị Kiều H8**, kiểm soát - bị cáo **Bùi Văn Tr**, phê duyệt cho vay - bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho

ngân hàng được nêu tại mục **4.1.10** của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Huỳnh Thị Kiều H8 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Bùi Văn Tr – Trưởng Phòng khách hàng (Giám đốc Phòng giao dịch huyện Long Hồ): thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. Bị cáo Phạm Thanh H3 - Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín

dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 142)

Ngày 19/01/2018, bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị Yến P3 đến Ngân hàng V chi nhánh Vĩnh Long – Phòng Giao dịch Long Hồ và để P3 ký hợp đồng tín dụng số HĐTD85320180040 với ngân hàng LVB-CN Vĩnh Long - Phòng Giao dịch Long Hồ, số tiền 200.000.000đ. Sau khi, Nguyễn Thị Yến P3 ký giấy rút tiền, nhận được tiền giải ngân số tiền 200.000.000đ. Bị cáo T1 nhận và sử dụng.

Đến ngày 02/10/2020 bị cáo T1 nộp khắc phục số tiền 45.961.000 đồng. Hiện nay đã khắc phục xong, trong đó bị cáo Trung nộp khắc phục thay số tiền 124.040.000 đồng, bị cáo Hân nộp thay số tiền 30.000.000 đồng.

**26. Hợp đồng tín dụng 966.1/2016/VL-HĐTD ngày 06/12/2016 số tiền 160.000.000 đồng**

Tháng 12/2016, bị cáo **Trương Thụy Thu H9** – Huấn luyện viên Trường năng khiếu TDTT Vĩnh Long, quen biết và thuê bị cáo Đỗ Viết Trương làm giấy tờ để bị cáo Trương Thụy Thu H9 đủ điều kiện vay tiền tín chấp tại LVB Vĩnh Long, bị cáo Hà đưa cho bị cáo Trương giấy CMND, sổ hộ khẩu, quyết định nâng lương, bảng lương 3 tháng gần nhất để bị cáo Trương làm hồ sơ cho bị cáo Hà được vay. Hai ngày sau, bị cáo Trương cho biết bị cáo Hà đang có nợ xấu tại Sacombank Vĩnh Long nên không vay được, bị cáo Trương nói với bị cáo Hà “chị có quen bạn bè thì nhờ người ta đứng ra vay giùm”. Bị cáo Hà nhờ bị cáo **Nguyễn Trang Quốc Th3** đứng tên vay giúp. Sau khi bị cáo Thịnh đồng ý, bị cáo Trương làm giấy tờ, tài liệu có thông tin Nguyễn Trang Quốc Th3 là huấn luyện viên Trường năng khiếu TDTT Vĩnh Long để Nguyễn Trang Quốc Th3 đủ điều kiện vay tiền tín chấp tại LVB Vĩnh Long và bị cáo Hà phải đưa cho Đỗ Viết Trương 5%/số tiền vay tương đương 8.000.000 đồng, bị cáo Thịnh đưa cho bị cáo Trương bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu.

Giấy tờ, tài liệu có thông tin giả gồm: Quyết định nâng bậc lương cho công chức, viên chức số 103/QĐ-SVHTTDL ngày 21/8/2014 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Long (photo); Bảng thanh toán tiền lương Tháng 9,10,11/2016 và Bảng thanh toán tiền phụ cấp ưu đãi + Trách nhiệm cho giáo viên, y tế Tháng 9,10,11/2016 của Trường năng khiếu TDTT (photo) được bị cáo Trương làm giả từ hồ sơ xin vay của bị cáo Hà trước đó để Nguyễn Trang Quốc Th3 đủ điều kiện được vay tiền theo hợp đồng tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB-CN Vĩnh Long.

Hồ sơ đề nghị vay được bị cáo Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn M (sinh năm 1978, địa chỉ: 252/10/54 khóm 2, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) – tư vấn tài chính tự do cho bị cáo Võ Thị Kim L6 – cán bộ LVB Vĩnh Long.

Chuyên viên khách hàng - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục **1.1.5** của Kết luận giám định số 1025/KLGĐ-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 14, 15 và 28 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 887/2016/QT-LVB ngày 05/02/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần V Liên Việt quy trình nghiệp vụ cho vay, bảo lãnh trong nước đối với khách hàng, cụ thể:

- + Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

- + Không thực hiện đối chiếu bản chính, nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

- + Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 15 và Điều 28 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 887/2016/QT-LVB ngày 05/02/2016; cụ thể:

- + Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

Bị cáo Đỗ Trọng – Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 15 và Điều 28 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 887/2016/QT-LVB ngày 05/02/2016.

Bị cáo Phạm Thanh Hải – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 15 và 28 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 887/2016/QT-LVB ngày 05/02/2016.

Ngày 06/12/2016, bị cáo Thịnh được ký hợp đồng tín dụng với LVB Vĩnh Long số: 966.1/2016/VL-HĐTD và nhận số tiền 160.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo Thịnh đưa hết cho bị cáo Hà như thỏa thuận tại quán cà phê Robusta – Trần Đại Nghĩa, phường 4, thành phố Vĩnh Long.

Số tiền 160.000.000 đồng bị cáo Hà đưa 5.000.000 đồng đưa cho bị cáo Trương như thỏa thuận tại quán cà phê Robusta – Trần Đại Nghĩa, phường 4, thành phố Vĩnh Long. Số tiền còn lại bị cáo Hà dùng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 02/10/2020, đã khắc phục **105.338.719 đồng**, còn lại phải khắc phục là **54.661.281 đồng**.

Đến nay, đã khắc phục **117.338.734 đồng**, còn lại phải khắc phục **42.661.266 đồng**.

## **27. Hợp đồng tín dụng 1042.1/2016/VL-HĐTD ngày 06/12/2016 số tiền 110.000.000 đồng**

Tháng 12/2016, bị cáo **Nguyễn Vũ B3** - nghề nghiệp lao động tự do cần tiền để trả nợ và giải quyết việc gia đình nhưng không vay được, Nguyễn Vũ B3 quen biết “Chương” tên thật là Đỗ Viết Trương; bị cáo Bằng bàn bạc với bị cáo Trương sẽ làm giấy tờ, tài liệu có thông tin giả cho bị cáo Bằng là viên chức Ban quản lý di tích tỉnh Vĩnh Long để bị cáo Bằng sử dụng đủ điều kiện vay tiền tín chấp tại LVB Vĩnh Long và bị cáo Bằng phải trả cho bị cáo Trương 15%/số tiền vay tương đương 16.500.000 đồng, bị cáo Bằng đưa cho bị cáo Trương bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu.

Giấy tờ, tài liệu có thông tin giả gồm: Quyết định nâng bậc lương cho công chức, viên chức số 1085/QĐ-SVHTTDL ngày 15/5/2016 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Long (photo); Bảng thanh toán tiền lương Tháng 9,10,11/2016 của Ban quản lý di tích tỉnh Vĩnh Long để bị cáo Bằng đủ điều kiện được vay tiền theo hợp đồng tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB-CN Vĩnh Long.

Hồ sơ đề nghị vay được nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua đối tượng không rõ nhân thân, địa chỉ cho bị cáo Võ Thị Kim L6.

Chuyên viên khách hàng - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 1.1.3 của Kết luận giám định số 1025/KLGĐ-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể;

Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 14, 15 và 28 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 (Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 887/2016/QT-LVB ngày 05/02/2016), cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính, nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 15 và Điều 28 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 887/2016/QT-LVB ngày 05/02/2016; cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

Bị cáo Đỗ Trọng – Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 15 và Điều 28 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 887/2016/QT-LVB ngày 05/02/2016.

Bị cáo Phạm Thanh Hải – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 15 và Điều 28 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 887/2016/QT-LVB.

Ngày 06/12/2016, bị cáo Bằng được ký hợp đồng tín dụng với LVB Vĩnh Long số: 1042.1/2016/VL-HĐTD và nhận số tiền 110.000.000 đồng.

Số tiền 110.000.000 đồng bị cáo Bằng trình bày đưa cho bị cáo Trương 16.500.000 đồng như thỏa thuận tại quán cà phê Robusta – Trần Đại Nghĩa, phường 4, thành phố Vĩnh Long. Số tiền còn lại bị cáo Bằng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Đến nay, đã khắc phục được số tiền **55.369.000 đồng**, còn lại phải khắc phục số tiền **54.631.000 đồng** (phát sinh thu 112.475 đồng tiền lãi số dư)

## **28. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172273 ngày 21/7/2017 số tiền 200.000.000 đồng**

Tháng 7/2017, bị cáo **Lê Hữu H2** - nghề nghiệp lao động tự do quen biết bị cáo Trương. Bị cáo Hiếu bàn bạc với bị cáo Trương sẽ làm giấy tờ, tài liệu giả có thông tin nhân thân tên Nguyễn Thanh Hậu – Điều dưỡng Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vĩnh Long cho bị cáo Hiếu sử dụng vay tại LVB Vĩnh Long; bị cáo Trương sẽ cho bị cáo Hiếu 12.000.000 đồng. Bị cáo Hiếu đồng ý và cung cấp cho bị cáo Trương ảnh và giấy chứng minh nhân dân của mình theo yêu cầu của bị cáo Trương.



Bị cáo Trương dựa trên chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Huỳnh Văn Hồng Đào - sinh năm 1981, địa chỉ: ấp Ngãi Hạ, xã Hạ Bnh, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long để làm giấy tờ, tài liệu giả gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 281 775 tên Nguyễn Thanh Hậu, sinh ngày 04/4/1980, địa chỉ: Ngãi Hòa, Hòa Bình, Trà Ôn cấp ngày 30/7/2014, có hình ảnh của Lê Hữu H2; Sổ hộ khẩu số 962A, địa chỉ: 66/9, Ngãi Hòa, Hòa Bình, Trà Ôn, chủ hộ Huỳnh Văn Tăng, có tên Nguyễn Thanh Hậu (photo); Quyết định V/v nâng bậc lương cho công chức, viên chức số 2191/QĐ-SYT ngày 20/9/2015 của Sở Y tế Vĩnh Long (photo); Bảng thanh toán tiền lương và Bảng Thanh toán phụ cấp ưu đãi ngành y tế Tháng 5,6,7/2016 của Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vĩnh Long; Giả chữ ký xác nhận của ông Đoàn Văn Hùng – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Đa khoa TP Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Nguyễn Thanh Hậu để Lê Hữu H2 sử dụng đủ điều kiện được vay tiền theo hợp đồng tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB-CN Vĩnh Long.

Hồ sơ đề nghị vay sau khi được bị cáo Lê Hữu H2 ký và đề tên Nguyễn Thanh Hậu được bị cáo Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh cho bị cáo Võ Thị Kim L6

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục **4.1.40** của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng: Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính các hồ sơ, tài liệu theo quy định.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và

tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB, cụ thể:

- + Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

- + Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

- + Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công Thặng – được ủy quyền ký thay Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Đỗ Trang – Phó Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 221)

Ngày 21/7/2017, bị cáo Lê Hữu H2 sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 281 775 tên Nguyễn Thanh Hậu, sinh ngày 04/4/1980, địa chỉ: Ngã Hòa, Hòa Bình, Trà Ôn cấp ngày 30/7/2014 và được ký hợp đồng tín dụng với LVB Vĩnh Long số: HĐTĐ85020172273 và nhận số tiền 200.000.000 đồng

Sau khi nhận tiền từ ngân hàng đã đưa giấy chứng minh giả tên Nguyễn Thanh Hậu và số tiền 200.000.000 đồng cho bị cáo Trương như thỏa thuận; nhận tiền công 12.000.000 đồng.

Từ thời điểm vay đến nay Lê Hữu H2 không thực hiện trả nợ cho hợp đồng này.

Đến ngày 12/10/2020 đã nộp khắc phục 51.865.448 đồng.

Đã khắc phục số tiền **63.865.448 đồng**, số tiền còn lại phải khắc phục **136.134.552 đồng**, trong đó bị cáo Trương thực hiện bằng cách nộp tiền mặt và chuyển khoản từ qua trung gian ngân hàng khác 51.865.448 đồng; bị cáo Lê Hữu H2 nộp tạm giữ 12.000.000 đồng. (BL 2289)

**29. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172371 ngày 22/8/2017 số tiền 260.000.000 đồng**

Tháng 8/2017, bị cáo **Trần Ngọc K** - nghề nghiệp lao động tự do quen biết bị cáo Đỗ Viết Trương. Bị cáo K và bị cáo Trương bàn bạc với nhau, bị cáo Trương sẽ làm giấy tờ, tài liệu giả có thông tin nhân thân tên Nguyễn Phương Thảo – Bác sĩ Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long cho bị cáo K sử dụng vay tại LVB Vĩnh Long. Bị cáo K cung cấp cho bị cáo Trương ảnh và giấy chứng minh nhân dân của mình theo yêu cầu của bị cáo Trương.

Giấy tờ, tài liệu giả gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 732 255 tên Nguyễn Phương Thảo, sinh ngày 26/4/1977, địa chỉ: 12A, hộ 11, Đình T10 Hoàng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 09/5/2013 có hình ảnh của bị cáo Trần Ngọc K; Sổ hộ khẩu số 620136383, địa chỉ: 12A, hộ 11, Đình T10 Hoàng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, chủ hộ Trần Thị Kim Xuyên, có tên Nguyễn Phương Thảo (photo); Quyết định V/v bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp số 1987/QĐ-SYT ngày 18/4/2016 của Sở Y tế Vĩnh Long (photo); Bảng thanh toán tiền lương và Bảng Thanh toán phụ cấp ưu đãi theo nghề Tháng 6,7,8/2017 của Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long; Giả chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn Diên – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Nguyễn Phương Thảo để bị cáo K sử dụng đủ điều kiện được vay tiền theo hợp đồng tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB-CN Vĩnh Long.

Hồ sơ đề nghị vay sau khi được bị cáo K ký và đề tên Nguyễn Phương Thảo đưa cho bị cáo Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh cho bị cáo Võ Thị Kim L6

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.45 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Phạm Thanh Hải – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.(BL 232-233).

Ngày 22/8/2017, bị cáo Trần Ngọc K sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 732 255 tên Nguyễn Phương Thảo, sinh ngày 26/4/1977, địa chỉ: 12A, hộ 11, Đình T10 Hoàng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 09/5/2013 và được ký hợp đồng tín dụng với LVB Vĩnh Long số: HĐTD85020172371 và nhận số tiền 260.000.000 đồng

Bị cáo Trần Ngọc K trình bày: nhận giấy chứng minh giả tên Nguyễn Phương Thảo nhận từ bị cáo Trương nhưng không có tài liệu chứng minh; Sau khi nhận tiền từ ngân hàng đã đưa số tiền 260.000.000 đồng cho Nguyễn Chí Tâm và giấy chứng minh giả tên Nguyễn Phương Thảo cho bị cáo Trương tại quán cà phê Robusta – Trần Đại Nghĩa, phường 4, thành phố Vĩnh Long nhưng không có tài liệu chứng minh.

Đã khắc phục số tiền **99.258.601 đồng**, còn lại phải khắc phục số tiền **160.741.399 đồng**.

**30. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172606 ngày 06/11/2017 số tiền 170.000.000 đồng**

Tháng 11/2017, bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc P1** - nghề nghiệp lao động tự do quen biết “Cường” tên thật Đỗ Viết Trương. Bị cáo P1 và Trương bàn bạc với nhau, bị cáo Trương sẽ làm giấy tờ, tài liệu giả có thông tin nhân thân tên Phạm Hoàng Ngọc Quý – Y sĩ Bệnh viện Tâm Thần Vĩnh Long cho bị cáo P1 sử dụng vay tại LVB Vĩnh Long, Trương sẽ cho bị cáo P1 3.000.000 đồng. Bị cáo P1 đồng ý và cung cấp cho bị cáo Trương ảnh và giấy chứng minh nhân dân của mình theo yêu cầu của bị cáo Trương.

Giấy tờ, tài liệu giả gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 707 517 tên Phạm Hoàng Ngọc Quý, sinh ngày 27/8/1980, địa chỉ: khóm Vĩnh Hòa, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 10/12/2016 có hình ảnh của Nguyễn Thị Ngọc P1; Sổ hộ khẩu số 620086627, địa chỉ: 184 khóm Vĩnh Hòa, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, chủ hộ Nguyễn Văn Luông, có tên Phạm Hoàng Ngọc Quý (photo); Quyết định V/v bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp số 2297/QĐ-SYT ngày 24/3/2016 của Sở Y tế Vĩnh Long (photo); Bảng thanh toán tiền lương và Bảng Thanh toán phụ cấp ưu đãi theo nghề Tháng 9,10,11/2017 của Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long; Giả chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn Diên – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Phạm Hoàng Ngọc Quý để bị cáo P1 sử dụng đủ điều kiện được vay tiền theo hợp đồng

tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB-CN Vĩnh Long.

Hồ sơ đề nghị vay sau khi được bị cáo P1 ký và đề tên Phạm Hoàng Ngọc Quý được bị cáo Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh cho bị cáo Võ Thị Kim L6

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.52 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công Thặng – được ủy quyền ký thay Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017).

- Bị cáo Đỗ T7 – Phó Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 249)

Ngày 06/11/2017, bị cáo P1 sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 707 517 tên Phạm Hoàng Ngọc Quý, sinh ngày 27/8/1980, địa chỉ: khóm Vĩnh Hòa, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 10/12/2016 và được ký hợp đồng tín dụng với LVB Vĩnh Long số: HĐTD85020172606 và nhận số tiền 170.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền từ ngân hàng đã đưa số tiền 170.000.000 đồng, giấy chứng minh giả tên Phạm Hoàng Ngọc Quý cho bị cáo Trương và nhận tiền công 3.000.000 đồng tại via hè gần LVB Vĩnh Long.

Từ thời điểm vay đến nay Nguyễn Thị Ngọc P1 không thực hiện trả nợ cho hợp đồng này.

Đã khắc phục số tiền **35.606.602 đồng**, số tiền còn lại phải khắc phục **134.393.398 đồng** trong đó Đỗ Viết Trương thực hiện bằng cách nộp tiền mặt và chuyển khoản từ qua trung gian ngân hàng khác 32.606.602 đồng; bị cáo P1 nộp tạm giữ 3.000.000 đồng. (BL 2289)

**31. Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020171903 ngày 02/6/2017, số tiền 270.000.000 đồng**

Ngày 01/6/2017, bị cáo Võ Thị Kim L6 nhận hồ sơ đề nghị vay vốn tên Bùi Anh Đông do Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh.

Hồ sơ đề nghị vay vốn tên **Bùi Anh Đông** có giấy tờ, tài liệu giả, gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 899 962 tên Bùi Anh Đông, sinh ngày 01/01/1970, địa chỉ: An Hòa, Phú Đức, Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày

16/8/2014 (có hình ảnh của đối tượng không rõ nhân thân) (photo); Sổ hộ khẩu giả số 620065432, địa chỉ: 4A/1 ấp An Hòa, xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, chủ hộ Bùi Anh Đông (photo); Quyết định lương (không số) của Sở y tế tỉnh Vĩnh Long, ngày 19/3/2016 (không có nội dung tựa đề Quyết định), do Phó Giám đốc Văn Công Minh ký; Bảng thanh toán tiền lương + bảng thanh toán phụ cấp ưu đãi theo nghề Tháng 3, 4, 5/2017 của Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long (photo) của Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long; Giả chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn Diên – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Bùi Anh Đông.

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.43 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Khi tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng, phải thực hiện kiểm soát hồ sơ nhưng không phát hiện tính bất hợp lý và hợp lệ của Quyết định lương như: không số, không nội dung tiêu đề. Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN



ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB, cụ thể:

- + Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

- + Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

- + Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Phạm Thanh Hải – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017).

Ngày 02/6/2017, đối tượng không rõ nhân thân sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 899 962 tên Bùi Anh Đông, sinh ngày 01/01/1970, địa chỉ: An Hòa, Phú Đức, Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 16/8/2014 đến LVB Vĩnh Long ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85020171903 và nhận số tiền 270.000.000 đồng.

Đã khắc phục **82.400.430 đồng**, còn lại **187.599.570 đồng**, ngày khắc phục gần nhất 18/5/2018, số tiền khắc phục đều được thực hiện bằng nộp tiền mặt và chuyển khoản trung gian qua ngân hàng khác. (BL 2287)

**32. Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020171979 ngày 15/6/2017, số tiền 250.000.000 đồng**

Ngày 13/6/2017, bị cáo Võ Thị Kim L6 nhận hồ sơ đề nghị vay vốn tên Huỳnh Hoài Tân do Đỗ Viết Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh.

Hồ sơ đề nghị vay vốn tên **Huỳnh Hoài Tân** có giấy tờ, tài liệu giả, gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 573 973 tên Bùi Anh Đông, sinh ngày 25/6/1980, địa chỉ: 4/11 Lê Văn Tám, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh

Long, cấp ngày 14/10/2015 (có hình ảnh của đối tượng không rõ nhân thân) (photo); Sổ hộ khẩu không số, địa chỉ: 4/11 Lê Văn Tám, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long có tên Huỳnh Hoài Tân, chủ hộ Văn Thị Ngọc Mỹ (photo); Quyết định lương số 2260/QĐ-SYT của Sở y tế tỉnh Vĩnh Long, ngày 22/3/2016 do Phó Giám đốc Văn Công Minh ký (photo); Bảng thanh toán tiền lương + bảng thanh toán phụ cấp ưu đãi theo nghề Tháng 4,5,6/2017 của Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long (photo); Giả chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn Diên – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Huỳnh Hoài Tân.

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.44 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Phạm Thanh Hải – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 230)

Ngày 15/6/2017, đối tượng không rõ nhân thân sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 573 973 tên Bùi Anh Đông, sinh ngày 25/6/1980, địa chỉ: 4/11 Lê Văn Tám, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 14/10/2015 đến LVB Vĩnh Long ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85020171979 và nhận số tiền 250.000.000 đồng.

Đã khắc phục số tiền **71.548.796 đồng**, số tiền còn lại phải khắc phục **178.451.204 đồng**, ngày khắc phục gần nhất 18/5/2018, số tiền khắc phục đều được thực hiện bằng nộp tiền mặt và chuyển khoản trung gian qua ngân hàng khác. (BL 2287)

**33. Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020172381 ngày 25/8/2017, số tiền 200.000.000 đồng**

Ngày 23/8/2017, bị cáo Võ Thị Kim L6 nhận hồ sơ đề nghị vay vốn tên Nguyễn Hồng Loan do Đỗ Viết Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh.

Hồ sơ đề nghị vay vốn tên **Nguyễn Hồng Loan** có giấy tờ, tài liệu giả, gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 362 571 tên Nguyễn Hồng Loan, sinh ngày 04/9/1977, địa chỉ: ấp Phước Ngươn B, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 18/9/2016 (có hình ảnh của đối tượng không rõ nhân

thân) (photo); Sổ hộ khẩu số 620024306, địa chỉ: 255A/12 ấp Phước Nguơn B, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long có tên Nguyễn Hồng Loan, chủ hộ Nguyễn Minh Hà (photo); Quyết định lương số 8221/QĐ-SYT của Sở y tế, tỉnh Vĩnh Long, ngày 16/10/2015 về việc nâng bậc lương cho công chức, viên chức do Phó Giám đốc Mai Thanh Hùng ký (photo); Bảng thanh toán tiền lương + thanh toán phụ cấp ưu đãi ngành y tế Tháng 6,7,8/2017 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Vĩnh Long (photo); giả chữ ký xác nhận của ông Đoàn Văn Hùng – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Đa khoa thành phố Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Nguyễn Hồng Loan.

Chuyên viên khách hàng - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đông Công T2**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.41 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công Thặng - được thừa ủy quyền ký thay Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Đỗ Trọng – Phó Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 223)

Ngày 25/8/2017, đối tượng không rõ nhân thân sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 362 571 tên Nguyễn Hồng Loan, sinh ngày 04/9/1977, địa chỉ: ấp Phước Ngươn B, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 18/9/2016 đến LVB Vĩnh Long ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172381 và nhận số tiền 200.000.000 đồng.

Đã khắc phục số tiền **46.497.745 đồng**, số tiền còn lại phải khắc phục **153.502.255 đồng**, ngày khắc phục gần nhất 18/5/2018, số tiền khắc phục đều được thực hiện bằng nộp tiền mặt và chuyển khoản trung gian qua ngân hàng khác. (BL 2287)

**34. Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020172437 ngày 15/9/2017, số tiền 280.000.000 đồng**

Ngày 07/9/2017, bị cáo Võ Thị Kim L6 nhận hồ sơ đề nghị vay vốn tên Lê Minh Cách do Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh.

Hồ sơ đề nghị vay vốn tên **Lê Minh Cách** có giấy tờ, tài liệu giả, gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 203 777 tên Lê Minh Cách, sinh ngày 26/12/1978, địa chỉ: ấp Phú Thạnh, xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 10/11/2016 (có hình ảnh của đối tượng không rõ nhân thân) (photo); Sổ

hộ khẩu số 620010208, địa chỉ: 103A/10 ấp Phú Thạnh, xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long có tên Lê Minh Cách, chủ hộ Đặng Quốc T1 (photo); Quyết định lương số 5479/QĐ-SYT của Sở y tế tỉnh Vĩnh Long, ngày 20/9/2016 về việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp, do Phó Giám đốc Văn Công Minh ký (photo); Bảng thanh toán tiền lương, Bảng thanh toán phụ cấp ưu đãi theo nghề Tháng 7,8,9/2017 của Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long (photo); giả chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn Diên – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Lê Minh Cách.

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.47 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 (Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB), cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Phạm Thanh Hải – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 237)

Ngày 15/9/2017, đối tượng không rõ nhân thân sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 203 777 tên Lê Minh Cách, sinh ngày 26/12/1978, địa chỉ: ấp Phú Thạnh, xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 10/11/2016 đến LVB Vĩnh Long ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172437 và nhận số tiền 280.000.000 đồng.

Đã khắc phục **58.775.834 đồng**, còn lại **221.224.166 đồng**, ngày khắc phục gần nhất 18/5/2018, số tiền khắc phục đều được thực hiện bằng nộp tiền mặt và chuyển khoản trung gian qua ngân hàng khác. (BL 2288)

**35. Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020172527 ngày 09/10/2017, 300.000.000 đồng**

Ngày 09/10/2017, bị cáo Võ Thị Kim L6 nhận hồ sơ đề nghị vay vốn tên Trương Ngọc Trung do bị cáo Đỗ Viết Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh.

Hồ sơ đề nghị vay vốn tên **Trương Ngọc Trung** có giấy tờ, tài liệu giả, gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 383 313 tên Trương Ngọc Trung, sinh ngày 04/5/1970, địa chỉ: số 40/1 Trần Phú, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 09/12/2016 (có hình ảnh của đối tượng không rõ nhân thân) (photo); Sổ hộ khẩu số 620093597, địa chỉ: số 40/1 Trần Phú, phường 4,

thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long có tên Trương Ngọc Trung, chủ hộ Nguyễn Ngọc Hương (photo); Quyết định lương số 1234/QĐ-SYT của Sở y tế tỉnh Vĩnh Long, ngày 22/3/2016 về việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp, do Phó Giám đốc Văn Công Minh ký (photo); Bảng thanh toán tiền lương + bảng thanh toán phụ cấp ưu đãi nghề Tháng 8,9,10/2017 của Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long (photo); Giả chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn Diên – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Trương Ngọc Trung.

Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.48 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB, cụ thể:



+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Phạm Thanh Hải – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 239-240)

Ngày 09/10/2017, đối tượng không rõ nhân thân sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 383 313 tên Trương Ngọc Trung, sinh ngày 04/5/1970, địa chỉ: số 40/1 Trần Phú, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 09/12/2016 đến LVB Vĩnh Long ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172527 và nhận số tiền 300.000.000 đồng.

Đến ngày 02/10/2020, đã khắc phục **55.901.079 đồng**, còn lại **244.098.921 đồng**, ngày khắc phục gần nhất 18/5/2018, số tiền khắc phục đều được thực hiện bằng nộp tiền mặt và chuyển khoản trung gian qua ngân hàng khác. (BL 2288)

**36. Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020172608 ngày 08/11/2017, 300.000.000 đồng, tên Đinh Thị PL.**

Ngày 07/11/2017, bị cáo Võ Thị Kim L6 nhận hồ sơ đề nghị vay vốn tên Đinh Thị P Liên do Đỗ Viết Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh.

Hồ sơ đề nghị vay vốn tên **Đinh Thị PL** có giấy tờ, tài liệu giả, gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 127 400 tên Đinh Thị P Liên, sinh ngày 01/01/1974, địa chỉ: số 41B khóm 5, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 02/02/2017 (có hình ảnh của đối tượng không rõ nhân thân) (photo); Sổ hộ khẩu không số, địa chỉ: số 41B khóm 5, phường 9, thành phố Vĩnh

Long, tỉnh Vĩnh Long có tên Đinh Thị P Liên, chủ hộ Nguyễn Thị Cẩm Nhung (photo); Quyết định lương số 3273/QĐ-SYT của Sở y tế tỉnh Vĩnh Long, ngày 21/10/2016 về việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp, do Phó Giám đốc Văn Công Minh ký (photo); Bảng thanh toán tiền lương + bảng thanh toán phụ cấp ưu đãi nghề tháng 9,10,11/2017 của Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long (photo); giả chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn Diên – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Đinh Thị P Liên.

- Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.49 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Phạm Thanh Hải – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 242)

Ngày 09/11/2017, đối tượng không rõ nhân thân sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 127 400 tên Đinh Thị P Liên, sinh ngày 01/01/1974, địa chỉ: số 41B khóm 5, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 02/02/2017 đến LVB Vĩnh Long ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172608 và nhận số tiền 300.000.000 đồng.

Đến ngày 02/10/2020, đã khắc phục **48.199.000 đồng**, còn lại **251.801.000 đồng**, ngày khắc phục gần nhất 18/5/2018, số tiền khắc phục đều được thực hiện bằng nộp tiền mặt và chuyển khoản trung gian qua ngân hàng khác. (BL 2288)

**37. Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020172680 ngày 24/11/2017, 250.000.000 đồng**

Ngày 07/11/2017, bị cáo Võ Thị Kim L6 nhận hồ sơ đề nghị vay vốn tên Huỳnh Thị Thúy H do Đỗ Viết Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh.

Hồ sơ đề nghị vay vốn tên **Huỳnh Thị Thúy H** có giấy tờ, tài liệu giả, gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 856 376 tên Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 10/10/1976, địa chỉ: Vĩnh Hòa, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 11/05/2017 (có hình ảnh của đối tượng không rõ nhân thân) (photo); Sổ hộ khẩu số 620124211, địa chỉ: số 209 Vĩnh Hòa, phường Tân

Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long có tên Huỳnh Thị Thúy H, chủ hộ Nguyễn Thị Xê (photo); Quyết định lương số 5865/QĐ-SYT của Sở y tế tỉnh Vĩnh Long, ngày 20/9/2016 về việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp, do Phó Giám đốc Văn Công Minh ký (photo); Bảng thanh toán tiền lương + bảng thanh toán phụ cấp ưu đãi nghề Tháng 10,11/2017 của Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long (photo); giả chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn Diên – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Huỳnh Thị Thúy H.

- Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.53 của Kết luận giám định số 1025/KLGĐ-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính các hồ sơ, tài liệu theo quy định.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công Thặng – được ủy quyền ký thay Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Phạm Thanh Hải – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

Ngày 24/11/2017, đối tượng không rõ nhân thân sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 856 376 tên Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 10/10/1976, địa chỉ: Vĩnh Hòa, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 11/05/2017 đến LVB Vĩnh Long ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172680 và nhận số tiền 250.000.000 đồng.

Đã khắc phục **38.820.011 đồng**, còn lại **211.179.989 đồng**, ngày khắc phục gần nhất 18/5/2018, số tiền khắc phục đều được thực hiện bằng nộp tiền mặt và chuyển khoản trung gian qua ngân hàng khác. (BL 2288)

**38. Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020180085 ngày 24/01/2018, 300.000.000 đồng**

Ngày 23/01/2018, bị cáo Võ Thị Kim L6 nhận hồ sơ đề nghị vay vốn tên Thượng Trung Miên do Đỗ Viết Trương nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh.

Hồ sơ đề nghị vay vốn tên **Thượng Trung Miên** có giấy tờ, tài liệu giả, gồm: Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 968 422 tên Thượng Trung Miên, sinh ngày 09/09/1970, địa chỉ: 37 Lê Văn Tám, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 09/06/2016 (có hình ảnh của đối tượng không rõ nhân thân) (photo); Sổ hộ khẩu không số, địa chỉ: 37 Lê Văn Tám, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long có tên Thượng Trung Miên, chủ hộ Thượng Trung Quân (photo); Quyết định lương số 1323/QĐ-SYT của Sở y tế tỉnh Vĩnh Long, ngày 22/9/201 về việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp, do Phó Giám đốc Văn Công Minh ký (photo); Bảng thanh toán tiền

lương + bảng thanh toán phụ cấp ưu đãi nghề Tháng 11,12/2017 và Tháng 01/2018 của Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long (photo); Giả chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn Diên – Giám đốc, giả hình dấu Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Thượng Trung Miên.

- Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đỗ T7**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Phạm Thanh H3** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.50 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không thực hiện đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập không các chứng từ đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB, cụ thể:

+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đỗ T7 – Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Phạm Thanh Hải – Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

Ngày 24/01/2018, đối tượng không rõ nhân thân sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả số 331 968 422 tên Thượng Trung Miên, sinh ngày 09/09/1970, địa chỉ: 37 Lê Văn Tám, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 09/06/2016 đến LVB Vĩnh Long ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180085 và nhận số tiền 300.000.000 đồng.

Đến ngày 02/10/2020, đã khắc phục **30.822.084 đồng**, còn lại **269.177.916 đồng**, ngày khắc phục gần nhất 18/5/2018, số tiền khắc phục đều được thực hiện bằng nộp tiền mặt và chuyển khoản trung gian qua ngân hàng khác. (BL 2288)

**39. Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172501 ngày 02/10/2017, số tiền 150.000.000 đồng**

Tháng 10/2017, bị cáo **Lê Hữu Lợi** - làm dịch vụ Tài chính FE-Credit sử dụng giấy tờ, tài liệu giả bản thân là giáo viên Trường THCS Tân Hạnh đủ điều kiện được vay tiền theo hợp đồng tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức với LVB Vĩnh Long.

Giấy tờ, tài liệu giả gồm: Quyết định Về việc nâng bậc lương cho viên chức số 6756/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện Long Hồ (photo); Bảng lương tháng 7, 8, 9/2007 của Trường THCS Tân Hạnh có tên Lê Hữu Lợi (photo); Giả chữ ký xác nhận của bà Phạm Thị Thanh Trúc – Hiệu trưởng Trường THCS Tân Hạnh trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ tên Lê Hữu Lợi.

Bị cáo Lê Hữu Lợi khai thuê Nguyễn Đỗ T7 Nguyên sinh năm 1991, địa chỉ: ấp Hòa Thuận, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, Vĩnh Long (làm dịch vụ tài

chính) làm hồ sơ giả cho Lợi vay với giá 20.000.000đ nhưng không có tài liệu chứng minh.

Lời khai của Nguyễn Đỗ T7 Nguyên có nhận giới thiệu hồ sơ vay của Lê Hữu Lợi với giá 9.000.000 đồng nhưng tài liệu, hồ sơ là do Lợi cung cấp, Nguyễn Đỗ T7 Nguyên không biết hồ sơ là giả. Sau đó, Nguyễn Đỗ T7 Nguyên đưa hồ sơ cho Đinh Quốc Bảo sinh năm 1991, địa chỉ 168A/16 ấp An Thuận, xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (nhân viên Khách hàng Đại chúng Ngân hàng TMCP Phương Đông) để giới thiệu vay LVB Vĩnh Long. Đinh Quốc Bảo nộp vào LVB Vĩnh Long thông qua Bạch Ngọc Nguyễn Minh cho Võ Thị Kim L6.

- Chuyên viên - bị cáo **Võ Thị Kim L6**, kiểm soát – bị cáo **Đồng Công T2**, phê duyệt cho vay – bị cáo **Đỗ T7** thiếu trách nhiệm trong thực hiện tiếp nhận, thẩm định và lập hồ sơ giải ngân; kiểm soát cho vay; phê duyệt cho vay dẫn đến không phát hiện hồ sơ đề nghị vay có giấy tờ, tài liệu giả nên đã cấp tín dụng, đối tượng lấy được tài sản không thực hiện trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng được nêu rõ tại mục 4.1.66 của Kết luận giám định số 1025/KLGD-VIL.1 ngày 23.12.2019 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Bị cáo Võ Thị Kim L6 – Chuyên viên khách hàng:

Thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định cho vay theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.1; Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, cụ thể:

+ Không trực tiếp phỏng vấn khách hàng nhưng lại ghi nhận phỏng vấn trực tiếp.

+ Không đối chiếu bản chính nhưng đóng dấu đã đối chiếu bản chính.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ từ khách hàng, thực hiện thẩm định hồ sơ vay vốn qua điện thoại; không thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và tính thống nhất hồ sơ do khách hàng cung cấp; không thẩm định tại địa điểm làm việc... dẫn đến không phát hiện hồ sơ giả.

Lập khống các chứng từ để đủ điều kiện giải ngân và giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng; thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và không tuân thủ các quy định về lập hồ sơ giải ngân vốn vay tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 và Khoản 6.4 Điều 6 Chương III Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB, cụ thể:



+ Kiểm tra các điều kiện giải ngân theo phê duyệt giải ngân, thu thập, kiểm tra các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

+ Tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, xác thực của chứng từ, giấy tờ liên quan.

+ Tuân thủ các quy định về hồ sơ giải ngân theo quy định kiểm soát, phê duyệt giải ngân.

- Bị cáo Đồng Công Thặng – được ủy quyền ký thay Trưởng phòng khách hàng: thiếu trách nhiệm trong việc kiểm soát nội dung hồ sơ thẩm định; không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát thông tin hiệu quả, đảm bảo phù hợp và tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và Pháp luật quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.2 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017.

- Bị cáo Đỗ Trọng – Phó Giám đốc: thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017. (BL 282)

Ngày 02/10/2017, bị cáo Lê Hữu Lợi đến LVB Vĩnh Long ký Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172501 và nhận số tiền 150.000.000 đồng. Bị cáo Lợi đưa cho Nguyên 9.000.000 đồng và cho mượn riêng 10.000.000 đồng. Nguyên đưa cho Bảo số tiền 60.000.000 đồng, Bảo đưa cho Minh 5.000.000 đồng tiền công làm môi giới.

Đến ngày 02/10/2020 đã khắc phục **số tiền 28.199.271 đồng**, số tiền còn lại **121.800.729 đồng**.

Hiện nay, đã khắc phục xong số tiền **150.000.000 đồng**.

#### **Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:**

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Long tạm giữ các đồ vật, tài liệu có liên quan trong vụ án đã chuyển đến Cục thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long gồm:

- Một xe mô tô Honda Biển số 64B1-820.23, dung tích xi lanh 108 cm<sup>3</sup>, số máy: JF24E021099, số khung: 24089Y168167 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô Honda Biển số 64B1-932-77, dung tích xi lanh 124 cm<sup>3</sup>, số máy: JF79E0021192, số khung: RLHJF790XHY005954 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô Yamaha Biển số 64K6-1818, dung tích xi lanh 114 cm<sup>3</sup>, số máy 2B52-34130,

số khung 5205Y-034130 (đã qua sử dụng); 01 máy in hiệu Canon đã qua sử dụng; 01 Máy tính xách tay hiệu Dell, mã số 2944465886, đã qua sử dụng.

**Đồ vật, tài liệu niêm phong có chữ ký của bị cáo Nguyễn Thị Thúy P:**

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị Thúy P 13/9/2018: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, vỏ máy màu xanh, số IMEI 1 358860082917332/01; số IMEI 2 358861082917330/01; số SN R58J63QNJWZ, không có sim;

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị Thúy P 07/7/2018: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J1 (2016), vỏ máy màu đen, viền trắng, số IMEI 1 355639077072946/01; số IMEI 2 355640077072944/01, số SN R51H32BBMXA;

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị Thúy P 13/9/2018: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, đã qua sử dụng, số IMEI 1 868346029673876; số IMEI 2 868346029673868; Bên trong có 01 sim Vietnammobile số seri 89840505181415726802 và 01 thẻ nhớ Micro SD 16G;

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị Thúy P 13/9/2018: 02 ĐIỆN THOẠI: 01 NOKIA đã qua sử dụng, số IMEI 1 354877086048504; số IMEI 2 354877086048512, không có sim; 01 NOKIA đã qua sử dụng, số IMEI 1 354491092105058; số IMEI 2 354491094605055; không có sim;

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị Thúy P: 01 USB lưu dữ liệu ngày 07/7/2018 (sao lưu dữ liệu theo BB kiểm tra dữ liệu ngày 07/7/2018);

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị Thúy P: 01 USB sao lưu dữ liệu ngày 13/9/2018 từ điện thoại J7 của Nguyễn Thị Thúy P;

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị Thúy P: 01 USB lưu dữ liệu ngày 13/9/2018 (sao lưu dữ liệu trong máy tính xách tay hiệu Dell có 20 file word, 06 file excel, 01 file hình ảnh);

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị Thúy P: 01 USB sao lưu dữ liệu ngày 13/9/2018 từ điện thoại OPPO của Nguyễn Thị Thúy P;

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị Thúy P ngày 31/5/2019: 01 hộp mộc tròn tên Trường tiểu học Thanh Đức C; 03 miếng nhựa tròn, mặt miếng nhựa có hình chữ nổi tên BCH công đoàn Trường Loan Mỹ; Trường THCS thị trấn Long Hồ; Trường THCS Tân Mỹ; 10 dấu mộc tên có đánh số: 1. Lâm Tòng Sơn; 2. Nguyễn Ngọc Hương; 3. Nguyễn Hoàng Sơn; 4. Nguyễn Thanh Bình; 5. Nguyễn Thanh Tùng; 6. Nguyễn Thị Mỹ Thư; 7.

Nguyễn Minh Thúy; 8. Lâm Quang Thuận; 9. Thái Hoàng Năng; 10. Hiệu trưởng.

**Đồ vật, tài liệu niêm phong có chữ ký của bị cáo Nguyễn Thị H:**

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị H 14/9/2018: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Model A1661 FCC ID BCG-E3087A IC579C-E3087A; không có sim; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 pro số IMEI1 356446086013047; số IMEI2 356446086013045; bên trong có 02 sim, 01 sim viettel số seri 898408000023895660; 01 sim mobifone không số seri và 01 thẻ nhớ Micro SD 32Gb. được bọc trong vỏ nhựa không màu, bên trong vỏ có 01 sim mobifone 840117055212357901, 01 Vietnammobile 89840509181114021246, 01 mẫu giấy có nội dung không xác định, 01 tờ tiền Two dollars seri H05464760A (không xác định thật giả).

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Nguyễn Thị H: 01 USB sao lưu dữ liệu theo biên bản kiểm tra, trích xuất dữ liệu trên thiết bị điện tử lúc 08 giờ 10 phút ngày 14/9/2018.

- 01 Thẻ Ngân hàng Lienvietpostbank tên Trần Thị Hồng Trinh số 9704 4903 3099 6250; 01 Thẻ Ngân hàng MHB tên Nguyễn Thị H số 9704 0190 2208 7514; 01 Thẻ DongA bank tên Nguyễn Thị H số 9704 0606 6622 1290; 01 Thẻ Vietcombank tên Nguyễn Thị H số 97043668 12835141 015; 01 khung thẻ sim số 8984048000023895660; 9 ảnh thẻ (không xác định họ tên người trong ảnh).

**Đồ vật niêm phong có chữ ký của bị cáo Trần Thị Phương T4:**

- 01 hộp giấy niêm phong có chữ ký bị cáo Trần Thị Phương T4 11/7/2019: 01 con dấu tròn Phòng giáo dục và đào tạo huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Trường tiểu học Thanh Đức C; 04 bản sao bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông tên Nguyễn Thị Thùy Linh, sinh ngày 11/6/1987, Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Dương đã chức thực của Phòng Tư pháp quận 1, TP. Hồ Chí Minh, số chứng thực 119, quyền số 65 ngày 20/4/2018.

**Đồ vật, tài liệu niêm phong có chữ ký của bị cáo Cao Thị Ánh V2:**

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Cao Thị Ánh V2 ngày 04/9/2018: 01 điện thoại di động hiệu Nokia đã qua sử dụng, số IMEI1 361726/06/977360/5; số IMEI2 361726/06/977631/3; bên trong điện thoại có 02 sim mobifone, số seri sim1 8401180192912366, số seri sim2 8401180192846761 và 01 thẻ nhớ micro SD 2Gb; 01 điện thoại di động hiệu Coolpad đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim viettel số seri 8984048000015354115; 02 di động hiệu Mobell đã qua sử dụng, số IMEI: 812696060614579; bên trong có 02 sim vinaphone: số seri sim 1:

89840200010584031231; số seri sim 2: 89840200010745374595; 01 máy tính bảng hiệu Neoson đã qua sử dụng, model: TA721A.

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Cao Thị Ánh V2: 01 USB sao lưu dữ liệu theo biên bản kiểm tra lúc 8 giờ 20 ngày 04/9/2018; 23 ảnh thẻ của Cao Thị Ánh V2; 17 ảnh thẻ các loại (không xác định họ tên người trong ảnh); 01 thẻ thành viên khám sức khỏe, mã số 00002517; 01 thẻ ATM ngân hàng Kiên Long của Cao Thị Ánh V2 số 9704 5217 0001 2482; 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank của Cao Thị Ánh V2, số 9704 0507 6544 4422; 01 thẻ ATM ngân hàng Đông Á của Cao Thị Ánh V2, số 9704 0607 7998 5898; 01 Sim Viettel số 8984048000001498721; 01 Sim Mobifone số 8401180192374751 OT; 01 Sim Mobifone số 8401171092246950; 01 Khung sim và Sim mobifone số 8401180192613471 OT; 01 Khung sim Mobifone 8401 1801 9284 6761; 01 Khung sim Mobifone 8401 1801 9284 6761; 01 Khung sim Mobifone 8401 1801 9237 3237; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 079550 - chủ xe Phạm Thị Kim Xuân biển số 64K8 1818; 01 Giấy phép lái xe số R340825 của Cao Thị Ánh V2 ngày 23/4/2004; 01 thẻ ATM Vietcombank số 97043668 12400122 010 Cao Thị Anh Van; 01 khung sim và sim Viettel số 8984048000023895659; 01 khung sim Viettel số 898404800004271518; 01 khung sim Vinaphone số 89840200010745374595; 01 khung sim Vietnamobile số 89840505171422049793; 01 Giấy thẻ khách hàng Ngân hàng Agribank tên Cao Thị Ánh V2 tài khoản số 7301205107946; 01 Chứng minh nhân dân số 330057880 ngày 11/02/2011, Đỗ Văn Lén sinh năm 1943, địa chỉ: 227/11 Tân Vĩnh Thuận, Tân Ngã, Tp Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; 08 ảnh thẻ (không xác định họ tên người trong ảnh).

**Đồ vật, tài liệu niêm phong có chữ ký của bị cáo Lê Hồng H1:**

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Lê Hồng H1 ngày 20/3/2019: 01 điện thoại di động hiệu Itel đã qua sử dụng, số IMEI1 356369092792182; số IMEI2 356369092792190, không sim, không thẻ nhớ;

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Lê Hồng H1 ngày 20/3/2019: 01 USB sao lưu dữ liệu theo Biên bản kiểm tra, trích xuất dữ liệu trên thiết bị điện tử bị tạm giữ hồi 14 giờ ngày 20/3/2019;

**Đồ vật, tài liệu niêm phong có chữ ký của bị cáo Đồng Công T2:**

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Đồng Công T2 ngày 19/3/2019: 01 điện thoại di động hiệu Sony, màu đen, số hiệu F32126 đã qua sử dụng, số IMEI1 356060076128903, IMEI2 356060076128911; 01 máy tính bảng đã qua sử dụng hiệu Samsung màu trắng, số IMEI 359899065097000;

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Đồng Công T2 ngày 19/3/2019; 01 USB sao lưu dữ liệu theo biên bản kiểm tra, trích xuất dữ liệu trên thiết bị điện tử bị tạm giữ hồi 14 giờ 30 phút ngày 19/3/2019;

- 01 Thẻ ATM Vietcombank số 9704366805628186023 Đồng Công T2; 01 Thẻ V1 số 5235380285000057 Đồng Công T2; 01 Thẻ V1 số 9704490330380547 Đồng Công T2; 01 Thẻ V1 số 99704490330985956 Nguyễn Thị Bạch Ngọc;

**Đồ vật, tài liệu niêm phong có chữ ký của bị cáo Trần Trung Đ1:**

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Trần Trung Đ1 ngày 19/3/2019; 01 điện thoại di động HTC one Me, màu trắng đã qua sử dụng, số IMEI1 358721061018049, số IMEI2 358721061018056;

- 01 phong bì niêm phong có chữ ký bị cáo Trần Trung Đ1 ngày 19/3/2019; 01 UBS sao lưu dữ liệu theo biên bản kiểm tra, trích xuất dữ liệu trên thiết bị điện tử bị tạm giữ hồi 8 giờ ngày 19/3/2019.

**Đồ vật, tài liệu niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn T1:**

- 01 Thẻ ATM BIDV tên Nguyễn Văn T1 số 9704 1801 0731 6440;

**Tài liệu liên quan 02 xe máy 64B1 932.77 và 64B1 820.23:**

- 01 Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Thúy P, sinh ngày 24/10/1981, nơi ĐKTT: 100 Đinh T10 Hoàng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long số 331 253 494 cấp ngày 14/7/2015;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy Số 065852 Biển số 64B1 932.77 ngày 17/9/2017;

- 01 Giấy phép lái xe Số 861011000654 tên Nguyễn Thị H ngày 09/01/2016;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy Số 049702 Biển số 64B1 820.23 ngày 01/02/2017.

**Tài liệu là 12 mẫu cần giám định của Kết luận giám định số 438:**

- 01 (một) mặt trước “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331221210, mang tên Đỗ Văn Giang, sinh ngày: 1975, nơi ĐKKH thường trú: 15/35 Lò Rèn, phường 4, TP Vĩnh Long, Vĩnh Long.

- 01 (một) mặt trước “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331122137, mang tên Huỳnh Minh Hiếu, sinh ngày: 1973, nơi ĐKKH thường trú: Long Thuận A, Long Phước, Long Hồ, Vĩnh Long.

- 01 (một) mặt trước “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331910584, mang tên Nguyễn Thị H, sinh ngày: 1978, nơi ĐKKH thường trú: 27/109 z, Hoàng Hoa Thám, P2, TP Vĩnh Long, Vĩnh Long.

- 01 (một) mặt trước “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331375099, mang tên Trần Văn Vũ, sinh ngày: 1983, nơi ĐKKH thường trú: Thạnh Lợi, Thạnh Quới, Long Hồ, Vĩnh Long.

- 01 (một) “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331437420, mang tên Nguyễn Ngọc Đức, sinh ngày: 1982, nơi ĐKKH thường trú: ấp Thạnh Trí, Hòa Thạnh, Tam Bình, Vĩnh Long, ngày cấp 15/09/2015.

- 01 (một) “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331221221, mang tên Nguyễn Hoàng Nam, sinh ngày: 1971, nơi ĐKKH thường trú: Phú An, Phú Thịnh, Tam Bình, Vĩnh Long, ngày cấp 04/05/2016.

- 01 (một) “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331202523, mang tên Phạm Ngọc Thiện, sinh ngày: 1981, nơi ĐKKH thường trú: 180/11 Long Thuận A, Long Phước, Long Hồ, TP. Vĩnh Long, ngày cấp 12/11/2016.

- 01 (một) “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331129468, mang tên Đặng Thị H, sinh ngày: 1975, nơi ĐKKH thường trú: 130/1/66A Nguyễn Huệ, phường 2, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long, ngày cấp 05/09/2017.

- 01 (một) “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331900548, mang tên Trần Thị Hồng Thắm, sinh ngày: 18/06/1978, nơi ĐKKH thường trú: 212 Tân Quới Hưng, Trường An, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long, ngày cấp 08/01/2018.

- 01 (một) “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331221409, mang tên Nguyễn Thị H, sinh ngày: 14/06/1977, nơi ĐKKH thường trú: 79B Cao Thắng, phường 8, TP Vĩnh Long, Vĩnh Long, ngày cấp 19/11/2012.

- 01 (một) “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331253494, mang tên Nguyễn Thị Thúy P, sinh ngày: 24/10/1981, nơi ĐKKH thường trú: 6/69/1 Nguyễn Văn Lâu, phường 8, TP.VL, Vĩnh Long, ngày cấp 14/05/2018.

- 01 (một) “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 331439206, mang tên Nguyễn Thị Thảo Trang, sinh ngày: 18/09/1985, nơi ĐKKH thường trú: Long Khánh, Long Mỹ, Mang Thít, Vĩnh Long, ngày cấp 22/06/2018.

**Tài liệu là mẫu cần giám định A1 của Kết luận giám định số 207:**

- 01 Sổ hộ khẩu số 620097818, họ và tên chủ hộ Nguyễn Thị H, ngày cấp 28/8/2017.

**Số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả tại cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Vĩnh Long:**

1. Ngày 29/01/2019, Trường THCS Loan Mỹ Nộp tiền khắc phục thay cho Nguyễn Thị Thúy P liên quan vụ án hình sự xảy ra tại Ngân hàng TMCP V Chi nhánh Vĩnh Long số tiền 35.483.700 đồng (ba mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

2. Ngày 22/02/2019 và ngày 13/3/2019, Lê Ngọc H1 nộp tiền khắc phục thay cho Lê Hồng H1 liên quan vụ án hình sự xảy ra tại Ngân hàng TMCP V Chi nhánh Vĩnh Long số tiền 41.500.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Ngày 26/3/2019, bà Lê Thị Bảy nộp tiền khắc phục thay cho Đồng Công T2 liên quan vụ án hình sự xảy ra tại Ngân hàng TMCP V Chi nhánh Vĩnh Long số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

4. Ngày 11/4/2019 và ngày 13/6/2019, bị cáo Đặng Long Toàn nộp tiền khắc phục liên quan vụ án hình sự xảy ra tại Ngân hàng TMCP V Chi nhánh Vĩnh Long số tiền 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Ngày 11/6/2019, bị cáo Phan Hữu Trí nộp tiền khắc phục liên quan vụ án hình sự xảy ra tại Ngân hàng TMCP V Chi nhánh Vĩnh Long số tiền 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Ngày 17/5/2019, bị cáo Võ Thị Kim L6 nộp tiền khắc phục liên quan hồ sơ Nguyễn Thị Ngọc Q1 trong vụ án hình sự xảy ra tại Ngân hàng TMCP V Chi nhánh Vĩnh Long số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

7. Ngày 16 và 18/12/2020, ông Trần Minh Tân nộp số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục thay cho bị cáo Đỗ T7.

8. Ngày 31/12/2020, bà Phạm Trần Thu Thủy nộp số tiền 500.000.000 đồng để khắc phục thay cho bị cáo Phạm Thanh H3.

9. Ngày 13/04/2021, bà Lưu Thị Kim Chi nộp số tiền 40.000.000 đồng để khắc phục thay cho bị cáo Võ Thị Kim L6.

**Tổng cộng số tiền đã nộp là 1.108.983.700 đồng.**

**Về trách nhiệm dân sự:**

Đại diện người bị hại là Ngân hàng TMCP V chi nhánh tỉnh Vĩnh Long yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền gốc và tiền lãi của các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Bị cáo Đỗ Nhựt L4 - Hợp đồng tín dụng số 1508.1/2017/VL: tổng số

tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 276.779.782 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng)

2. Bị cáo Nguyễn Thanh B2 - Hợp đồng tín dụng số 85020171725: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 201.613.197 đồng (hai trăm lẻ một triệu sáu trăm mười ba ngàn một trăm chín mươi bảy đồng)

3. Bị cáo Nguyễn Thị H - Hợp đồng tín dụng số 85020172444: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 20/11/2019 là: 346.273.072 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm bảy mươi hai đồng)

4. Bị cáo Tăng Minh H6 - Hợp đồng tín dụng số 85020172568: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 353.153.069 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu một trăm năm mươi ba nghìn không trăm sáu mươi chín đồng)

5. Bị cáo Đặng Thị KO - Hợp đồng tín dụng số 85020172600: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 197.494.542 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng)

6. Bà Khưu Thủy T10 - Hợp đồng tín dụng số 85020172615: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 333.151.677 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng)

7. Bị cáo Lê Thị Bích N - Hợp đồng tín dụng số 85020172713: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 272.594.066 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu năm trăm chín mươi tư nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng)

8. Bị cáo Trần Văn S1 - Hợp đồng tín dụng số 85020172758: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 300.642.242 đồng (Ba trăm triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng)

9. Bị cáo Cao Thị Ánh V2 - Hợp đồng tín dụng số 85020172757: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 106.640.022 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn không trăm hai mươi hai đồng)

10. Bị cáo Nguyễn Anh M3 - Hợp đồng tín dụng số 85020180009: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 392.615.210 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm mười lăm nghìn hai trăm mười đồng)

11. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Q1 - Hợp đồng tín dụng số 85020180047: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 89.171.354 đồng (Tám mươi chín triệu một trăm bảy mươi một nghìn ba trăm năm mươi tư đồng)

12. Bà Nguyễn Thị Yến P3 - Hợp đồng tín dụng số 85020180040: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 146.581.891 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi một nghìn tám trăm chín mươi một đồng)



đồng)

13. Bị cáo Trần Trung Đ1 - Hợp đồng tín dụng số 85020180081: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 302.710.660 đồng (Ba trăm lẻ hai triệu bảy trăm mười nghìn sáu trăm sáu mươi đồng)

14. Bà Trần Thị Mạnh - Hợp đồng tín dụng số 85020180098: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 297.479.158 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn một trăm năm mươi tám đồng)

15. Bị cáo Trần Thị Phương T4 - Hợp đồng tín dụng số 85020180157: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 4.985.729 đồng (Bốn triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng)

16. Bị cáo Huỳnh Thị Cẩm T8 - Hợp đồng tín dụng số 85020180136: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 219.827.591 đồng (Hai trăm mười chín triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi một đồng)

17. Bị cáo Trương Thị Phương Thảo - Hợp đồng tín dụng số 85020180157: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 137.495.354 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi tư đồng)

18. Bị cáo Nguyễn Thị Đài T - Hợp đồng tín dụng số: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 284.956.402 đồng (Hai trăm tám mươi tư triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ hai đồng)

19. Bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 - Hợp đồng tín dụng số 85020180189: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 229.259.011 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi chín nghìn không trăm mười một đồng)

20. Bà Trần Thị Hồng Trinh - Hợp đồng tín dụng số 85120180369: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 304.309.319 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu ba trăm lẻ chín nghìn ba trăm mười chín đồng)

21. Bị cáo Nguyễn Thị K Trang - Hợp đồng tín dụng số 85120180379: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 289.578.636 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng)

22. Bà Trần Thị Hồng Thúy - Hợp đồng tín dụng số 85120180390: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 311.609.402 đồng (Ba trăm mười một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bốn trăm lẻ hai đồng)

23. Bà Thái Thị K Hoa - Hợp đồng tín dụng số 85120180405: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 24.315.995 đồng (Hai mươi tư triệu ba trăm mười lăm nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng)

24. Bà Trần Thị Hồng Thắm - Hợp đồng tín dụng số 85120180406: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 240.116.396 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm mười sáu nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng)

25. Bà Lâm Thị Thu H10 - Hợp đồng tín dụng HĐTD85020180154 : tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 349.095.077 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu không trăm chín mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng)

26. Bị cáo Nguyễn Trang Quốc Th3 - Hợp đồng tín dụng 966.1/2016/VL-HĐTD: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 115.297.365 đồng (một trăm mười lăm triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi lăm đồng).

27. Bị cáo Nguyễn Vũ B3 - Hợp đồng tín dụng 1042.1/2016/VL-HĐTD: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 115.216.923 đồng (Một trăm mười lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn chín trăm hai mươi ba đồng)

28. Ông Nguyễn Thanh Hậu - Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172273: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 267.059.186 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu không trăm năm mươi chín nghìn một trăm tám mươi sáu đồng)

29. Bà Nguyễn Phương Thảo - Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172371: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 291.763.129 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn một trăm hai mươi chín đồng)

30. Bà Phạm Hoàng Ngọc Quý - Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172606: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 236.165.962 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng)

31. Bị cáo Lê Hữu Lợi - Hợp đồng tín dụng HĐTD85020172501: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 211.330.464 đồng (Hai trăm mười một triệu ba trăm ba mươi nghìn bốn trăm sáu mươi tư đồng)

32. Ông Bùi Anh Đông - Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020171903: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 346.183.508 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm lẻ tám đồng)

33. Ông Huỳnh Hoài Tân - Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020171979: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 326.766.045 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng)

34. Bà Nguyễn Hồng Loan - Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020172381: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 271.850.763 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng)

35. Ông Lê Minh Cách - Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020172437: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 387.587.449 đồng (Ba trăm tám mươi bảy triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng)

36. Ông Trương Ngọc Trung - Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020172527: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 421.881.800 đồng (Bốn trăm hai mươi một triệu tám trăm tám mươi một nghìn tám trăm đồng)

37. Bà Đinh Thị P Liên - Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020172608: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 431.327.801 đồng (Bốn trăm ba mươi một triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm lẻ một đồng)

38. Bà Huỳnh Thị Thúy H - Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020172680: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 359.210.734 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm mười nghìn bảy trăm ba mươi tư đồng)

39. Ông Thượng Trung Miên - Hợp đồng tín dụng số HĐTD85020180085: tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 là: 444.344.242 đồng (Bốn trăm bốn mươi tư triệu ba trăm bốn mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng)

Tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả đến ngày 25/7/2021 của 39 hợp đồng là: 10.238.389.235 đồng (mười tỷ hai trăm ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng).

**Đối với 53 Hợp đồng tín dụng gồm:**

1. Hợp đồng số 824.1/2016/VL-HĐTD ngày 08/11/2016 tên Võ Thị Mai Lan
2. Hợp đồng số 941.1/2016/VL-HĐTD ngày 24/11/2016 tên Mai Phước Đức
3. Hợp đồng số HĐTD85020171696 ngày 27/4/2017 tên Bùi Thị Xuân

4. Hợp đồng số HĐTD85020172670 ngày 22/11/2017 tên Phạm Thành Luân
5. Hợp đồng số HĐTD85020172745 ngày 12/12/2017 tên Nguyễn Thị Trang Thủy
6. Hợp đồng số HĐTD85020170003 ngày 15/01/2018 tên Lê Thị Bích V2
7. Hợp đồng số HĐTD85020180048 ngày 17/01/2018 tên Dương Huỳnh Lê
8. Hợp đồng số HĐTD85020180143 ngày 06/02/2018 tên Đỗ Kim Thảo
9. Hợp đồng số HĐTD85020180163 ngày 01/3/2018 tên Phạm Thị Mỹ Dung
10. Hợp đồng số HĐTD85020182242 ngày 13/07/2017 tên Phạm Duy Luyến
11. Hợp đồng số 1420.1/2017/VL-HĐTD ngày 20/03/2017 của Nguyễn Thanh Thiện
12. Hợp đồng số HĐTD85020172081 ngày 26/6/2017 tên Trần Đăng Quang
13. Hợp đồng số HĐTD85020172318 ngày 08/8/2017 tên Trần Đăng Quang
14. Hợp đồng số HĐTD85020180095 ngày 26/01/2018 tên Cao Thanh Qui
15. Hợp đồng số HĐTD85020172140 ngày 29/6/2017 tên Trần Quang Huy Cường
16. Hợp đồng số HĐTD85020180094 ngày 30/01/2018 tên Nguyễn Thị Chúc
17. Hợp đồng số HĐTD85020172118 ngày 11/07/2017 tên Thái Đặng Trung
18. Hợp đồng số HĐTD85020172119 ngày 29/6/2017 tên Phan Thị Mỹ Phượng
19. Hợp đồng số HĐTD85020172164 ngày 06/7/2017 tên Huỳnh Xuân Hiệp
20. Hợp đồng số HĐTD85020170073 ngày 14/8/2017 tên Bùi Ngọc Huyền
21. Hợp đồng số HĐTD85020172436 ngày 14/9/2017 tên Trần Thị Tố Uyên
22. Hợp đồng số HĐTD85020172657 ngày 16/11/2017 tên Nguyễn Mạnh Tuấn
23. Hợp đồng số HĐTD85020172673 ngày 22/11/2017 tên Phan Đặng Kiều Hoa
24. Hợp đồng số HĐTD85020180080 ngày 23/01/2018 tên Nguyễn Đăng Trình

25. Hợp đồng số HĐTD85020180083 ngày 24/01/2018 tên Nguyễn Thị Ngọc Loan
26. Hợp đồng số HĐTD85020180155 ngày 08/02/2018 tên Nguyễn Thị Mộng Xuân
27. Hợp đồng số HĐTD85020180159 ngày 08/02/2018 tên Huỳnh Thanh Thảo
28. Hợp đồng số HĐTD85020180383 ngày 05/04/2018 tên Mai Thúy P
29. Hợp đồng số HĐTD85120180384 ngày 06/4/2018 tên Huỳnh Thị Thúy An
30. Hợp đồng số HĐTD85020172663 ngày 21/11/2017 tên Châu Văn Hữu
31. Hợp đồng số 876.1/2016/VL-HĐTD ngày 11/11/2016 tên Phùng Thị Hải Ly;
32. Hợp đồng số 877.1/2016/VL-HĐTD ngày 11/11/2016 tên Lê Hiếu Nhơn;
33. Hợp đồng số 907.1/2016/VL-HĐTD ngày 15/11/2016 tên Đoàn Duy Tùng;
34. Hợp đồng số 892.1/2016/VL-HĐTD ngày 15/11/2016 tên Lê Tấn Hiển;
35. Hợp đồng số 967.1/2016/VL-HĐTD ngày 23/11/2016 tên Nguyễn Bá Trung;
36. Hợp đồng số 965.1/2016/VL-HĐTD ngày 23/11/2016 tên Phạm Đỗ Khoa Trường;
37. Hợp đồng số 1059.1/2016/VL-HĐTD ngày 06/12/2016 tên Trần Thị Xuân Hương;
38. Hợp đồng số 1308.1/2017/VL-HĐTD ngày 27/02/2017 tên Nguyễn Thị Lý Anh;
39. Hợp đồng số 1476.1/2017/VL.HĐTD ngày 28/3/2017 tên Lê Hoàng Tuấn
40. Hợp đồng số 1477.1/2017/VL-HĐTD ngày 28/03/2017 tên Châu Thị Bích Thảo;
41. Hợp đồng số 1520.1/2017/VL-HĐTD ngày 31/03/2017 tên Trần Thúy Hằng;
42. Hợp đồng số HĐTD85020171534 ngày 19/4/2017 tên Lê Thị Ngọc Giàu;

- 43. Hợp đồng số HĐTD85020171737 ngày 08/5/2017 tên Trần Văn Sang;
- 44. Hợp đồng số HĐTD85020171752 ngày 10/5/2017 tên Lê Văn Tú;
- 45. Hợp đồng số HĐTD85020171776 ngày 12/5/2017 tên Nguyễn Hiếu Tình;
- 46. Hợp đồng số HĐTD85020172542 ngày 17/10/2017 tên Huỳnh Thanh Sang;
- 47. Hợp đồng số HĐTD85020172147 ngày 30/6/2017 tên Dương Thị Hồng Hạnh;
- 48. Hợp đồng số HĐTD85020172246 ngày 19/7/2017 tên Đỗ Công Anh Duy;
- 49. Hợp đồng số HĐTD85020172370 ngày 28/8/2017 tên Trần Bích Thủy;
- 50. Hợp đồng số HĐTD85020172382 ngày 25/8/2017 tên Nguyễn Chí Tâm;
- 51. Hợp đồng số HĐTD85020172066 ngày 21/6/2017 tên Nguyễn Hồng Thúy;
- 52. Hợp đồng số HĐTD85020172565 ngày 18/10/2017 tên Trần Thị Lộc;
- 53. Hợp đồng số HĐTD85020170185 ngày 19/10/2017 tên Nguyễn Công Thúc;

(01 hợp đồng TMCP V không tố giác, không yêu cầu xử lý)

Những cá nhân này có hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức để vay vốn ngân hàng LVB nhưng không nhằm mục đích chiếm đoạt, sau khi bị phát hiện sử dụng hồ sơ giả để vay đã thực hiện nộp tất nợ, tất gốc hợp đồng tín dụng, đang thực hiện đúng theo hợp đồng tín dụng, nhiều cá nhân có tài sản bảo đảm cho việc thực hiện đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết, không có yếu tố chiếm đoạt nên không phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung ngày 20/6/2017. Đối với hành vi "*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*", "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự, những người này làm giả giấy tờ, tài liệu để sử dụng nhằm mục đích vay ngân hàng trái quy định, điều kiện cấp tín dụng của Ngân hàng, không nhằm mục đích chiếm đoạt nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Hành vi trên của 53 cá nhân, Cơ quan Cảnh sát điều tra đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý bằng biện pháp hành chính.

Đối với ông Nguyễn Phong H5 là giáo viên Trường tiểu học Lý Thường Kiệt - thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; Nguyễn Vương T9 - giáo viên

Trường tiểu học Đồng Phú A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long lén lấy con dấu của nhà trường đóng dấu vào các tờ giấy A4 chưa qua sử dụng nhằm mục đích cung cấp cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy P làm hồ sơ giả vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần V chi nhánh Vĩnh Long để sử dụng nhưng bị từ chối. Các tờ giấy A4 còn thừa lại bị cáo P tiếp tục sử dụng làm hồ sơ giả cho các bị cáo khác vay. Ông H5 và ông T9 không biết việc làm này của bị cáo P nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm với vai trò đồng phạm. Đối với ông Nguyễn Chí Tâm, cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Vĩnh Long đã thông báo truy tìm đối tượng số 353/TB-CSKT ngày 18/05/2021. (BL 2296)

Bà Khuru Thủy T10 và bà Lâm Thị Thu H10 đã chết, căn cứ khoản 7 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không khởi tố bị cáo để xử lý đối với bà Khuru Thủy T10 và bà Lâm Thị Thu H10.

Đối với bị can Đỗ Viết Trương, hiện nay đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Long Quyết định truy nã số 02/QĐ-CSKT ngày 24/5/2021, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can số 01/QĐ-CSKT và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 03/QĐ-CSKT cùng ngày 03/5/2021, khi nào bắt được bị can sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKS-P1 ngày 29/07/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố để xét xử đối với bị cáo **Nguyễn Thị Thúy P** về các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*"; "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b,c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị can **Cao Thị Ánh V2** về các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" và "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo **Cao Thị Ánh V2, Nguyễn Thị H và Trần Thị Phương T4** về các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" và "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo **Nguyễn Văn T1** về các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo **Đồng Công T2 và Lê Hồng H1** về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo **Lê Thị Bích N, Nguyễn Anh M3, Trần Trung Đ1, Nguyễn Thị Đài T, Trịnh Thị Minh Tr, Nguyễn Hoàng Minh T3, Trần Thị Khánh Ng và Ngô Đài P2** về các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" và "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo **Tăng Minh H6, Đặng Thị KO, Đỗ Nhựt L4, Nguyễn Thanh B2 và Nguyễn Thị Yến P3, Lê Hữu H2 và Trần Ngọc K** về các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo **Đặng Long Toàn** về các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Làm giả tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo **Huỳnh Thị Cẩm T8** về các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" và "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo **Trần Văn S1, Nguyễn Thị Ngọc Q1 và Trương Thị Thanh Thảo, Lê Hữu Lợi, Nguyễn Thị Ngọc P1** về các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo **Trương Thụy Thu H9, Nguyễn Trang Quốc Th3 và Nguyễn Vũ B3** về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự .

Truy tố bị cáo **Phan Hữu Trí** về tội "*Giả mạo trong công tác*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo **Nguyễn Quang Huy** về tội "*Không tố giác tội phạm*" quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo **Phạm Thanh H3, Đỗ T7 và Võ Thị Kim L6** về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*" quy định tại khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Truy tố các bị cáo **Nguyễn Ngọc K3, Đồng Công T2, Nguyễn Hùng V4, Nguyễn Thành L4** về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật Hình sự.



Truy tố các bị cáo **Phạm Thanh A, Nguyễn Anh M3, Nguyễn Tuấn H7, Bùi Văn Tr, Huỳnh Thị Kiều H8** về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự.

Vào ngày 29/7/2021 bị can Cao Thị Ánh V2 chết do bị bệnh hiểm nghèo, vào ngày 20/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số: 01/QĐ.VKS-P1 quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can: **Cao Thị Ánh V2**, sinh năm 1977 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: Số 19/2, ấp Long Thuận B, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**Tại Bản án hình sơ sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 10/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:**

**1. Tuyên bố bị cáo các bị cáo** Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H, Trần Thị Phương T4, Lê Thị Bích N, Nguyễn Anh M3, Nguyễn Thị Đài T, Nguyễn Hoàng Minh T3, Ngô Đài P2 đều phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”

Tuyên bố các bị cáo Lê Hữu H2, Trần Ngọc K và Nguyễn Thị Ngọc P1 phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng H1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Tuyên bố bị cáo Đồng Công T2 phạm tội các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”

Tuyên bố bị cáo phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”.

Tuyên bố bị cáo phạm tội “*Không tố giác tội phạm*”.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh H3 phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

## **2. Về hình phạt:**

**2.1** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b,c khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thúy P 12 (mười hai) năm tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **05 (năm) năm tù** về tội “*Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

*Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy P phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **17 (mười bảy) năm tù***

*Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/6/2018, đến ngày 22/10/2019.*

*Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự*

*Cấm bị cáo Nguyễn Thị Thúy P làm công việc liên quan đến quản lý các con dấu 03 (ba) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.*

*2.2 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự*

*Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H 07 (bảy) năm tù**, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **02 (hai) năm tù**, về tội "Làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" .*

*Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **09 (chín) năm tù***

*Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 29/6/2018, đến ngày 22/10/2019..*

*2.3 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự*

*Xử phạt bị cáo **Trần Thị Phương T4 07 (bảy) năm tù**, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **01 (một) năm tù**, về tội "Làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" .*

*Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thị Phương T4 phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **08 (tám) năm tù**.*

*Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt.*

*2.4 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.*

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1 07 (bảy) năm tù**, về "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **02(hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chấp hành chung cho cả 2 tội là: **09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 20/9/2019 đến ngày 08/11/2019.

Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự

Cấm bị cáo Nguyễn Văn T1 làm công việc liên quan đến quản lý các con dấu 03 (ba) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

**2.5** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đồng Công T2 09 (chín) năm tù**, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đồng Công T2 01 (một) năm tù**, về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự

Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo Đồng Công T2 phải chấp hành chung là: **10 (mười) năm tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 28/02/2019 đến ngày 21/6/2019.

Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự

Cấm bị cáo Đồng Công T2 làm công việc liên quan đến hoạt động tín dụng 03 (ba) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

**2.6** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Hồng H1 03 (ba) năm tù**, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

*Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 01/3/2019 đến ngày 26/6/2019.*

*2.7 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.*

*Xử phạt bị cáo **Lê Thị Bích N 02 (hai) năm tù**, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **06 (sáu) tháng tù**, về tội "Làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan".*

*Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thị Bích N phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**.*

*Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt.*

*2.8 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.*

*Xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh M3 02 (hai) năm tù**, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **06 (sáu) tháng tù** về tội "Làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

*Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Anh M3 phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**.*

*Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt.*

*2.9 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.*

*Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Đài T 02 (hai) năm tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **06 (sáu) tháng tù** về tội "Làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

*Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Đài T phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**.*

*Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án này.*

**2.10** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng Minh T3 02 (hai) năm tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **06 (sáu) tháng tù** về tội "Làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án này.

**2.11** Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Ngô Đài P2 01 (một) năm tù**, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **06 (sáu) tháng tù**, về tội "Làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Ngô Đài P2 phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt.

**2.12** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm a khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Hữu H2 02 (hai) năm tù**, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **06 (sáu) tháng tù**, về tội, "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Lê Hữu H2** phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt.

**2.13** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm a khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc K 02 (hai) năm tù**, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **06 (sáu) tháng tù**, về tội, "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

*Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Ngọc K phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.***

*Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt.*

***2.14** Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.*

*Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc P1 01 (một) năm tù**, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **06 (sáu) tháng tù**, về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

*Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P1 phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **01(một) năm 06 (sáu) tháng tù.***

*Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt.*

***2.15** Áp dụng khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017, NQ số 41/2014/QH14 của Quốc hội.*

*Xử phạt bị cáo **Phạm Thanh H3 03 (ba) năm tù**, về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*

*Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hay từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 05/12/2020 đến ngày 26/4/2021.*

*Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 4 Điều 360 của Bộ luật Hình sự.*

*Cấm bị cáo Phạm Thanh H3 làm công việc liên quan đến hoạt động tín dụng 03 (ba) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.*

### **3. Về bồi thường thiệt hại:**

*Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, khoản 2 Điều 288, khoản 1 Điều 584, khoản 1, khoản 4 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự.*

*Buộc các bị cáo liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP VI cụ thể như sau:*

***3.1** Buộc 03 bị cáo: **Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V VI số tiền **196.613.824đ** (một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn tám trăm hai mươi bốn*

đồng); trong đó bị cáo H phải hoàn trả 146.313.824đ, bị cáo P phải hoàn trả 50.000.000đ; bị cáo T2 phải hoàn trả 10.000.000đ. (phần bị cáo T2 đã nộp xong)

**3.2 Buộc 02 bị cáo: Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần bằng nhau để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **181.609.799 đồng** (một trăm tám mươi một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng); Trong đó mỗi bị cáo phải hoàn trả 90.804.900đ

**3.3 Buộc 03 bị cáo: Đặng Thị KO, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **62.222.486 đồng** (sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng); trong đó bị cáo Oanh hoàn trả 12.222.486đ, bị cáo P hoàn trả 50.000.000đ, bị cáo T2 hoàn trả 10.000.000đ (phần của bị cáo T2 đã nộp xong)

**3.4 Buộc 02 bị cáo: Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần bằng nhau để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **210.759.849đ** (hai trăm mười triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng); trong đó mỗi bị cáo phải hoàn trả 105.379.924đ

**3.5 Buộc 04 bị cáo: Lê Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Lê Hồng H1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **140.604.824đ** (một trăm bốn mươi triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng); trong đó bị cáo N hoàn trả 102.604.824đ, bị cáo P hoàn trả 38.000.000đ, bị cáo T2 hoàn trả 10.000.000đ, bị cáo H1 phải trả 10.000.000đ (phần của bị cáo T2 và H1 đã nộp xong)

**3.6 Buộc 03 bị cáo: Trần Văn S1, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **38.257.691đ** (ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi một đồng); trong đó bị cáo S1 hoàn trả 17.757.691đ; bị cáo P hoàn trả 20.500.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 5.000.000đ (phần của bị cáo T2 đã nộp xong)

**3.7 Buộc 04 bị cáo: Tăng Minh H6, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Trần Thị Phương T4** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **210.759.824đ** (hai trăm mười triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng); trong đó bị cáo H6 hoàn trả 110.759.824đ; bị cáo P hoàn trả 100.000.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 10.000.000đ (phần của bị cáo T2 đã nộp xong)

**3.8 Buộc 03 bị cáo: Nguyễn Anh M3, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **225.105.318đ** (hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm lẻ năm nghìn ba trăm mười tám đồng); trong đó bị cáo M3 hoàn trả 206.105.318đ ; bị cáo P hoàn trả 19.000.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 10.000.000đ (phần của bị cáo T2 đã nộp xong)

**3.9 Buộc 05 bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc Q1, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Lê Hồng H1, Trần Thị Phương T4** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **9.448.829đ** (chín triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi chín đồng); (phần của bị cáo T2, H1, P và T4 đã nộp xong)

**3.10 Buộc 04 bị cáo: Trần Trung Đ1, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Đặng Long Toàn** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền **40.597.799đ** (bốn mươi triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng); trong đó bị cáo Đây hoàn trả 10.597.799đ; bị cáo P hoàn trả 30.000.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 10.000.000đ; bị cáo Toàn hoàn trả 14.500.000đ (phần của bị cáo T2, bị cáo Toàn đã nộp xong)

**3.11 Buộc 03 bị cáo: Trịnh Thị Minh Tr, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **159.044.824đ** (một trăm năm mươi chín triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng); trong đó bị cáo Trịnh Thị Minh Tr hoàn trả 89.044.824đ; bị cáo P hoàn trả 70.000.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 12.000.000đ (phần của bị cáo T2 đã nộp xong)

**3.12 Buộc 04 bị cáo: Huỳnh Thị Cẩm T8, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Lê Hồng H1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **80.449.849đ** (tám mươi triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng); trong đó bị cáo T8 hoàn trả 64.449.849đ; bị cáo P hoàn trả 16.000.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 12.000.000đ ; bị cáo H1 hoàn trả 7.500.000đ (phần của bị cáo T2, bị cáo H1 đã nộp xong)

**3.13 Buộc 04 bị cáo: Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Lê Hồng H1, Trần Thị Phương T4** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **219.319.824đ** (hai trăm mười chín triệu ba trăm mười chín nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng) ; trong đó bị cáo P hoàn trả 119.319.824đ, bị cáo H1 nộp 110.000.000đ bị cáo T2 hoàn trả 15.000.000đ (phần của bị cáo T2, bị cáo T4 đã nộp xong)

**3.14 Buộc 03 bị cáo: Nguyễn Hoàng Minh T3, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **80.689.816đ** (tám mươi triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn tám trăm mười sáu đồng) (phần của bị cáo T2, bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 đã nộp xong).

**3.15 Buộc 02 bị cáo: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thúy P** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **192.269.849đ** (một trăm chín mươi hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng); (phần của bị cáo P đã nộp xong)



**3.16** Buộc 02 bị cáo: **Nguyễn Hoàng Minh T3, Nguyễn Thị Thúy P** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V VI số tiền **171.099.841đ** (một trăm bảy mươi một triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi một đồng); Trong đó bị cáo P phải hoàn trả 150.000.000đ, bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 hoàn trả 21.099.841đ.

**3.17** Buộc bị cáo **Nguyễn Thị Thúy P** hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V VI số tiền **196.609.849đ** (một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm lẻ chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng);

**3.18** Buộc 03 bị cáo: **Ngô Đài P2, Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V VI số tiền **80.501.000đ** (tám mươi triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng); (Phần của bị cáo H và bị cáo P đã nộp xong).

**3.19** Buộc 02 bị cáo: **Đỗ Nhựt L4 và Nguyễn Văn T1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V VI số tiền **32.666.288đ** (ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) ; (Phần của bị cáo L4 đã nộp xong)

**3.20** Buộc 02 bị cáo: **Nguyễn Thanh B2 và Nguyễn Văn T1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V VI số tiền **68.968.881đ** (sáu mươi tám triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm tám mươi một đồng); (Phần của bị cáo Bằng đã nộp xong).

**3.21** Buộc 02 bị cáo: **Nguyễn Thị Yến P3 và Nguyễn Văn T1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V VI số tiền **13.903.899đ** (mười ba triệu chín trăm lẻ ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng); (Phần của bị cáo P3 đã nộp xong).

**3.22** Buộc bị cáo **Lê Hữu H2** hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V VI số tiền **139.599.824đ** (một trăm ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng).

**3.23** Buộc bị cáo **Trần Ngọc K** hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V VI số tiền **194.924.899đ** (một trăm chín mươi bốn triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

**3.24** Buộc bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc P1** hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V VI số tiền **147.104.849đ** (một trăm bốn mươi bảy triệu một trăm lẻ bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo Trần Trung Đ1, Trịnh Thị Minh Tr, Trần Thị Khánh Ng, Huỳnh Thị Cẩm T8, Tăng Minh H6, Đặng Thị KO, Đỗ Nhựt L4, Nguyễn Thanh B2, Nguyễn Thị Yến P3, Trần Văn S1, Nguyễn Thị Ngọc Q1, Trương Thị Thanh Thảo, Lê Hữu Lợi, Đặng Long Toàn, Trương Thụy

Thu H9, Nguyễn Trang Quốc Th3 và Nguyễn Vũ B3, Phan Hữu Trí, Nguyễn Quang Huy, Đỗ T7, Võ Thị Kim L6, Nguyễn Ngọc K3, Nguyễn Hùng V4, Nguyễn Thành L4, Phạm Thanh A, Nguyễn Anh M3, Nguyễn Tuấn H7, Bùi Văn Tr và Huỳnh Thị Kiều H8, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2022, bị cáo Lê Hữu H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 20/6/2022, bị cáo Phạm Thanh H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/6/2022, bị cáo Ngô Đài P2 và Trần Ngọc K cùng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; bị cáo Trần Thị Phương T4 kháng cáo yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo và trả lại số tiền bị cáo nộp còn thừa là 39.000.000 đồng; bị cáo Lê Thị Bích N và bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Thị Đài T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/6/2022, các bị cáo Lê Hồng H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; bị cáo Đồng Công T2 xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại phần trách nhiệm dân sự.

Ngày 24/6/2022, bị cáo Nguyễn Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại trách nhiệm dân sự; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 25/6/2022, bị cáo Nguyễn Thị H xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/6/2022, bị cáo Nguyễn Thị Thúy P kháng cáo xin xem xét lại tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và mức bồi thường của bị cáo, xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Ngày 25/7/2022, bị cáo Nguyễn Anh M3 có đơn kháng cáo quá hạn xin được hưởng án treo.

Ngày 24/4/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 04/2023/HSPT-QĐ về việc giải quyết kháng cáo quá hạn không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bị cáo Nguyễn Anh M3.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ngọc P1, Nguyễn Thị Đài T, Lê Thị Bích N, Nguyễn Văn T1, Đồng Công T2, Nguyễn Hoàng Minh T3, Trần Ngọc K, Lê Hồng H1, Ngô Đài P2, Lê Hữu H2, Phạm Thanh H3 thừa nhận hành vi phạm tội như bản sơ thẩm đã quy kết. Riêng bị cáo

Trần Thị Phương T4 thừa nhận hành vi phạm tội nhưng cho rằng bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 01 hồ sơ vay do bị cáo đứng tên với số tiền vay 150.000.000 đồng.

**Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P trình bày:** Theo đơn kháng cáo bị cáo kêu oan về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là do không hiểu rõ quy định của pháp luật. Nay được Hội đồng xét xử giải thích, bị cáo xác định không kháng cáo kêu oan, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do gia đình bị cáo có thân nhân là người có công với cách mạng. Ngoài ra, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại phần trách nhiệm bồi thường của bị cáo, vì bị cáo chỉ trực tiếp vay 200.000.000 đồng, bị cáo không có nhận tiền từ ngân hàng đối với các hồ sơ khác.

**Bị cáo Nguyễn Văn T1 trình bày:** Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã khắc phục được thêm 46.000.000 đồng. Bị cáo có ông nội là liệt sĩ, gia đình thuộc diện thờ cúng liệt sĩ, có xác nhận của địa phương, nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần trách nhiệm dân sự, vì trong số tiền chiếm đoạt, bị cáo chỉ còn phải liên đới bồi thường số tiền 46.016.000 đồng.

**Bị cáo Đồng Công T2 trình bày:** Về trách nhiệm hình sự, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, gia đình bị cáo có công với cách mạng, cha mẹ bị cáo hiện đang thờ cúng liệt sĩ. Về phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại, bị cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại một phần quyết định của bản án sơ thẩm về số tiền bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường đối với hồ sơ của Cao Thị Ánh V2 và Khuru Thủy T10. Bị cáo yêu cầu chỉ phải liên đới bồi thường đối với số tiền bị cáo hưởng lợi trong số tiền vay của V2 và T10. Các phần trách nhiệm dân sự khác bị cáo không kháng cáo.

**Bị cáo Nguyễn Thị H trình bày:** Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo khó khăn, nhưng bị cáo vẫn cố gắng khắc phục một phần hậu quả.

**Bị cáo Trần Thị Phương T4 trình bày:** Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo chịu trách nhiệm đối với 04 hồ sơ vay tổng số tiền 800.000.000 đồng, từ đó định khung hình phạt theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là không đúng. Vì bị cáo chỉ trực tiếp đứng tên vay 150.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của bị cáo P, của Cao Thị Ánh V2 và Lâm Thị Thu H10 để quy kết bị cáo đồng phạm 3 hồ sơ trong 4 hồ sơ nêu trên là không khách quan. Đối với hồ sơ của Nguyễn Thị Ngọc Q1 và Tăng Minh H6 thì bị cáo không liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bị cáo liên đới bồi thường đối với 02 hồ sơ này là

không có căn cứ. Ngoài ra, bị cáo đã khắc phục dư 39.000.000 đồng nhưng chưa được trả lại. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về phần hình sự và dân sự liên quan đến bị cáo. Trong trường hợp không hủy án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã tự thú và vận động các bị cáo Huỳnh Thị Cẩm T8, Nguyễn Anh M3 ra tự thú, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời tuyên trả lại cho bị cáo số tiền 39.000.000 đồng bị cáo đã nộp dư.

**Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P1 trình bày:** Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã khắc phục thêm 30.000.000 đồng cho ngân hàng. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

**Bị cáo Lê Hồng H1 trình bày:** Bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng.

**Bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 trình bày:** Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện khắc phục thêm 10.000.000 đồng cho ngân hàng là đã khắc phục gần hết thiệt hại cho ngân hàng do bị cáo gây ra cho ngân hàng. Hiện nay, mẹ bị cáo đã chết, bị cáo không có chồng, hoàn cảnh khó khăn, một mình nuôi con nhỏ 7 tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

**Bị cáo Ngô Đài P2 trình bày:** Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như đầu thú, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án, được cơ quan điều tra xác nhận; bị cáo một mình nuôi 02 con nhỏ đang đi học, trong đó có 01 con gái bị bệnh nặng. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục khắc phục thêm 20.000.000 đồng cho ngân hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

**Bị cáo Trần Ngọc K trình bày:** Bị cáo đã khắc phục hậu quả, bị hại cũng có lỗi trong quá trình cho vay; Số tiền vay do Trương và Tâm sử dụng chứ bị cáo không hưởng lợi gì; Bị cáo hiện là lao động chính nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

**Bị cáo Lê Hữu H2 trình bày:** Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với lý do bị cáo đã khắc phục hết toàn bộ thiệt hại theo quyết định của bản án sơ thẩm; cha bị cáo có công với cách mạng, được tặng thưởng

huân huy chương; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao lao động chính trong gia đình.

**Bị cáo Nguyễn Thị Đài T trình bày:** Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã chủ động ra đầu thú, thành khẩn khai báo và khắc phục hậu quả. Hiện bị cáo đã lớn tuổi, sức khỏe yếu, nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**Bị cáo Lê Thị Bích N trình bày:** Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo do sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả thêm 20.000.000 đồng; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo là lao động chính, đang nuôi mẹ già bị bệnh và con nhỏ trong độ tuổi đi học.

**Bị cáo Phạm Thanh H3 trình bày:** Bị cáo nhận trách nhiệm khi để xảy ra vụ việc. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo; tự nguyện khắc phục 500.000.000 đồng và vận động nhiều bị cáo khác khắc phục thiệt hại. Thân nhân của bị cáo có công với cách mạng, bị cáo hợp tác tích cực với cơ quan có thẩm quyền trong việc làm sáng tỏ vụ án. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy P - Luật sư Đoàn Trọng Ng trình bày:** Về tội danh, thống nhất với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo. Về hình phạt, ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo P còn có tình tiết giảm nhẹ khác là tích cực hợp tác với cơ quan điều tra giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng và bị cáo thân nhân là người có công với cách mạng, quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo P. Về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 - Luật sư Đoàn Trọng Ng trình bày:** Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo T1 nộp bổ sung 46.000.000 đồng; bị cáo có ông nội là liệt sĩ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại cho bị cáo về phần trách nhiệm dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

**Người bào chữa cho bị cáo Đồng Công T2 - Luật sư Nguyễn Văn T6 trình bày:** Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc vì bị cáo T2 chỉ giữ vai trò là đồng phạm giúp sức, bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả. Đối với kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị cáo là

có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H- Luật sư Nguyễn Văn T6 trình bày:** Thống nhất về tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo. Về hình phạt, bị cáo H chỉ là đồng phạm giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Phương T4 - Luật sư Phan Văn H8 trình bày:** Kết luận điều tra và cáo trạng không chứng minh được bị cáo T4 có liên quan và hưởng lợi trong các hồ sơ của Cao Thị Ánh V2, Lâm Thị Thu H10 và Trần Trung Đ1. Chứng cứ buộc tội của 3 hồ sơ này là chỉ lời khai của V2, H10, H1, P, không có chứng cứ trực tiếp nào khác và lời khai của Cao Thị Ánh V2 cũng không khách quan vì giữa V2 với bị cáo T4 có mâu thuẫn từ trước. Mặt khác, các hồ sơ vay này đều diễn ra trước khi bị cáo trực tiếp vay nhưng khi làm hồ sơ để vay thì bị cáo lại phải chịu 20% phí giới thiệu, nếu bị cáo là đồng phạm giúp sức trong các hồ sơ trước thì không cần phải mất chi phí này. Do đó, có cơ sở xác định bị cáo chịu trách nhiệm đối với hồ sơ do bị cáo vay với số tiền 150.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác để quy kết bị cáo liên quan đến 04 hồ sơ với tổng số tiền là 800.000.000 đồng, từ đó định khung hình phạt của bị cáo tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là chưa đủ căn cứ. Ngoài ra, bị cáo không liên quan gì đến hồ sơ vay của Nguyễn Thị Ngọc Q1 và Tăng Minh H6 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường đối với 02 hồ sơ này là không phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về phần hình sự và dân sự liên quan đến bị cáo.

Trường hợp Hội đồng xét xử không hủy án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo đã chủ động ra tự thú và vận động các bị cáo Huỳnh Thị Cẩm T8, Nguyễn Anh M3 ra tự thú; bị cáo hợp tác với cơ quan điều tra giúp nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; cha bị cáo được nhà nước tặng thưởng bằng khen, được quy định tại điểm r, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P1 - Luật sư Phan Văn H8 trình bày:** Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo P1 đã nộp bổ sung 20.000.000 đồng. Hiện bị cáo có con nhỏ sinh năm 2022, gia đình khó khăn nhưng vẫn tích cực khắc phục thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết này để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

**Người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng H1 - Luật sư Nguyễn Thị Thùy C2 trình bày:** Bị cáo H1 phạm tội với tính chất giản đơn, là đồng phạm giúp sức có vai trò không đáng kể, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tích cực khắc phục hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 - Luật sư Phan Văn H8 trình bày:** Bị cáo Trang đã khắc phục gần hết thiệt hại; hiện mẹ bị cáo đã chết, bị cáo là người duy nhất nuôi con 7 tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

**Người bào chữa cho bị cáo Ngô Đài P2 - Luật sư Trương Ngọc S trình bày:** Ngoài các tình tiết Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo P2 còn có tình tiết giảm nhẹ khác như tự thú (có biên bản tiếp nhận người ra tự thú), tích cực hợp tác với cơ quan điều tra (được cơ quan điều tra xác nhận), bị cáo đang nuôi con nhỏ và con của bị cáo cũng bị bệnh, quy định tại các điểm r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn khắc phục thêm 20.000.000 đồng sau khi xét xử sơ thẩm. Như vậy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tích cực khắc phục gần hết thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

**Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc K - Luật sư Phan Văn H8 trình bày:** Bị cáo K thành khẩn khai báo, tích cực khắc phục hậu quả mặc dù tiền chiếm đoạt do Tâm và Trương sử dụng chứ bị cáo không hưởng lợi; bị cáo có nhân thân tốt, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện nuôi dạy con nhỏ.

**Người bào chữa cho bị cáo Lê Hữu H2 - Luật sư Phan Văn H8 trình bày:** Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo Lê Hữu H2 đã khắc phục toàn bộ thiệt hại. Hiện nay, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, cha bị cáo được tặng thưởng huân huy chương là các tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Đài T - Luật sư Đặng Thị Bạch L5 trình bày:** Bị cáo Trang giữ vai trò giúp sức không đáng kể, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả, tuổi cao, sức khỏe yếu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Bích N - Luật sư Phan Văn H8 trình bày:** Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường bổ sung 20.000.000 đồng. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính đang nuôi mẹ già bị bệnh, nuôi con nhỏ đang đi học, nếu bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì sẽ gây khó khăn cho gia đình bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

**Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh H3 - Luật sư Đào Thanh L4 trình bày:** Ngoài các tình tiết giảm nhẹ Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo Hải còn có các tình tiết giảm nhẹ như tự thú, hợp tác tích cực với cơ quan thẩm quyền trong việc giải quyết vụ án; vận động một số bị cáo khác tiếp tục khắc phục hậu quả; cha mẹ bị cáo có công với cách mạng (Cha bị cáo là cơ sở cách mạng), có giấy xác nhận của Công an tỉnh Hậu Giang, đã nộp cho cơ quan điều tra, quy định tại các điểm r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

**Ông Lê Điền K2 trình bày:** Về phân trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, trong đó bị cáo Hiếu, N, P2, P1 xuất trình thêm 1 số tình tiết mới, đã khắc phục gần hết thiệt hại (trong đó bị cáo Hiếu đã khắc phục hết) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho các bị cáo này.

Đối với bị cáo T1, bị cáo có nộp bổ sung 46.000.000 đồng nhưng xét thấy mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là nhẹ so với vai trò của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với bị cáo T4, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt là 800.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với lời khai của bị cáo T4 và các bị cáo liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo liên đới bồi thường đối với hồ sơ của Nguyễn Thị Ngọc Q1 và Tăng Minh H6 là nhầm lẫn nên cần chấp nhận một phần kháng cáo này của bị cáo.



Đối với các bị cáo khác có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu H2, Ngô Đài P2, Nguyễn Thị Ngọc P1, Lê Thị Bích N và Trần Thị Phương T4, sửa một phần án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Hiếu, N, P2, P1, không buộc bị cáo Trần Thị Phương T4 liên đới bồi thường đối với khoản vay của Nguyễn Thị Ngọc Q1 và Tăng Minh H6. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm, đề nghị giữ nguyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo cơ bản đã phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, của đại diện bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, của người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các chứng cứ khác đã được thu thập và thẩm tra tại phiên tòa; do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận như sau:

[2.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần V Chi nhánh Vĩnh Long (gọi tắt là Ngân hàng VB), thực hiện chức năng chung là cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính với nghiệp vụ cơ bản là nhận tiền gửi, cho vay và cung ứng các dịch vụ thanh toán. Ngoài ra, còn cung cấp nhiều dịch vụ khác nhằm thoả mãn tối đa nhu cầu về sản phẩm dịch vụ của xã hội; trong đó có sản phẩm cho vay tiêu dùng không tài sản đảm bảo dành cho cán bộ, công chức, viên chức.

Từ năm 2016, Ngân hàng V áp dụng sản phẩm cho vay tiêu dùng không tài sản bảo đảm ưu T10 dành cho đối tượng thụ hưởng cán bộ, công chức, viên chức đã tạo điều kiện cho các đối tượng này phát triển về kinh tế, ổn định cuộc sống gia đình. Do thủ tục vay tương đối đơn giản và việc kiểm tra, xác minh thiếu chặt chẽ, không thực hiện đúng quy trình cho vay của một số cán bộ ngân hàng, nhằm chạy theo chỉ tiêu của cấp trên giao, nên các bị cáo không đủ điều kiện được vay đã bàn bạc với nhau làm hồ sơ giả đối tượng được vay sản phẩm này rồi chiếm đoạt tài sản của ngân hàng để trả nợ vay và tiêu xài cá nhân.

Lợi dụng thủ tục vay đơn giản, nhiều chuyên viên khách hàng làm việc ở bộ phận kiểm tra thẩm định hồ sơ xin vay không thực hiện đúng quy trình, quy định cho vay tiêu dùng không tài sản đảm bảo; Lãnh đạo Ngân hàng V, không kiểm tra kỹ hồ sơ trước khi ký duyệt cho vay, tin tưởng vào cán bộ thuộc quyền được giao nhiệm vụ kiểm tra, thẩm định hồ sơ xin vay của khách hàng. Trong đó có bị cáo biết được những sơ hở này đã bàn bạc với bị cáo là chuyên viên khách hàng của Ngân hàng V. Bị cáo này sẽ làm hồ sơ cho các bị cáo không thuộc đối tượng được vay, đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức nhưng không đủ điều kiện vay gói tín dụng này, rồi đưa cho bị cáo là chuyên viên khách hàng của Ngân hàng để kiểm tra hồ sơ đủ thủ tục xin vay hay không, Chuyên viên nào thẩm tra, thẩm định hồ sơ xin vay, rồi thông báo cho bị cáo làm hồ sơ giả biết; khi hồ sơ được giải ngân sẽ chia hoa hồng cho bị cáo là chuyên viên khách hàng của Ngân hàng và được thống nhất. Tổng số 39 hồ sơ tín dụng giả Ngân hàng V đã giải ngân là 8.110.000.000 đồng. Cụ thể:

[2.1.1] Bị cáo **Nguyễn Thị Thúy P** giữ vai trò chính: Bị cáo có học vấn khá cao, là giáo viên và có thời gian làm cộng tác viên cho ngân hàng nên đã biết được những sơ hở của nhiều chuyên viên khách hàng làm việc ở bộ phận kiểm tra thẩm định hồ sơ xin vay, do chạy theo chỉ tiêu thành tích nên không thực hiện đúng quy trình, quy định cho vay tiêu dùng không tài sản đảm bảo. Đối với Lãnh đạo Ngân hàng V thì tin tưởng vào cán bộ thuộc quyền được giao nhiệm vụ kiểm tra, thẩm định hồ sơ xin vay của khách hàng, không kiểm tra kỹ hồ sơ trước khi ký duyệt cho vay. Từ đó, bị cáo P đã nhờ các giáo viên ở các trường học đóng dấu không của trường trên các tờ giấy A4 chưa qua sử dụng, thuê đối tượng tên Jerry trên mạng xã hội khắc dấu mang tên Trường Mầm non 9 thành phố Vĩnh Long, Trường trung học cơ sở Tân Mỹ, Trường trung học cơ sở Bình Ninh để làm 22 bộ hồ sơ giả cho bản thân bị cáo và các bị cáo khác, dùng hồ sơ này ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V. Bị cáo P còn được sự giúp sức của các bị cáo **Đồng Công T2** (là chuyên viên khách hàng của Ngân hàng V), **Cao Thị Ánh V2**, **Lê Hồng H1**, **Đặng Long Toàn**, **Trần Thị Phương T4** và đã chiếm đoạt của Ngân hàng V số tiền 4.360.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng). Khi làm hồ sơ giả cho các bị cáo khác vay tiền, bị cáo P thu của các bị cáo khác một khoản tiền công làm hồ sơ và buộc các bị cáo khác chia vay với bị cáo P khi được Ngân hàng giải ngân. Sau khi vay tiền, bị cáo P và các bị cáo khác chỉ trả cho Ngân hàng được một phần nhỏ của khoản nợ, phần còn lại phần các bị cáo không trả nợ cho Ngân hàng.

[2.1.2] Bị cáo **Đồng Công T2** là nhân viên (chuyên viên) bộ phận khách hàng của Ngân hàng V. Có thời gian bị cáo T2 còn được Lãnh đạo ngân hàng ủy quyền giao quyền được ký thay Trưởng phòng khách hàng. Lẽ ra với vai trò của

mình, bị cáo phải làm hết trách nhiệm nhằm bảo đảm cho việc hoạt động tín dụng của đơn vị được thuận lợi và đúng quy định. Nhưng bị cáo lại làm theo yêu cầu sai trái của bị cáo Thúy P để được hưởng một phần tiền theo tỷ lệ với số tiền hợp đồng tín dụng được giải ngân. Bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm với bị cáo P và các bị cáo khác, thực hiện 17 hợp đồng tín dụng chiếm đoạt số tiền 3.620.000.000 đồng; bị cáo được hưởng 175.350.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn có hành vi thiếu trách nhiệm đối với 05 hồ sơ tín dụng gây thiệt hại cho Ngân hàng V với tổng số tiền 970.000.000 đồng.

[2.1.3] Bị cáo **Nguyễn Thị H**: Bị cáo cùng đồng phạm với bị cáo P và các bị cáo của 03 hồ sơ vay giả với tổng số tiền 650.000.000 đồng.

[2.1.4] Bị cáo **Trần Thị Phương T4**: Bị cáo cùng đồng phạm với bị cáo P và các bị cáo của 04 hồ sơ vay giả với tổng số tiền 800.000.000 đồng;

[2.1.5] Bị cáo **Nguyễn Văn T1**: Bị cáo đã lợi dụng vào việc đang công tác trong ngành kiểm sát, được lãnh đạo giao quản lý con dấu của cơ quan trong lúc trực, bị cáo đã sử dụng con dấu này để làm các giấy tờ giả cho những người quen là công chức, viên chức, giúp cho Đỗ Nhật L4, Nguyễn Thanh B2 và Nguyễn Thị Yến P3 vay 03 hợp đồng tín dụng tổng số tiền 700.000.000 đồng của Ngân hàng V rồi chiếm đoạt.

[2.1.6] Bị cáo **Lê Hồng H1**: Do một số bị cáo trong vụ án này vay tiền của bị cáo H1 nhưng không có khả năng trả, từ đó bị cáo H1 bàn bạc với bị cáo P và Ánh V2 (đã chết), để P làm giả các giấy tờ, tài liệu để vay tiền của Ngân hàng V với mục đích nếu Ngân hàng V giải ngân thì bị cáo vừa thu hồi tiền nợ và vừa được P chia tiền công làm hồ sơ. Bị cáo đồng phạm với bị cáo P và bị cáo khác tổng cộng 05 hồ sơ tín dụng, với tổng số tiền 830.000.000 đồng.

[2.1.7] Bị cáo **Lê Thị Bích N**: Qua sự giới thiệu của bị cáo H1, bị cáo N đã bàn bạc và nhờ bị cáo P làm giả các tài liệu để vay của Ngân hàng V số tiền 200.000.000 đồng.

[2.1.8] Bị cáo **Nguyễn Thị Đài T**: Thông qua Cao Thị Ánh V2, bị cáo Đài Trang bàn bạc và thống nhất để bị cáo P làm giả các tài liệu để bị cáo vay số tiền 250.000.000 đồng của Ngân hàng V.

[2.1.9] Bị cáo **Nguyễn Hoàng Minh T3**: Do quen biết trước với bị cáo P, 2 bị cáo bàn bạc để bị cáo P làm giả các tài liệu cho bị cáo M3 Trang vay tiền của Ngân hàng V, tổng cộng 2 hồ sơ với số tiền 340.000.000 đồng.

[2.1.10] Bị cáo **Ngô Đài P2**: Thông qua bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo P2 nhờ bị cáo P làm giả các tài liệu để bị cáo P2 vay được số tiền 200.000.000 đồng của Ngân hàng V.

[2.1.11] Bị cáo **Lê Hữu H2**: Bị cáo Hiếu bàn bạc với Trương sẽ làm giấy tờ, tài liệu giả có thông tin nhân thân tên Nguyễn Thanh Hậu – Điều dưỡng Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vĩnh Long, để bị cáo Hiếu sử dụng được vay tại Ngân hàng V V1 số tiền 200.000.000 đồng.

[2.1.12] Bị cáo **Trần Ngọc K**: Bị cáo K bàn bạc với Đỗ Viết Trương sẽ làm giấy tờ, tài liệu giả có thông tin nhân thân tên Nguyễn Phương Thảo Hậu – Điều dưỡng Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vĩnh Long, để bị cáo sử dụng vay của Ngân hàng V số tiền 200.000.000 đồng.

[2.1.13] Bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc P1**: Bị cáo bàn bạc với Đỗ Viết Trương sẽ làm giấy tờ, tài liệu giả có thông tin nhân thân tên Phạm Hoàng Ngọc Quý – Y sĩ Bệnh viện Tâm Thần Vĩnh Long cho bị can P1 sử dụng vay được của Ngân hàng V số 170.000.000 đồng;

[2.1.14] Bị cáo **Phạm Thanh H3**: Bị cáo chịu trách nhiệm người đứng đầu Ngân hàng V – Chi nhánh Vĩnh Long, nhưng bị cáo lại thiếu trách nhiệm trong quá trình phê duyệt hồ sơ, không kiểm soát lại tính hợp lý và sự phù hợp với các chính sách, quy định về cấp tín dụng của Pháp luật và Ngân hàng quy định tại Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Khoản 4.3 Điều 4 Chương II Quy trình số 4178A/2017/QT-LVB ngày 10/4/2017, gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho Ngân hàng.

[2.2] Với những hành vi nêu trên, các bị cáo phạm các tội như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b,c khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Nguyễn Thị H và Trần Thị Phương T4 phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Đồng Công T2 phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*" được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Lê Hồng H1 phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Lê Thị Bích N, Nguyễn Thị Đài T, Nguyễn Hoàng Minh T3, và Ngô Đài P2 phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Lê Hữu H2 và Trần Ngọc K phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P1 phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174, điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Phạm Thanh H3 phạm tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*" quy định tại khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H, Đồng Công T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Đài T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P1, Lê Hồng H1, Nguyễn Hoàng Minh T3, Ngô Đài P2, Trần Ngọc K, Lê Hữu H2, Lê Thị Bích N và Phạm Thanh H3 xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Trần Thị Phương T4 yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến bị cáo, trường hợp Hội đồng xét xử không hủy án thì đề nghị xác định bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Hội Đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy P:

Trong vụ án này, bị cáo P giữ vai trò chủ mưu, hưởng lợi nhiều nhất, gây thiệt hại cho Ngân hàng với số tiền rất lớn. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, nhưng lại có 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 12 (mười hai) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 05 (năm) năm tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là có phần nhẹ. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận.

[4.1.2] Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo P và các bị cáo trong các hợp đồng vay khác do bị cáo P làm giả giấy tờ cùng gây thiệt hại cho Ngân hàng và bị cáo

hưởng lợi từ các hợp đồng này nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo chịu trách nhiệm liên đới bồi thường là đúng quy định. Vì vậy, kháng cáo về phần dân sự của bị cáo P là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Đối với bị cáo Trần Thị Phương T4:

[4.2.1] Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm đối với 01 hồ sơ do bị cáo đứng tên vay với số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ như lời khai của các bị cáo Lê Hồng H1, bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, bà Lâm Thị Thu H10, của bà Cao Thị Ánh V2, lời khai của chính bị cáo T4 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Thị Phương T4 vừa trực tiếp đứng tên vay của Ngân hàng V1 vừa có hành vi giúp sức trong các hồ sơ vay của Lâm Thị Thu H10, Trần Trung Đ1, và Cao Thị Ánh V2, tổng cộng là 04 hồ sơ vay với tổng số tiền là 800.000.000 đồng. Bị cáo còn cho rằng cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của các bị cáo khác để quy kết bị cáo là đồng phạm trong 3 hồ sơ là không khách quan. Tuy nhiên, lời khai các bị cáo nêu trên phù hợp với nhau, do các bị cáo tự nguyện khai, các bị cáo đã được đọc lại biên bản ghi lời khai và ký tên xác nhận. Mặt khác, tại biên bản đối chất ngày 17/4/2019 (BL 3919), bị cáo T4 và Cao Thị Ánh V2 (đã chết) đều xác định giữa hai bên không có mâu thuẫn gì. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4.2.2] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù, về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và 01 (một) năm tù, về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tương ứng bị cáo bị áp dụng và bằng mức khởi điểm của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cho rằng sau khi xảy ra vụ án bị cáo đã tự thú và còn vận động bị cáo T8 và Minh ra tự thú với cơ quan điều tra nên yêu cầu được giảm nhẹ thêm một phần hình phạt. Tuy nhiên, như đã nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4.2.3] Về trách nhiệm dân sự: Như phân tích trên, bị cáo không liên quan đến hồ sơ vay của Nguyễn Thị Ngọc Q1 và Tăng Minh H6. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải liên đới bồi thường đối với 02 hồ sơ này là có sự nhầm lẫn. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa phần quyết

định về trách nhiệm dân sự, không buộc bị cáo lên đới bồi thường đối với số tiền chiếm đoạt của Nguyễn Thị Ngọc Q1 và Tăng Minh H6.

[4.2.4] Bị cáo còn cho rằng đã nộp khắc phục dư số tiền 39.000.000 đồng nên yêu cầu được nhận lại số tiền này. Xét thấy, nếu bị cáo nộp dư số tiền bồi thường thiệt hại thì bị cáo có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án đối trừ với nghĩa vụ dân sự trong giai đoạn thi hành án.

[4.3] Đối với bị cáo Đồng Công T2:

[4.3.1] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Như nhận định tại mục [2.1.2], hành vi của bị cáo Đồng Công T2 gây thiệt hại cho Ngân hàng với tổng số tiền rất lớn là 4.590.000.000 đồng và hưởng lợi 175.350.000 đồng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, nhưng cũng có tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo T2 09 (chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 01 (một) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội là 10 năm tù, là đã có xem xét chiếu cố cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận.

[4.3.2] Về kháng cáo phần trách nhiệm bồi thiệt hại: Bị cáo kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường đối với hợp đồng của Cao Thị Ánh V2 và hợp đồng của Khuru Thủy T10.

Xét thấy, bị cáo giúp sức cho bị cáo P và V2, T10 để V2, T10 được Ngân hàng cho V2 vay số tiền là 200.000.000 đồng và cho T10 vay 250.000.000 đồng nên bị cáo T2 và bị cáo P có trách nhiệm liên đới với T10, và V2 bồi thường cho ngân hàng. Kết quả điều tra cũng như xác nhận của đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện, đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Hợp đồng đứng tên Cao Thị Ánh V2 còn nợ số tiền gốc là 181.609.799đ; Hợp đồng đứng tên Khuru Thủy T10 còn nợ số tiền gốc là 210.759.849đ. Quá trình giải quyết vụ án, T10 và V2 đều đã chết và không còn tài sản nào khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T2 và bị cáo P phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường số tiền đối với hợp đồng của V2 và T10 nêu trên, là có căn cứ.

[4.4] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1.

[4.4.1] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Bản thân bị cáo là người công tác trong lĩnh vực pháp luật, nhưng lại làm giả giấy tờ để cho các bị cáo khác thực hiện hành vi lừa đảo, gây thiệt hại cho Ngân hàng V 700.000.000 đồng. Bị cáo giữ vai trò chủ mưu, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T1 07 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 02 năm 06 tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*", tổng hợp hình phạt chung cho cả 2 tội là 09 năm 06 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tình tiết đã bồi thường bổ sung số tiền 46.000.000 đồng cho ngân hàng. Tuy nhiên, qua xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nghiêm trọng từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì số tiền bồi thường của bị cáo không được coi là căn cứ để Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.4.2] Đối với kháng cáo về trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Bị cáo cùng Đỗ Nhật L4, Nguyễn Thanh B2 và Nguyễn Thị Yên P3 gây thiệt hại cho Ngân hàng nên phải có trách nhiệm liên đới cùng những người này bồi thường cho Ngân hàng. Hồ sơ vụ án và xác nhận của đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện, đến thời điểm xét xử sơ thẩm, hợp đồng của Đỗ Nhật L4 số tiền nợ gốc còn 32.666.288đ, hợp đồng của Nguyễn Thanh B2 số tiền nợ gốc còn 68.968.881đ và hợp đồng của Nguyễn Thị Yên P3 số tiền nợ gốc còn 13.903.899đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T1 liên đới với Đỗ Nhật L4 theo phần để hoàn trả 32.666.288đ; liên đới với Nguyễn Thanh B2 theo phần hoàn trả 68.968.881đ; liên đới với Nguyễn Thị Yên P3 theo phần để hoàn trả 13.903.899đ, cho bị hại là đúng quy định. Bị cáo kháng cáo cho rằng chỉ phải liên đới bồi thường số tiền 46.016.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4.5] Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Hữu H2.

Bị cáo Hiếu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, đồng thời xuất trình tình tiết mới gồm: đã khắc phục toàn bộ thiệt hại theo quyết định của bản án sơ thẩm; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn; cha bị cáo được tặng thưởng huân huy chương. Xét thấy, bị cáo bị truy tố và xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự, có mức khởi điểm của khung hình phạt tương ứng lần lượt là từ 07 đến 15 năm và từ 03 đến 07 năm, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt 02 năm tù, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 06 tháng tù về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*", bằng với mức khởi điểm của khung hình phạt thấp hơn liền kề tương ứng từng tội danh đối với bị cáo là đã có khoan hồng, chiếu cố cho bị cáo. Các tình tiết bị cáo xuất trình tại cấp phúc



thẩm đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Tuy nhiên, đối với tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*", cáo trạng truy tố bị cáo Hiếu theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm cũng nhận định hành vi của bị cáo phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có sự nhầm lẫn nên Hội đồng xét xử sửa lại cho đúng.

[4.6] Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Ngô Đài P2.

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã đánh giá vai trò cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như hoàn cảnh của bị cáo P2, đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án ở đầu khung hình phạt liền kề nhẹ hơn khung hình phạt bị cáo bị áp dụng đối với cả 02 tội danh là nhẹ so với hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã khắc phục thêm số tiền 20.000.000 đồng và cung cấp giấy xác nhận của cơ quan điều tra về việc bị cáo tự thú, bị cáo có hợp tác tích cực với cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án. Nhưng như nhận định nêu trên, mức án Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đã có nhiều chiều cổ cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.7] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Trần Ngọc K.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo K 02 (hai) năm tù, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 06 (sáu) tháng tù, về tội, "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò thực hiện hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.8] Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bích N

Bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với lý do: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả thêm 20.000.000 đồng; hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi mẹ già bị bệnh và con nhỏ trong độ tuổi đi học. Tuy nhiên, các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và chỉ xử phạt bị cáo N 02 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 06 tháng tù về tội "*Làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan*", dưới

mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đã có sự khoan hồng đối với bị cáo. Số tiền bị cáo khắc phục thêm nhỏ hơn nhiều so với số tiền còn lại bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.9] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đồng thời xin được hưởng án treo và xuất trình tình tiết khắc phục hậu quả thêm số tiền 10.000.000 đồng tại cấp phúc thẩm. Xét thấy, bị cáo phạm nhiều tội và phạm tội nhiều lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 340.000.000 đồng. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 06 tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là đã có chiều cố cho bị cáo. Tình tiết bị cáo khắc phục hậu quả thêm số tiền 10.000.000 đồng không đủ điều kiện để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.10] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Đài T.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Thị Đài T, đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Đài Trang 02 (hai) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 06 (sáu) tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2022/HS-ST ngày 25/11/2022, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Đài T 02 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử quyết định tổng hợp hình phạt của 02 bản án đối với bị cáo căn cứ vào Điều 55, 56 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.11] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Hồng H1.

Trong vụ án này, bị cáo H1 giữ vai trò giúp sức cho bị cáo P tổng cộng 05 hồ sơ tín dụng, với tổng số tiền vay là 830.000.000 đồng. Bị cáo bị truy tố và xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 12

đến 20 năm hoặc tù chung thân, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.12] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P1.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo P1 01 (một) năm tù, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 06 (sáu) tháng tù, về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là mức án ở đầu khung hình phạt liền kề nhẹ hơn khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội, phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo nộp khắc phục hậu quả bổ sung 30.000.000 đồng và xuất trình tình tiết nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nhưng các tình tiết này đã được cấp sơ thẩm áp dụng và không làm thay đổi đáng kể tính chất nguy hiểm về hậu quả của hành vi do bị cáo gây ra. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.13] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị H.

Bị cáo H trực tiếp đứng tên 02 hồ sơ tín dụng và giới thiệu bị cáo P2 cho bị cáo P làm hồ sơ giả để vay tiền Ngân hàng, với tổng số tiền 650.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo có vai trò tích cực, phạm tội nhiều lần, số tiền gây thiệt hại lớn, bị truy tố và xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 02 (hai) năm tù, về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*", bằng mức khởi điểm của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn là đã có xem xét giảm nhẹ và khoan hồng đối với bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.14] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Phạm Thanh H3.

Bị cáo là giám đốc Ngân hàng V – Chi nhánh Vĩnh Long nhưng thiếu kiểm tra trong quá trình ký duyệt 19 hồ sơ cho vay gây thiệt hại cho đơn vị do bị cáo quản lý trực tiếp với tổng số tiền 4.630.000.000 đồng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, từ đó xử phạt bị cáo Hải 3 năm tù, bằng mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

Mặt khác, bị cáo Phạm Thanh H3 chịu trách nhiệm người đứng đầu nhưng thiếu trách nhiệm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nên cần phải có hình phạt nghiêm, có như vậy mới đáp ứng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, kháng cáo của bị cáo Hải không được chấp nhận.

[5] Các nội dung bản án sơ thẩm thiếu sót cần rút kinh nghiệm và kiến nghị:

[5.1] Với hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đúng về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như về tội danh. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H, Trần Thị Phương T4, Lê Thị Bích N, Nguyễn Anh M3, Trần Trung Đ1, Nguyễn Thị Đài T, Trịnh Thị Minh Tr, Nguyễn Hoàng Minh T3, Trần Thị Khánh Ng, Huỳnh Thị Cẩm T8, Ngô Đài P2 phạm tội "*Làm giả, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là chưa chính xác với hành vi phạm tội của từng bị cáo và chưa chính xác về tên tội danh, nên Hội đồng xét xử cần sửa phần này cho đúng với nội dung điều luật quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự. Trong phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử chỉ sửa bản án sơ thẩm đối với các bị cáo có kháng cáo. Trường hợp các bị cáo khác trong vụ án không kháng cáo, Hội đồng xét xử kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét theo quy định của pháp luật.

[5.2] Đối với trường hợp ông Nguyễn Phong H5 là giáo viên Trường tiểu học Lý Thường Kiệt - thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; ông Nguyễn Vương T9 - giáo viên Trường tiểu học Đồng Phú A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Căn cứ lời khai của ông H5, ông T9 trong quá trình điều tra thể hiện, ông H5, ông T9 đã có hành vi lén lấy con dấu của nhà trường đóng dấu không vào các vị trí do bị cáo P chỉ định sẵn trên tờ giấy A4 chưa qua sử dụng nhằm mục đích cung cấp cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy P làm hồ sơ giả vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần V chi nhánh Vĩnh Long để sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P khai nhận phù hợp với lời khai của ông H5, ông T9 và thừa nhận khi sử dụng các giấy A4 còn thừa để làm giả các hồ sơ cho các bị cáo khác vay thì bị cáo P có chia tiền cho ông H5, ông T9. Bị cáo P đã làm hồ sơ để T9 sử dụng đủ điều kiện được nâng hạn mức tín dụng thêm 50.000.000 đồng và được ký Hợp đồng tín dụng Số HĐTD85020180099 ngày 31/01/2018, nhận số tiền 50.000.000 đồng. Đối với ông H5, do ông H5 có nợ xấu nên bị ngân hàng từ chối, do đó bị cáo P làm giấy tờ, tài liệu giả để con của ông H5 là Nguyễn Nhựt N6 được ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch Ninh K

(Maritime Bank CN Ninh K - PGD Ninh K) và nhận số tiền 100.000.000 đồng. Các tờ giấy A4 còn thừa lại bị cáo P tiếp tục sử dụng làm hồ sơ giả cho các bị cáo khác vay.

Như vậy, hành vi của ông H5, ông T9 có dấu hiệu phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự, nhưng chưa được Cơ quan Điều tra xử lý. Tuy nhiên, việc xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Phong H5 và Nguyễn Vương T9 không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan cũng như tội danh, hình phạt của các bị cáo trong vụ án này nên không cần thiết hủy án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan điều tra có thẩm quyền tiếp tục điều tra làm rõ hành vi này của ông H5 và ông T9. để xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Phương T4. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ngọc P1, Nguyễn Thị Đài T, Lê Thị Bích N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng Minh T3, Trần Ngọc K, Lê Hồng H1, Ngô Đài P2, Lê Hữu H2, Phạm Thanh H3 và Đồng Công T2. Sửa một phần bản án sơ thẩm về tên tội danh của các bị cáo và phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo T4.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo về phần hình phạt không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H, Đồng Công T2, Trần Thị Phương T4, Nguyễn Thị Ngọc P1, Nguyễn Thị Đài T, Lê Thị Bích N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng Minh T3, Trần Ngọc K, Lê Hồng H1, Ngô Đài P2, Lê Hữu H2 và Phạm Thanh H3 phải chịu.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Văn T1 và Đồng Công T2, phải chịu; bị cáo Trần Thị Phương T4 không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Phương T4; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H, Đồng Công T2, Nguyễn Thị Ngọc P1, Nguyễn Thị Đài T, Lê Thị Bích N, Nguyễn Văn

T1, Nguyễn Hoàng Minh T3, Trần Ngọc K, Lê Hồng H1, Ngô Đài P2, Lê Hữu H2, Phạm Thanh H3. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 10-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

## 2. Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P phạm các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

- Các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Thị Phương T4, Lê Thị Bích N, Nguyễn Thị Đài T, Nguyễn Hoàng Minh T3, Ngô Đài P2 đều phạm các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

- Các bị cáo Lê Hữu H2, Trần Ngọc K và Nguyễn Thị Ngọc P1 phạm các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

- Bị cáo Lê Hồng H1 phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*

- Bị cáo Đồng Công T2 phạm tội các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*

- Bị cáo Phạm Thanh H3 phạm tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*.

## 3. Về hình phạt:

3.1 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b,c khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thúy P 12 (mười hai) năm tù** về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và **05 (năm) năm tù** về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy P phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **17 (mười bảy) năm tù**.

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 30/6/2018, đến ngày 22/10/2019.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Thúy P làm công việc liên quan đến quản lý các con dấu 03 (ba) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

3.2 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H 07 (bảy) năm tù**, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và **02 (hai) năm tù**, về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **09 (chín) năm tù**

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 29/6/2018, đến ngày 22/10/2019.

3.3 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Phương T4 07 (bảy) năm tù**, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và **01 (một) năm tù**, về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thị Phương T4 phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **08 (tám) năm tù**.

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3.4 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1 07 (bảy) năm tù**, về "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chấp hành chung cho cả 2 tội là: **09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 20/9/2019 đến ngày 08/11/2019.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự

Cấm bị cáo Nguyễn Văn T1 làm công việc liên quan đến quản lý các con dấu 03 (ba) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

3.5 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đồng Công T2 09 (chín) năm tù**, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đồng Công T2 01 (một) năm tù**, về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự

Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo Đồng Công T2 phải chấp hành chung là: **10 (mười) năm tù**.

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 28/02/2019 đến ngày 21/6/2019.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự

Cấm bị cáo Đồng Công T2 làm công việc liên quan đến hoạt động tín dụng 03 (ba) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

3.6 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Hồng H1 03 (ba) năm tù**, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 01/3/2019 đến ngày 26/6/2019.

3.7 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Bích N 02 (hai) năm tù**, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và **06 (sáu) tháng tù**, về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".



Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thị Bích N phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3.8 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Đài T 02 (hai) năm tù** về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và **06 (sáu) tháng tù** về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Đài T phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt theo Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đài T **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đài T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **05 (năm) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2021.

3.9 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng Minh T3 02 (hai) năm tù** về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và **06 (sáu) tháng tù** về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3.10 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Ngô Đài P2 01 (một) năm tù**, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và **06 (sáu) tháng tù**, về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Ngô Đài P2 phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3.11 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Hữu H2 02 (hai) năm tù**, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và **06 (sáu) tháng tù**, về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Lê Hữu H2** phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3.12 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc K 02 (hai) năm tù**, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và **06 (sáu) tháng tù**, về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Ngọc K phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3.13 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc P1 01 (một) năm tù**, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và **06 (sáu) tháng tù**, về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P1 phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: **01(một) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3.14 Áp dụng khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017, NQ số 41/2014/QH14 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thanh H3 03 (ba) năm tù**, về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*"

Thời hạn thi hành án được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 05/12/2020 đến ngày 26/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 360 của Bộ luật Hình sự.

Cấm bị cáo Phạm Thanh H3 làm công việc liên quan đến hoạt động tín dụng 03 (ba) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

#### 4. Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, khoản 2 Điều 288, khoản 1 Điều 584, khoản 1, khoản 4 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 cụ thể như sau:

4.1 Buộc 03 bị cáo: **Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **196.613.824đ** (*một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng*); trong đó bị cáo H phải hoàn trả 146.313.824đ, bị cáo P phải hoàn trả 50.000.000đ; bị cáo T2 phải hoàn trả 10.000.000đ. (phần bị cáo T2 đã nộp xong)

4.2 Buộc 02 bị cáo: **Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần bằng nhau để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **181.609.799 đồng** (*một trăm tám mươi một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng*); Trong đó mỗi bị cáo phải hoàn trả 90.804.900đ

4.3 Buộc 03 bị cáo: **Đặng Thị KO, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **62.222.486 đồng** (*sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*); trong đó bị cáo Oanh hoàn trả 12.222.486đ, bị cáo P hoàn trả 50.000.000đ, bị cáo T2 hoàn trả 10.000.000đ (phần của bị cáo T2 đã nộp xong)

4.4 Buộc 02 bị cáo: **Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần bằng nhau để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **210.759.849đ** (*hai trăm mười triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*); trong đó mỗi bị cáo phải hoàn trả 105.379.924đ

4.5 Buộc 04 bị cáo: **Lê Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Lê Hồng H1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **140.604.824đ** (*một trăm bốn mươi triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng*); trong đó bị cáo N hoàn trả 102.604.824đ, bị cáo P hoàn trả 38.000.000đ, bị cáo T2 hoàn trả 10.000.000đ, bị cáo H1 phải trả 10.000.000đ (phần của bị cáo T2 và H1 đã nộp xong)

4.6 Buộc 03 bị cáo: **Trần Văn S1, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **38.257.691đ** (*ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi một*

đồng); trong đó bị cáo Sữa hoàn trả 17.757.691đ; bị cáo P hoàn trả 20.500.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 5.000.000đ (phần của bị cáo T2 đã nộp xong)

4.7 Buộc 03 bị cáo: **Tăng Minh H6, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **210.759.824đ** (hai trăm mười triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn tám trăm hai mươi bốn nghìn); trong đó bị cáo Hiếu hoàn trả 110.759.824đ; bị cáo P hoàn trả 100.000.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 10.000.000đ (phần của bị cáo T2 đã nộp xong)

4.8 Buộc 03 bị cáo: **Nguyễn Anh M3, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **225.105.318đ** (hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm lẻ năm nghìn ba trăm mười tám đồng); trong đó bị cáo M3 hoàn trả 206.105.318đ ; bị cáo P hoàn trả 19.000.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 10.000.000đ (phần của bị cáo T2 đã nộp xong)

4.9 Buộc 04 bị cáo: **Nguyễn Thị Ngọc Q1, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Lê Hồng H1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **9.448.829đ** (chín triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi chín đồng); (phần của bị cáo T2, H1, P đã nộp xong)

4.10 Buộc 04 bị cáo: **Trần Trung Đ1, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Đặng Long Toàn** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **40.597.799đ** (bốn mươi triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng); trong đó bị cáo Đây hoàn trả 10.597.799đ; bị cáo P hoàn trả 30.000.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 10.000.000đ; bị cáo Toàn hoàn trả 14.500.000đ (phần của bị cáo T2, bị cáo Toàn đã nộp xong)

4.11 Buộc 03 bị cáo: **Trịnh Thị Minh Tr, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **159.044.824đ** (một trăm năm mươi chín triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng); trong đó bị cáo Trịnh Thị Minh Tr hoàn trả 89.044.824đ; bị cáo P hoàn trả 70.000.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 12.000.000đ (phần của bị cáo T2 đã nộp xong)

4.12 Buộc 04 bị cáo: **Huỳnh Thị Cẩm T8, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Lê Hồng H1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **80.449.849đ** (tám mươi triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng); trong đó bị cáo T8 hoàn trả 64.449.849đ; bị cáo P hoàn trả 16.000.000đ; bị cáo T2 hoàn trả 12.000.000đ ; bị cáo H1 hoàn trả 7.500.000đ (phần của bị cáo T2, bị cáo H1 đã nộp xong)

4.13 Buộc 04 bị cáo: **Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2, Lê Hồng H1, Trần Thị Phương T4** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **219.319.824đ** (hai trăm mười chín triệu ba trăm mười chín nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng); trong đó bị cáo P hoàn trả 119.319.824đ, bị cáo H1

nộp 110.000.000đ bị cáo T2 hoàn trả 15.000.000đ (phần của bị cáo T2, bị cáo T4 đã nộp xong)

4.14 Buộc 03 bị cáo: **Nguyễn Hoàng Minh T3, Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **80.689.816đ** (*tám mươi triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn tám trăm mười sáu đồng*) (phần của bị cáo T2, bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 đã nộp xong).

4.15 Buộc 02 bị cáo: **Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thúy P** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **192.269.849đ** (*một trăm chín mươi hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*); (phần của bị cáo P đã nộp xong)

4.16 Buộc 02 bị cáo: **Nguyễn Hoàng Minh T3, Nguyễn Thị Thúy P** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **171.099.841đ** (*một trăm bảy mươi một triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi một đồng*); Trong đó bị cáo P phải hoàn trả 150.000.000đ, bị cáo Nguyễn Hoàng Minh T3 hoàn trả 21.099.841đ.

4.17 Buộc bị cáo **Nguyễn Thị Thúy P** hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **196.609.849đ** (*một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm lẻ chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*);

4.18 Buộc 03 bị cáo: **Ngô Đài P2, Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **80.501.000đ** (*tám mươi triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng*); (Phần của bị cáo H và bị cáo P đã nộp xong).

4.19 Buộc 02 bị cáo: **Đỗ Nhựt L4 và Nguyễn Văn T1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **32.666.288đ** (*ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi tám đồng*) ; (Phần của bị cáo L4 đã nộp xong)

4.20 Buộc 02 bị cáo: **Nguyễn Thanh B2 và Nguyễn Văn T1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **68.968.881đ** (*sáu mươi tám triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm tám mươi một đồng*); (Phần của bị cáo Bằng đã nộp xong).

4.21 Buộc 02 bị cáo: **Nguyễn Thị Yến P3 và Nguyễn Văn T1** liên đới theo phần để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V V1 số tiền **13.903.899đ** (*mười ba triệu chín trăm lẻ ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng*); (Phần của bị cáo P3 đã nộp xong).

5. Số tiền các bị cáo Lê Thị Bích N, Ngô Đài P2, Lê Hữu H2, Nguyễn Thị Ngọc P1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng Minh T3 đã nộp cho Ngân hàng TMCP V V1 trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án sẽ được đối

trừ theo các chứng từ hợp pháp của các bị cáo xuất trình trong giai đoạn thi hành án.

#### 6. Án phí:

6.1 Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị H, Trần Thị Phương T4, Đồng Công T2, Nguyễn Thị Ngọc P1, Nguyễn Thị Đài T, Lê Thị Bích N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng Minh T3, Trần Ngọc K, Lê Hồng H1, Ngô Đài P2, Lê Hữu H2 và Phạm Thanh H3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

6.2 Án phí dân sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Đồng Công T2 và Nguyễn Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng; bị cáo Trần Thị Phương T4 không phải chịu.

7. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Vĩnh Long; (14)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long; (1)
- Công an tỉnh Vĩnh Long; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long; (1)
- Cục THA DS tỉnh Vĩnh Long (1)
- Bị cáo; (14)
- Bị hại; (1)
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 42. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Vũ Ngọc Huynh**